CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TỔNG HỢP

QUY HOẠCH CHUNG XÃ KHOEN ON, TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2045

Địa điểm: Xã Khoen On, tỉnh Lai Châu



Khoen On, Năm 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TỔNG HỢP

QUY HOẠCH CHUNG XÃ KHOEN ON, TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2045

Cơ quan trình duyệt
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOEN ON

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
PHÒNG KINH TẾ
XÃ KHOEN ON

Cơ quan tư vấn lập quy hoạch
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN VIỆT KHÔI

Khoen On -2026

MỤC LỤC

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ; CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH; VỊ TRÍ, PHẠM VI QUY HOẠCH, QUY MÔ DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH; QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CỦA XÃ **3**

1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch chung xã 3

1.2. Các căn cứ lập quy hoạch 4

1.3. Vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô, diện tích lập quy hoạch 8

1.4. Quan điểm và mục tiêu phát triển của tỉnh tác động đến phát triển của xã 8

1.5. Tính chất, vai trò, chức năng của xã 9

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI; HIỆN TRANG PHÂN BỐ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG; SỰ BIẾN ĐỘNG VỀ DÂN SỐ TRONG VÙNG LẬP QUY HOẠCH; HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI; HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG XÃ HỘI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA, CẤP VÙNG, CẤP TỈNH TRONG PHẠM VI QUY HOẠCH VÀ CÓ LIÊN QUAN; HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG **10**

2.1. Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội. 10

2.2. Hiện trạng phân bố khu dân cư nông thôn và các khu chức năng 14

2.3. Hiện trạng dân số, lao động, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch 16

2.4. Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai 16

2.5. Hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật 19

2.6. Hiện trạng tài nguyên và môi trường 32

2.7. Hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch 34

2.8. Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường 35

2.9. Đánh giá tổng hợp thực trạng, những vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch 36

III. XÁC ĐỊNH ĐỘNG LỰC VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ; TÁC ĐỘNG, YÊU CẦU CỦA ĐỊNH HƯỚNG, PHƯƠNG HƯỚNG, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA, CẤP VÙNG, CẤP TỈNH ĐỐI VỚI VIỆC LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ **37**

3.1. Xác định động lực và tiềm năng phát triển của xã 37

3.2. Tác động, yêu cầu và định hướng, phương phướng, quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với việc lập quy hoạch chung xã 39

IV. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ, DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; CÁC RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG, THẢM HỌA THIÊN NHIÊN **40**

4.1. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường 40
4.2. Các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên.....46

V. XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TỔNG THỂ CÁC KHU VỰC **.....46**
5.1. Phân vùng phát triển.....46
5.2. Cấu trúc, định hướng phát triển các khu vực 48

VI. XÁC ĐỊNH YÊU CẦU QUẢN LÝ THEO CÁC KHU VỰC; XÁC ĐỊNH QUY MÔ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH; ĐỊNH HƯỚNG KIẾN TRÚC CẢNH QUAN **.....51**
6.1. Xác định yêu cầu quản lý theo các khu vực 51
6.2. Xác định quy mô sử dụng đất quy hoạch 56
6.3. Định hướng kiến trúc cảnh quan 56

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT **.....59**
7.1. Định hướng giao thông.....59
7.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật 60
7.3. Định hướng hệ thống điện, cung cấp năng lượng 61
7.4. Định hướng cấp nước 61
7.5. Định hướng xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.....62
7.6. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động.....63
7.7. Định hướng phòng chống thiên tai 63

VIII. LUẬN CỨ VÀ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THEO CÁC GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH, ĐẢM BẢO TÍNH KHẢ THI TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN **.....65**
8.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư.....65
8.2. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư.....67

IX. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH CHUNG XÃ SAU KHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT **.....70**
9.1. Nhóm giải pháp về quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch 70
9.2. Nhóm giải pháp hỗ trợ thực hiện và phát triển bền vững.....72

X. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**.....73**
10.1. Hiện trạng môi trường 73
10.2. Đánh giá môi trường chiến lược.....74
10.3 Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường 79

XI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ **.....84**
11.1. Kết luận.....84
11.2. Kiến nghị 84

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ; CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH; VỊ TRÍ, PHẠM VI QUY HOẠCH, QUY MÔ DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH; QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CỦA XÃ

1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch chung xã

Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025. Theo đó, xã Khoen On mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ địa giới hành chính, tổ chức và dân cư của hai xã Khoen On và xã Ta Gia. Việc thành lập đơn vị hành chính mới là bước đi chiến lược nhằm tinh gọn bộ máy hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tuy nhiên, sự sáp nhập này cũng đồng nghĩa với việc cần có một định hướng phát triển không gian mới, phù hợp với hiện trạng, tiềm năng và yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

Trước thời điểm sáp nhập xã Khoen On, xã Ta Gia đều đã được phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã theo quy định. Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, các đồ án này đã không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Sau sáp nhập, xã Khoen On có quy mô diện tích lớn hơn, đồng thời quy mô dân số cũng tăng lên, dẫn đến các yêu cầu mới trong việc tổ chức không gian phát triển, phân bổ đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Bên cạnh đó, sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, dân cư và phát triển kinh tế của các xã cũ cũng đòi hỏi một quy hoạch thống nhất, điều chỉnh lại tổ chức lãnh thổ nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa, bền vững.

Việc xây dựng một đồ án quy hoạch mới sẽ giúp xác định rõ các khu chức năng chính *(khu dân cư, trung tâm hành chính, sản xuất nông – lâm nghiệp, dịch vụ…)*, đồng thời kết nối và phân bổ hợp lý nguồn lực nhằm phát triển cân bằng giữa các khu vực trong xã.

Ngoài ra, trong quá trình phát triển, nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn xã có sự thay đổi rõ rệt: đất ở nông thôn, đất công trình công cộng, đất sản xuất, đất giao thông… đều có xu hướng gia tăng để đáp ứng nhu cầu dân sinh và phát triển kinh tế. Đồng thời, hạ tầng kỹ thuật *(giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện…)* và hạ tầng xã hội *(trường học, y tế, chợ, trung tâm văn hóa,…)* cần được quy hoạch đồng bộ, kết nối và nâng cấp để phục vụ tốt hơn cho người dân.

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc lập ***"Quy hoạch chung xã Khoen On, tỉnh Lai Châu đến năm 2045"*** là việc làm cấp thiết, mang tính tất yếu nhằm đưa ra những định hướng phát triển, đáp ứng các nhu cầu xây dựng về không gian, mạng lưới dân cư, quy hoạch phát triển các khu sản xuất, quy hoạch xây dựng hạ tầng,… phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy

hoạch sử dụng đất, quy hoạch các ngành, lĩnh vực, cũng như phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu nói chung và của xã Khoen On nói riêng trong thời kỳ mới.

1.2. Các căn cứ lập quy hoạch

1.2.1. Các cơ sở pháp lý chung

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025;

- Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

- Căn cứ Luật Luật Đất đai số 31/2024/QH15; các văn bản pháp luật hướng dẫn, sửa đổi Luật Đất đai 2024;

- Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

- Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020.

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, sửa đổi bổ sung tại Luật Thanh tra 2022 số 11/2022/QH15 ngày 14/11/2022, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023, Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội thông qua Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Căn cứ Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025;

- Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Căn cứ Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 Quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Căn cứ Nghị định 37/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quy hoạch; Nghị định 58/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 37/2019/NĐ-CP; Nghị định 22/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 37/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quy hoạch được sửa đổi theo Nghị định 58/2023/NĐ-CP;

- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng - QCVN 01:2021/BXD (Ban hành theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021);

- Căn cứ Quy chuẩn Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – QCVN 07:2023/BXD (Ban hành theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4454:2012 Quy hoạch xây dựng nông thôn- tiêu chuẩn thiết kế;

- Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế;

- Căn cứ Thông tư 16/2025/TT-BXD, ngày 30/06/2025 của Bộ xây dựng quy định chi tiết về một số điều luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 9/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập;

- Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới văn hóa thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

- Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du & Miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Căn cứ Văn bản số 4321/UBND-TH ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thông báo các thông tin cơ bản địa giới hành chính cấp xã;

- Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Khoen On, tỉnh Lai Châu đến năm 2045;

- Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Văn bản số 7109/UBND-KTN ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh sau khi sắp xếp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

- Văn bản số 4089/SXD-QHKT&NO ngày 10/11/2025 của Sở Xây dựng Lai Châu về hướng dẫn lập quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1.2.2. Các nguồn tài liệu, số liệu

- Quy hoạch sử dụng đất huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2030;

- Quy hoạch chung xây dựng các xã: Khoen On, Ta Gia, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

- Niên giám thống kê các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024;

- Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 29/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu công nhận bản Nam và bản Củng, xã Ta Gia, huyện Than Uyên là điểm Du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Khoen On lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 xã Khoen On;

- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã về đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, thủy sản, hướng tới xây dựng chuỗi liên kết sản xuất bền vững trên địa bàn xã Khoen On, giai đoạn 2026 – 2030;

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã về phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp các dân tộc trên địa bàn xã Khoen On, giai đoạn 2026 - 2030;

- Các đồ án quy hoạch và dự án liên quan trong khu vực và lân cận được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tài liệu, số liệu thống kê về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật…

1.2.3. Các sơ đồ, bản đồ và dữ liệu

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Sử dụng bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Lai Châu cung cấp;

- Dữ liệu kiểm kê đất đai năm 2024 xã Khoen On, thống kê đất đai năm 2025 xã Khoen On, tỉnh Lai Châu;

- Bản đồ địa chính chính quy xã Khoen On.

1.3. Vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô, diện tích lập quy hoạch

1.3.1. Tên quy hoạch

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xã Khoen On, tỉnh Lai Châu đến năm 2045.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/10.000.

1.3.2. Vị trí, phạm vi:

Vị trí, phạm vi lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của xã Khoen On, tỉnh Lai Châu. Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu.

- Phía Nam và phía Tây: Giáp xã Chiềng Lao và xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La.

- Phía Đông: Giáp xã Lao Chải và xã Chế Tạo, tỉnh Lào Cai.

1.3.3. Quy mô, diện tích lập quy hoạch

Quy mô diện tích lập quy hoạch: 18.987,18 ha

1.3.4. Thời hạn lập quy hoạch

Thời hạn quy hoạch: 20 năm (2025-2045), trong đó:

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030.

- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2045.

1.4. Quan điểm và mục tiêu phát triển của tỉnh tác động đến phát triển của xã

1.4.1. Quan điểm phát triển

- Đảm bảo phù hợp với Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Quy hoạch tỉnh Lai Châu; kế thừa các quy hoạch đã được phê duyệt, đồng thời cập nhật, điều chỉnh các nội dung không còn phù hợp.

- Gắn quy hoạch xây dựng với yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội; phát huy lợi thế về vị trí, điều kiện tự nhiên, liên kết vùng, dân cư và các giá trị văn hóa để phát triển kinh tế đa dạng, phù hợp thực tiễn.

- Chú trọng cải tạo, nâng cấp khu dân cư hiện hữu gắn với khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có; đồng thời phát triển hợp lý các khu vực mới.

- Ưu tiên phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thích ứng biến đổi khí hậu.

1.4.2. Mục tiêu phát triển

*** Mục tiêu ngắn hạn:**

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý điều hành, chủ động nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, các nguồn lực, động lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển toàn diện các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội.

- Giải quyết tốt việc làm, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Phát huy ý chí tự lực, tự cường, truyền thống văn hóa, sức mạnh đoàn kết các dân tộc.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

*** Mục tiêu dài hạn**

- Xây dựng xã đến năm 2045 phát triển theo hướng nông thôn mới hiện đại, bền vững.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân. Tổ chức không gian phát triển hợp lý; cải tạo khu vực hiện hữu gắn với phát triển các khu chức năng mới; xây dựng hạ tầng đồng bộ.

- Bảo vệ môi trường; phát huy giá trị cảnh quan, di tích gắn với phát triển du lịch. Sử dụng đất hợp lý, hiệu quả; làm cơ sở quản lý phát triển và triển khai các dự án đầu tư.

1.5. Tính chất, vai trò, chức năng của xã

1.5.1. Tính chất

- Là xã có vị trí chiến lược (cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh), có trục giao thông đối ngoại quan trọng đi qua (Quốc lộ 279D), kết nối với tỉnh Sơn La.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa là chủ yếu; đồng thời phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Là xã nông thôn mới đến năm 2030, hướng tới tiêu chí nông thôn mới hiện đại đến năm 2045.

1.5.2. Vai trò, chức năng

- Vai trò:

+ Là xã cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh Lai Châu, nằm trên trục Quốc lộ 279D, có vị trí quan trọng và chiến lược kết nối với tỉnh Sơn La và các xã lân cận tạo thành vùng liên kết phát triển kinh tế - xã hội.

- Góp phần trung chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản, đảm bảo an ninh lương thực nội vùng; đồng thời ổn định dân cư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

- Chức năng:

+ Là vùng sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hóa và năng lượng, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và các công trình thủy điện.

+ Là xã phát triển du lịch sinh thái - du lịch cộng đồng, khai thác lợi thế cảnh quan hồ thủy điện Huội Quảng, không gian sinh thái và bản sắc văn hóa các dân tộc.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI; HIỆN TRANG PHÂN BỐ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG; SỰ BIẾN ĐỘNG VỀ DÂN SỐ TRONG VÙNG LẬP QUY HOẠCH; HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI; HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG XÃ HỘI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA, CẤP VÙNG, CẤP TỈNH TRONG PHẠM VI QUY HOẠCH VÀ CÓ LIÊN QUAN; HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1. Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội.

2.1.1. Các điều kiện tự nhiên

a. Địa hình, địa mạo

Địa hình xã Khoen On mang đặc trưng của vùng núi cao Tây Bắc, có mức độ chia cắt mạnh và phân hóa thành 3 dạng địa hình chủ yếu:

- Địa hình núi cao và sườn dốc (chiếm tỷ lệ lớn nhất): Địa hình của xã được bao bọc bởi các dãy núi cao trùng điệp dốc về phía sông Nậm Mu. Độ cao trung bình phổ biến từ 700m – 2000m so với mực nước biển. Sườn núi có độ dốc lớn (thường từ 25^{o}-40^{o}), địa hình núi dốc này chủ yếu là diện tích rừng phòng hộ, rừng tự nhiên nguyên sinh phong phú nhưng cũng tạo ra các vách dốc, vực sâu biệt lập;

- Địa hình thung lũng, lòng chảo và cánh đồng bậc thang: Xen kẽ giữa các dãy núi cao là hệ thống các thung lũng nhỏ kiến tạo, các dải đất tương đối bằng

phẳng dọc theo các dòng suối (như khu vực vùng thấp cũ của Ta Gia và Khoen On, vùng Chợ phiên Thẳm Củng). Nơi đây tập trung các dải đất bồi tụ phù sa sỏi cuội sông suối, tạo điều kiện hình thành các triền lúa, ruộng bậc thang tuyệt đẹp. Đây cũng là khu vực sinh sống trù phú, tập trung các bản làng của đồng bào người Thái, Mông, Khơ Mú;

- Địa hình bán ngập và vùng lòng hồ thủy điện: Khu vực này hình thành địa hình "bán đảo" hoang sơ, với các dải đất bán ngập, các đường bờ nước uốn lượn quanh các chân núi. Cao độ vùng lòng hồ thay đổi theo mùa tích nước và xả lũ của nhà máy thủy điện.

b. Khí hậu

Khí hậu xã Khoen On mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng núi Tây Bắc, có sự phân hóa rõ rệt theo độ cao và chia làm hai mùa tương phản sâu sắc:

- Mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10): Trùng với mùa gió Tây Nam. Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều. Lượng mưa tập trung cực lớn vào các tháng 6, 7, 8. Do có thung lũng sông Nậm Mu và vùng lòng hồ thủy điện, độ ẩm không khí vào mùa này luôn ở mức rất cao (thường từ 85%-90%);

- Mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau): Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nhưng đã bị suy yếu (do dãy Hoàng Liên Sơn chắn gió). Thời tiết hanh khô, lạnh, ít mưa. Các vùng núi cao thường xuyên xuất hiện sương muối, sương mù dày đặc và băng giá vào giai đoạn chính đông (tháng 12 và tháng 1).

Ngoài ra, khí hậu Khoen On còn có sự phân hóa theo độ cao tạo ra 2 vành đai khí hậu rõ rệt:

- Vùng thấp (Dọc ven hồ thủy điện và các thung lũng dưới 600m): Khí hậu mang tính chất ấm áp hơn, chịu ảnh hưởng của hiện tượng điều hòa khí hậu từ lòng hồ thủy điện Huổi Quảng (ẩm hơn vào mùa khô, giảm bớt tính chất gay gắt của gió Lào).

- Vùng cao (Các bản phía núi cao, trên 1000m): Khí hậu mang tính chất cận nhiệt đới và ôn đới núi cao, quanh năm mát mẻ nhưng mùa đông cực kỳ giá rét.

c. Thủy văn

Khu vực lập quy hoạch chịu ảnh hưởng thuỷ văn từ hồ thủy điện Huội Quảng và con suối lớn là suối Nậm Mở, các khe suối như Khe Huổi Xá, Khe Hua Mỳ,… hệ thống mương tưới tiêu thủy lợi phục vụ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

Hồ thủy điện Huội Quảng: Hồ chứa có dung tích 184,2 triệu m3; đập dâng bằng bê tông trọng lực có chiều cao lớn nhất 104m. Lưu lượng trung bình năm 158,1 m^3/s. Cao trình mực nước dâng bình thường 370,0 m. Cao trình mực nước chết 368,0 m.

Suối Nậm Mở: là phụ lưu cấp 1 của sông Nậm Mu và phụ lưu cấp 2 của sông Đà. Suối khởi nguồn từ các suối nhỏ ở phần đông xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai chảy về hướng Tây, qua các xã Mường Kim và Khoen On thì đổi hướng Tây Nam.

2.1.2. Hiện trạng kinh tế - xã hội

a. Kinh tế nông - lâm nghiệp - thủy sản; xây dựng nông thôn mới

- Cây lương thực: Tổng diện tích đất trồng 778 ha (lúa 583 ha, ngô 195 ha), diện tích được thu hoạch 776 ha (lúa 581 ha, ngô 195 ha, do năm 2025 ảnh hưởng thiên tai, mưa lũ dẫn đến diện tích được thu hoạch giảm). Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 3.865 tấn, đạt 100% kế hoạch;

- Cây công nghiệp: Trồng mới 10 ha chè, nâng tổng diện tích chè lên 350 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 1.000 tấn, đạt 100% kế hoạch giao. Ngoài ra, khuyến khích nhân dân trồng lạc, đậu tương… với tổng diện tích 118 ha, sản lượng ước đạt 190 tấn góp phần phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nhân dân;

- Chăn nuôi, thủy sản: Tiếp tục chăm sóc, phát triển và tái đàn vật nuôi. Tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu ngành chăn nuôi, tận dụng điều kiện tự nhiên để phát triển đa dạng các loại hình chăn nuôi, thủy sản. Do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu phi dẫn đến tốc độ tăng đàn chỉ đạt 2,01% (đạt 42,7% kế hoạch giao). Tổng sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 479 tấn (đạt 100% kế hoạch giao). Diện tích nuôi trồng thủy sản là 23 ha, sản lượng nuôi trồng và khai thác ước đạt 185 tấn (đạt 100% kế hoạch giao).

- Lâm nghiệp: Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt; tập trung chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô. Công tác trồng rừng được quan tâm đẩy mạnh; phối hợp với trạm quản lý rừng Than Uyên thực hiện tuyên truyền, khuyến khích trồng rừng, ước thực hiện năm 2025 trồng rừng mới 32 ha (trong đó: 17,73 ha quế (nhà nước hỗ trợ: 2,9 ha, nhân dân tự trồng 14,83 ha), 14,27 ha cây gỗ lớn (thông), đạt 100% kế hoạch); tỷ lệ che phủ rừng nâng lên 40,64%, đạt 100% kế hoạch giao. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền bảo vệ, phát triển rừng, ký cam kết bảo vệ rừng. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra đấu tranh, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

- Xây dựng nông thôn mới: Công tác triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về thực hiện xây dựng nông thôn mới được quan tâm chú trọng thực hiện,

lồng ghép sử dụng các nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân. Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, xã đã triển khai thực hiện rà soát lại các tiêu chí nông thôn mới, hộ nghèo… thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn.

b. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; đầu tư xây dựng

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Ước tổng giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2025 đạt 40 tỷ đồng, trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo 2 tỷ đồng, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước 38 tỷ đồng, đạt 110,5% kế hoạch giao. Một số ngành công nghiệp chủ yếu: Chế biến cá, sản xuất điện.

- Đầu tư công: Tổng kế hoạch vốn năm 2025 được giao là 318 triệu đồng, đã phân bổ chi tiết 318 triệu đồng, giá trị giải ngân đến 30/11/2025 là 313,384 triệu đồng, đạt 98,5% so với kế hoạch vốn, ước đến hết 31 tháng 12 năm 2025 giải ngân là 313,384 triệu đồng, đạt 98,5% kế hoạch vốn (do các dự án đã hoàn thành hết nhiệm vụ chi), cụ thể theo từng nguồn vốn như sau: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 318 triệu đồng/02 dự án. Giá trị giải ngân đến 30/6/2025 là 313,384 triệu đồng, đạt 98,5% kế hoạch vốn, số còn lại chưa giải ngân là 4,616 triệu đồng, đến thời điểm báo cáo dự án đã hoàn thành hết nhiệm vụ chi.

c. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến người dân các biện pháp phòng ngừa và xử lý việc sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng nhái, gian lận về xuất xứ hàng hóa; trong năm hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã cơ bản ổn định.

Thực hiện cấp phép đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã đảm bảo theo quy định. Tuyên truyền các hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn thực hiện khai báo mã số thuế.

d. Giáo dục - Đào tạo

Công tác giáo dục, đào tạo tiếp tục duy trì ổn định và có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới trường lớp được củng cố, chất lượng dạy và học được nâng lên; tỷ lệ chuyên cần duy trì tốt. Chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường giáo dục kỹ năng cho học sinh, chăm lo cơ sở vật chất và hỗ trợ học sinh thuộc hộ khó khăn. Công tác phổ cập giáo dục được giữ vững, góp phần nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực địa phương.

Ổn định bộ máy hoạt động, đẩy mạnh phối hợp tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp, đảm bảo số lượng và chất lượng, tổ chức khai giảng năm học mới 2025 – 2026, quy mô toàn xã có 06 trường, 95 lớp, tổng số 2.491 học sinh.

e. Văn hoá, thể thao, thông tin

- Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được quan tâm triển khai thực hiện. Các chương trình văn hóa, văn nghệ do xã tổ chức được lan tỏa trên các trang mạng xã hội thu hút du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan và trải nghiệm, 100% bản có nhà văn hóa, 23/23 bản duy trì tốt hoạt động của đội văn nghệ;

- Tổ chức tốt các nội dung tuyên truyền chào mừng kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2025), 139 năm ngày Quốc tế lao động (01/5/1886-01/5/2025), 70 năm ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1955-07/5/2025) và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao chào mừng Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025. Tổ chức thành công giải đua thuyền đuôi én xã Ta Gia lần thứ nhất với 08 đội tham gia;

- Xây dựng Kế hoạch về phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc trên địa bàn xã Khoen On. Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh để thu hút du khách đến với xã. Trong năm có trên 2.500 lượt khách đến với Khoen On.

2.2. Hiện trạng phân bố khu dân cư nông thôn và các khu chức năng

** Hiện trạng phân bố khu dân cư nông thôn:*

Sau sáp nhập, địa bàn xã Khoen On mở rộng đáng kể về quy mô diện tích và dân số. Không gian cư trú nông thôn mang những đặc điểm phân bố rõ nét:

- Xu hướng tập trung tại trung tâm mới: Khu vực trung tâm xã (khu vực Bản Củng, xã Ta Gia cũ) có xu hướng gia tăng mật độ dân cư do đây là nơi đặt trụ sở làm việc chính của đơn vị hành chính mới. Quá trình dịch chuyển và tập trung dân cư về đây để thuận tiện giao thương và tiếp cận dịch vụ công đang diễn ra rõ rệt;

- Phân bố dọc theo trục giao thông và thung lũng: Các điểm dân cư nông thôn cũ của cả 2 xã (Ta Gia và Khoen On) chủ yếu phân bố tập trung thành các bản dọc theo các thung lũng nhỏ, nơi có nguồn nước và đất canh tác nông nghiệp, hoặc bám theo các trục đường chính liên xã, liên bản giúp cải thiện việc đi lại, vận chuyển hàng hóa.

- Sự phân tán đặc trưng theo địa hình và dân tộc: Do địa hình chủ yếu là đồi núi dốc, bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối và xen kẽ các thung lũng nhỏ, một bộ phận dân cư (đặc biệt là đồng bào dân tộc Mông) vẫn sinh sống phân tán tại các vùng

cao, sườn núi. Trong khi đó, đồng bào người Thái thường tập trung đông đúc hơn ở các vùng thung lũng thấp và ven suối.

** Hiện trạng phân bố các khu chức năng*

- Khu chức năng hành chính - chính trị: Trụ sở Đảng ủy – UBMTTQVN xã đặt tại bản On (trụ sở xã Khoen On cũ). Trụ sở HĐND – UBND xã đặt tại bản Củng (trụ sở xã Ta Gia cũ);

- Khu chức năng công trình công cộng, hạ tầng xã hội:

+ Y tế: Trạm y tế xã được tập trung đầu tư tại trung tâm hành chính để đảm bảo phục vụ chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ quy mô dân số mới.

+ Giáo dục: Hệ thống trường học (Mầm non, Tiểu học, THCS) cơ bản giữ nguyên các điểm trường bản để đảm bảo việc đi học của học sinh vùng cao không bị gián đoạn. Các trường trung tâm đang được rà soát, sáp nhập về bộ máy quản lý và từng bước đầu tư mở rộng cơ sở vật chất để đáp ứng lưu lượng học sinh đông hơn.

+ Văn hóa - Thể thao: Trung tâm văn hóa xã gắn liền với khu vực hành chính mới. Các nhà văn hóa bản của xã tiếp tục là không gian sinh hoạt văn hóa, bảo tồn các nét đẹp truyền thống của đồng bào các dân tộc Thái, Mông, Dao.

- Khu chức năng sản xuất nông - lâm nghiệp:

+ Vùng thấp (Thung lũng): Tập trung sản xuất nông nghiệp trọng điểm với các cánh đồng lúa nước, ruộng bậc thang và chăn nuôi gia súc, gia cầm;

+ Vùng cao (Đồi núi dốc): Chủ yếu là đất lâm nghiệp (phát triển rừng nguyên sinh, rừng phòng hộ) và quy hoạch phát triển các loại cây công nghiệp ngắn/dài ngày, cây dược liệu dưới tán rừng nhằm thích ứng với địa hình cao.

- Khu chức năng phát triển du lịch và dịch vụ - thương mại:

+ Thương mại - Dịch vụ: Các loại hình dịch vụ, tạp hóa, chợ nông thôn chủ yếu phát triển tự phát dọc theo trục đường chính đi qua trung tâm xã. Nhìn chung, các dịch vụ thương mại hiện đại vẫn còn hạn chế;

+ Du lịch cộng đồng và sinh thái: Với cảnh quan ruộng bậc thang, suối nước tự nhiên và bản sắc văn hóa đa dạng, xã có tiềm năng lớn về du lịch cộng đồng (trekking, trải nghiệm văn hóa bản địa). Tuy nhiên, khu chức năng phục vụ du lịch hiện tại mới ở mức độ sơ khai, chưa hình thành phân khu rõ rệt hay có hạ tầng lưu trú chuyên nghiệp.

2.3. Hiện trạng dân số, lao động, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch

- Dân số hiện trạng xã Khoen On năm 2025 là 10.652 người *(theo báo cáo số 377/BC-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Khoen On về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2025; kế hoạch năm 2026);*

- Lao động: Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế khoảng 6.497 người, chiếm 60,85%. Số lao động được đào tạo việc làm là 1.220 người. Cơ cấu lao động trong các lĩnh vực kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 84%; công nghiệp và xây dựng: 7%; thương mại dịch vụ: 9%.

- Sự biến động về dân số:

+ Năm 2022, toàn xã Khoen On có 10.405 người, với mật độ dân số 54,8 người/km2;

+ Năm 2025, toàn xã Khoen On có 10.652 người, với mật độ dân số 56,1 người/ km2;

Xã Khoen On là một xã có tỉ lệ tăng dân số trung bình với các khu vực lân cận trong vùng, chủ yếu là gia tăng dân số tự nhiên.

- Thu nhập bình quân năm 2025 là 28,5 triệu đồng/người năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo năm 2025 là: 16,45%.

2.4. Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai

a. Hiện trạng sử dụng đất

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới tự nhiên của xã Khoen On với tổng diện tích là 18.987,18 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp: 11.609,17 ha; Đất xây dựng: 248,12 ha; Đất khác: 7.129,89 ha.

Bảng 01: Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng đất xã Khoen On

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	**18.987,18**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**11.609,17**	**61,14**
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	904,84	4,77
1.2	Đất lâm nghiệp	10.684,73	56,27
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản *(không bao gồm diện tích thủy sản lòng hồ)*	19,59	0,10
1.4	Đất làm muối	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	-	-
2	**Đất xây dựng**	**248,12**	**1,31**
2.1	Đất ở	65,77	0,35
2.2	Đất công cộng	14,71	0,08

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,53	0,00
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	15,59	0,08
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	-	-
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	-	-
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,05	0,00
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	148,14	0,78
2.8.1	*Đất giao thông*	*104,11*	*0,55*
2.8.2	*Đất xử lý chất thải rắn*	-	-
2.8.3	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*	*2,47*	*0,01*
2.8.4	*Đất hạ tầng kỹ thuật khác*	*41,56*	*0,22*
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	2,96	0,02
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,37	0,00
3	**Đất khác**	**7.129,89**	**37,55**
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	918,47	4,84
3.2	Đất chưa sử dụng	6.211,42	32,71

(Nguồn: Số liệu thống kê đất đai năm 2025 do phòng Kinh tế xã Khoen On cung cấp)

b. Đánh giá tổng hợp về quỹ đất xây dựng, khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các khu chức năng; xác định các khu vực cấm, khu vực hạn chế phát triển

* Đánh giá tổng hợp về quỹ đất xây dựng:

Cấu trúc quỹ đất xây dựng chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi yếu tố địa hình vùng cao:

- Đặc điểm địa hình: Nằm trong khu vực có địa hình đồi núi dốc cao, bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối, đèo dốc và các thung lũng nhỏ hẹp;

- Trạng thái quỹ đất: Phần lớn diện tích tự nhiên của xã là đất lâm nghiệp (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất) và đất dốc không thích hợp cho xây dựng hạ tầng quy mô lớn. Quỹ đất có khả năng khai thác để xây dựng các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư nông thôn tập trung tương đối hạn chế, chủ yếu phân bố dạng dải, mảng nhỏ dọc các thung lũng thấp và trục đường chính.

* Phân vùng thuận lợi cho phát triển các khu chức năng:

Quỹ đất của xã Khoen On được chia thành 3 cấp độ thích ứng xây dựng dựa trên độ dốc địa hình, nguy cơ thiên tai và khả năng kết nối hạ tầng giao thông:

- Khu vực thuận lợi:

+ Vị trí: là các dải đất bằng phẳng hoặc có độ dốc thấp (<15o) dọc theo các thung lũng lớn, ven suối (như khu vực vùng thấp xã Khoen On cũ và trung tâm

Ta Gia cũ) và bám sát các trục đường liên xã, liên bản trọng điểm.

+ Chức năng định hướng: Không ưu tiên xây dựng công trình kiên cố quy mô lớn. Phù hợp để phát triển mô hình sản xuất nông - lâm nghiệp kết hợp (vườn đồi, cây công nghiệp, cây dược liệu), chăn nuôi gia súc tập trung xa khu dân cư, hoặc phát triển các điểm du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm văn hóa cộng đồng gắn với thiên nhiên (nhà sàn, homestay tận dụng địa hình).

- Khu vực không thuận lợi:

+ Vị trí: Các vùng núi cao có độ dốc lớn (>25^{o}), địa hình chia cắt phức tạp, các khu vực biệt lập giao thông đi lại khó khăn.

+ Chức năng định hướng: Hoàn toàn không thích hợp cho việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật hay định cư. Chỉ sử dụng cho mục đích khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng sản xuất hoặc rừng phòng hộ.

* Xác định các khu vực cấm và hạn chế phát triển:

Để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, an ninh quốc phòng và chủ động phòng chống thiên tai (sạt lở đất, lũ ống, lũ quét), quy hoạch xã Khoen On phân định rõ:

- Khu vực cấm phát triển:

+ Khu vực di tích: Quần thể Hang động bản Mè (di tích đã xếp hạng), Quần thể danh lam thắng cảnh vịnh Ta Gia (thuộc danh mục kiểm kê – đủ tiêu chí xếp hạng di tích);

+ Hành lang bảo vệ nguồn nước: Toàn bộ phạm vi thuộc hành lang bảo vệ nguồn nước tự nhiên, lưu vực ven sông, suối lớn trên địa bàn xã để phòng tránh lũ quét, lũ ống và bảo vệ an toàn sinh thái.

+ Đất rừng phòng hộ, rừng tự nhiên: Nghiêm cấm mọi hành vi chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái phép, xâm canh xây dựng trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ đầu nguồn sông, suối;

+ Khu vực có nguy cơ sạt lở cao: Các vùng sườn dốc mất ổn định địa chất, các điểm đã được cảnh báo có nguy cơ sạt lở đất đá nghiêm trọng trong mùa mưa bão;

+ Đất quốc phòng - an ninh: Các vị trí công trình, trận địa hoặc khu vực đất đã được bàn giao phục vụ nhiệm vụ chiến lược quốc phòng.

- Khu vực hạn chế phát triển:

+ Vùng đất canh tác nông nghiệp năng suất cao: Các khu vực ruộng bậc thang, cánh đồng lúa nước màu mỡ ở vùng thung lũng thấp (nhằm mục tiêu bảo

đảm an ninh lương thực tại chỗ và giữ gìn cảnh quan phục vụ du lịch). Việc chuyển đổi sang đất ở hoặc đất công trình phải được kiểm soát rất nghiêm ngặt;

+ Khu vực vùng lõi các bản văn hóa truyền thống: Hạn chế các hoạt động xây dựng công trình hiện đại làm phá vỡ không gian kiến trúc truyền thống (nhà sàn của người Thái, kiến trúc nhà của người Mông, Dao) nhằm giữ gìn bản sắc phục vụ định hướng phát triển du lịch cộng đồng về lâu dài;

+ Hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật: Các dải đất dọc theo hành lang an toàn lưới điện cao thế/trung thế và hành lang an toàn giao thông của các tuyến đường trục xã.

2.5. Hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

2.5.1. Hiện trạng nhà ở

- Nhà ở trên địa bàn xã Khoen On phân bố rải rác theo các tuyến giao thông chính như QL.279D và các tuyến đường liên bản, nội bản. Dân cư sinh sống tại 23 bản thuộc hai khu vực Khoen On (cũ) và Ta Gia (cũ) trước sáp nhập, với mô hình bám đường, bám suối, hình thành cụm dân cư nhỏ lẻ phù hợp điều kiện địa hình đồi núi.

- Với nhiều dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn xã đã mang lại nhiều hình thái kiến trúc nhà ở độc đáo. Tuy nhiên, nhà ở được xây dựng ở 3 trạng thái chủ yếu:

+ Nhà sàn: Kiến trúc nhà sàn truyền thống với kết cấu gỗ, lợp mái tôn hoặc mái fibro xi măng. Nhà chính *(nhà sàn),* có diện tích 100 - 150m^2, tầng 1 dùng để các dụng cụ phục vụ sản xuất, xe máy, tầng 2 dùng để ở và là nơi sinh hoạt của cả gia đình. Các hộ gia đình có diện tích lô đất rộng đã xây dựng công trình phụ ra khỏi gầm sàn công trình phụ thường song song với nhà chính *(thường là nơi chăn nuôi gà, lợn, trâu, bò...).*

+ Nhà xây: Do điều kiện về đất, về gỗ làm nhà ngày càng khó khăn, để tiết kiệm đất, nhiều hộ gia đình đã chuyển xây nhà để ở. Nhà xây có kiến trúc chủ yếu là nhà ống, từ 1-3 tầng, diện tích xây dựng 70-130m^2.

+ Nhà ở truyền thống của đồng bào dân tộc Mông: là nhà gỗ, mái lợp ngói hoặc mái fibro xi măng, được xây dựng phù hợp với địa hình đồi núi, khí hậu lạnh, mưa nhiều. Không gian nhà ở thường bố trí khép kín, ít cửa sổ nhằm chống gió lạnh và bảo đảm an ninh, phản ánh rõ nét bản sắc văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của đồng bào.

- Kiến trúc nhà ở của các dân tộc là một hệ thống di sản quý giá. Tuy nhiên cùng với sự thay đổi của thời gian, môi trường sống thì các hình thái kiến trúc nhà ở truyền thống của người Thái, người Mông, người Khơ Mú... cũng đang có sự biến đổi để phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.







Hình 1: Hình ảnh về kiến trúc nhà ở người dân xã Khoen On

2.5.2. Hiện trạng hạ tầng xã hội

a. Trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ xã

- Các cơ quan UBND xã đang làm việc tại trụ sở UBND xã Ta Gia (cũ), thuộc địa phận bản Củng. Trụ sở này có tổng diện tích khuôn viên 2.219,74 m², gồm 01 nhà làm việc 02 tầng, 01 nhà làm việc cấp IV và một số hạng mục phụ trợ như sân bê tông, nhà để xe,…, cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc trước mắt của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã.

- Các cơ quan Đảng ủy, HĐND, UBMTTQ và các đoàn thể chính trị – xã hội hiện đang làm việc tại trụ sở xã Khoen On (cũ), thuộc bản On. Trụ sở này có diện tích đất 1.666,76 m², gồm 02 nhà làm việc kiên cố và các công trình phụ trợ như phòng họp, phòng lưu trữ hồ sơ, hội trường, nhà để xe…, phục vụ hoạt động của các cơ quan Đảng, chính quyền và đoàn thể cấp xã.

- Trụ sở xã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ lâu, hiện nay một số hạng mục đã bị hư hỏng, xuống cấp. Ngoài ra, sau khi sáp nhập số lượng cán bộ làm việc tại Trụ sở tăng lên đáng kể, diện tích các phòng, ban không còn đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Do đó, cần phải quy hoạch xây mới Trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ xã đảm bảo quy mô, diện tích và công năng sử dụng.



Hình 2: Trụ sở HĐND-UBND xã



Hình 3: Trụ sở Đảng ủy - UBMTTQVN xã

b. Trụ sở Công an xã

- Vị trí 1: tại bản Củng, diện tích 1.801,16 m^2.

- Vị trí 2: tại bản On, diện tích 1.940,21 m^2.

Trụ sở Công an xã mới được đầu tư và đưa vào sử dụng, tuy nhiên, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong thời kỳ tới cần tiến hành khảo sát, xác định vị trí để quy hoạch mới trụ sở Công an xã.





Hình 4: Trụ sở Công an xã Khoen On

c. Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã

- Vị trí: Hiện tại đang bố trí tại điểm trường Tiểu học, mầm non bản Co Cai;

- Để đáp ứng nhu cầu làm việc của Ban chỉ huy Quân sự xã, trong thời kỳ tới cần tiến hành mở rộng diện tích, đầu tư xây dựng để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới của Ban chỉ huy Quân sự xã.



Hình 4: Trụ sở Ban CHQS xã Khoen On

d. Trạm y tế xã

* Vị trí 1: tại bản Củng.

- Diện tích: 2.477,09 m^2.

- Hiện trạng cơ sở hạ tầng: Gồm 01 dãy nhà 02 tầng, 01 dãy nhà 1 tầng. Cơ sở hạ tầng của trạm y tế xã đã được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

* Vị trí 2: tại bản On

- Diện tích: 2.887,04 m^2, được xây dựng 01 tầng kiên cố.



Hình 5: Trạm y tế xã Khoen On

e. Chợ

Hiện nay tại bản Củng tổ chức thực hiện các hoạt động chợ đêm tại Chợ Thẳm Củng, hoạt động vào tối thứ 7 của tuần cuối tháng, mỗi tháng 1 lần. Phiên chợ tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống, trò chơi dân gian và trưng bày bán các sản phẩm của địa phương. Tuy nhiên, chợ chưa được đầu tư, chưa đáp ứng yêu cầu tạo điểm nhấn, thu hút du khách.

f. Công trình văn hoá, thể thao

** Công trình văn hoá*

- Nhà văn hoá xã:

+ Vị trí 1: tại bản Củng, diện tích 1.440,66 m^2

+ Vị trí 2: tại bản On, diện tích 1.341,15 m^2

- Nhà văn hoá các bản: trên địa bàn xã hiện nay có 23/23 bản đã có nhà văn hoá, một số nhà văn hoá bản chưa đảm bảo về diện tích, đang xuống cấp trong thời kỳ quy hoạch cần tiến hành nâng cấp, sửa chữa, đầu tư xây dựng mới đảm bảo nhu cầu sinh hoạt văn hoá cho người dân.



Hình 6: Nhà văn hóa xã Khoen On

** Công trình thể thao*

- Sân thể thao xã*:* có 01 sân thể thao tại bản Củng, diện tích 4.868,53 m^2.

- Sân thể thao các bản*:* Do địa hình đồi núi dốc nên việc bố trí quỹ đất cho sân thể thao bản còn hạn chế. Trong giai đoạn tới cần quy hoạch mới sân thể thao các bản đáp ứng nhu cầu của người dân.

g. Trường học

Trên địa bàn xã hiện nay có 6 trường, gồm 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường trung học cơ sở, Cụ thể như sau:

- *Trường Mầm Non Khoen On:*

+ Trường Mầm non Khoen On đang hoạt động: gồm có 10 điểm trường (1 điểm chính tại bản On, 9 điểm trường tại các bản Mở, Đốc, Chế Hạng, Mùi, Tà Lồm, Hua Đán, Noong Quang, bản Sàng, bản On 1). Trong đó: Đang sử dụng: 08

điểm trường (trung tâm bản On, bản Mở, bản Đốc, Chế Hạng, bản Mùi, Tà Lồm, Hua Đán, Noong Quang).

+ Các điểm trường không sử dụng: bản Sàng, bản On 1.

- *Trường Mầm non Ta Gia:*

+ Trường Mầm Non Ta Gia đang hoạt động: Gồm có 10 điểm trường (trung tâm bản Củng, bản Mỳ, Gia, Huổi Cầy, Noong Quài, bản Hỳ, bản Mè, Co Cai, bản Khem, Ten Co Mư). Trong đó: Đang sử dụng: trung tâm bản Củng, Mỳ, Gia, Huổi Cầy, Noong Quài, bản Hỳ.

+ Các điểm trường không sử dụng không sử dụng: bản Mè, Co Cai, bản Khem, Ten Co Mư.





Hình 7: Trường mầm non Ta Gia

- *Trường Tiểu học Khoen On:*

+ Gồm có 9 điểm trường tại các bản: bản On, bản Mùi, bản On 1, Hua Đán, Noong Quang, bản Mở, bản Đốc, bản Sàng, Chế Hạng.

+ Các điểm trường không sử dụng: bản Mở, bản Đốc, bản Sàng, Chế Hạng.

- *Trường Tiểu học Ta Gia:*

+ Gồm có 9 điểm trường. Trong đó 5 điểm trường đang hoạt động: Trung tâm bản Củng, bản Mỳ, bản Hỳ, bản Gia, Huổi Cầy.

+ 4 điểm trường không sử dụng: Ten Co Mư, Noong Quài, Co Cai, bản Khem.





Hình 8: Trường Tiểu học Ta Gia

- *Trường Trung học cơ sở Ta Gia:*

Trường Trung học cơ sở xã Ta Gia cũ vị trí tại bản Củng, với diện tích 1,66 ha, có 15 phòng học/13 lớp, có 01 dãy nhà chức năng gồm 19 phòng.



Hình 9: Nhà văn hóa xã Khoen On

- *Trường Trung học cơ sở Khoen On:*

Gồm 01 điểm trường trung tâm tại bản On và 01 điểm trường tại bản Mùi 2, với diện tích 1,15 ha. Trường trung tâm có 8/8 phòng học đã được kiên cố, cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn mức độ 1. Trường tại bản Mùi 1 có 6/6 phòng học đã được kiên cố, cơ sở vật chất chưa đạt tiêu chuẩn mức độ 1.

2.5.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông

- Quốc lộ 279D: Tổng chiều dài qua địa bàn xã Khoen On khoảng 25km (Từ Km3+300 đến Km28+300), cấp Vmn, bề rộng nền đường 6,5m, bề rộng mặt đường 5,5 m;

- Đường trục xã: Tổng chiều dài khoảng 71,34 km, trong đó xã Ta Gia cũ 33,94 Km, xã Khoen On cũ 22,05 Km. Cụ thể như sau:

Bảng 02: Bảng hiện trạng đường giao thông trục xã Khoen On

TT	Tên tuyến đường	Thông tin chung		
		Tổng chiều dài (Km)	Bề rộng nền đường (m)	Bề rộng mặt đường (m)
(1)	(2)	(8)	(9)	(10)
	Đường xã- liên xã	***11,89***		
1	Đường liên xã Ta Gia - Khoen On	6,72	5,00	3,50
2	Đường sản xuất Ta Gia - Tà Hừa	5,17	5,00	3,00
	Đường trục bản, liên bản	***22,05***		
1	QL 279D - UBND xã - bản củng	3	3,5	3
2	Đường bản Gia - bản Mè- Huổi Cầy	7,45	3,5	2,5
3	QL 279 - bản Ten Co Mư	2	3,5	2,5
4	QL279D - Bản Hỳ - bản Noong Quài	8,4	3	2,5
5	QL279D - Bản Hua Mỳ	1,2	3	2,5
	Đường xã, liên xã	***14,70***		
1	Đường bản Mùi 2 đi Nam Phiêng Mựt	5,0	4,5	3,5
2	Bản Tà lồm đi bản Nậm Pắt	1,5	4,0	3,0
3	Đường QL279D đi bản Mùi 2	6,0	4,5	3,5
4	Đường QL279D đi bản Mở	0,9	4,0	3,0
5	Đường QL279D đi bản Đốc	1,3	4,0	3,0
	Đường trục bản, liên bản	***22,70***		
1	Mùi 1 - Hua Đán	7,00	3,0	2,5
2	Bản Mùi 2- Tà Lồm	5,00	4,0	3,0
3	QL279 - Bản Sàng - Chế Hạng	2,90	3,5	2,5
4	Bản Mở- Noong Quang	7,80	3,0	2,0

- Đường ngõ xóm, nội đồng, đường sản xuất: Tổng chiều dài khoảng 113,83 Km, trong đó xã Ta Gia (cũ) khoảng 75,43 Km, xã Khoen On (cũ) khoảng 38,40 Km. Quy mô mặt cắt nhỏ từ 3-5m, nhưng nhìn chung đã xuống cấp, có những tuyến đường xuống cấp rất nghiêm trọng cần được nâng cấp, sửa chữa.

- Đánh giá chung về hệ thống giao thông:

+ Trục giao thông chính nối các trung tâm xã cũ và mới cơ bản thông suốt, tỉ lệ cứng hóa đường giao thông nông thôn tăng dần theo từng năm. Giao thông vùng thấp tạo động lực tốt cho phát triển kinh tế và hình thành các dải dân cư tập trung;

+ Tuy nhiên, người dân ở các bản xa của xã hiện phải di chuyển quãng đường rất dài qua địa hình đồi núi dốc/qua sông để đến được trung tâm hành chính xã;

+ Các bản tái định cư trên địa bàn, được đầu tư xây dựng hạ tầng từ rất lâu, do đó hệ thống hạ tầng kỹ thuật xuống cấp nghiêm trọng, cần được đầu tư cải tạo, nâng cấp.

b. Cao độ nền:

- Địa hình xã Khoen On sau sáp nhập mang tính chất của vùng núi cao bị chia cắt mạnh, có xu hướng thấp dần từ hệ thống núi cao phía Bắc và Đông Bắc xuống vùng thung lũng sông, suối và vùng lòng hồ thủy điện ở phía Nam.

+ Khu vực núi cao và sườn dốc: Chiếm đến hơn 70% - 80% diện tích tự nhiên của xã. Cao độ nền ở các khu vực này biến động rất lớn, phổ biến từ +600m đến trên +1200m so so với mực nước biển. Độ dốc sườn núi đa số vượt quá 25o nhiều nơi vách đá dốc đứng;

+ Khu vực thung lũng và dải ven suối (Vùng thấp): Đây là nơi tập trung các dải đất bằng phẳng tương đối, có cao độ nền dao động trong khoảng từ +300m đến +500m. Các khu dân cư trung tâm của xã (bản Củng, bản On) đều nằm trong phân vùng cao độ này.

c. Thoát nước mặt:

- Hướng thoát nước và mạng lưới tiêu thoát tự nhiên:

Nhờ ưu thế địa hình tự nhiên, xã Khoen On có điều kiện tiêu thoát nước mặt rất nhanh.

+ Hướng dòng chảy chủ đạo: Nước mưa và nước mặt trên toàn địa bàn tiêu thoát tự nhiên theo độ dốc địa hình, đổ từ các đỉnh núi cao xuống các thung lũng, sau đó tập trung vào các hệ thống suối chính và các nhánh suối nhỏ hơn trước khi đổ ra vùng lòng hồ thủy điện;

+ Nhìn chung, toàn xã không có hiện tượng ngập úng kinh niên hay ngập lụt diện rộng kéo dài như vùng đồng bằng, do tốc độ dòng chảy bề mặt rất lớn.

- Hiện trạng hệ thống thoát nước nhân tạo (Hạ tầng kỹ thuật):

Hệ thống thoát nước nhân tạo chủ yếu gắn liền với các công trình hạ tầng giao thông và khu dân cư tập trung, tuy nhiên mức độ đầu tư chưa đồng đều:

+ Khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư vùng thấp: Hệ thống rãnh thoát nước dọc theo các tuyến đường bê tông đã được đầu tư xây dựng (chủ yếu là rãnh trần hoặc rãnh có nắp đan bằng bê tông). Hệ thống này hoạt động tương đối tốt trong điều kiện mưa vừa, giúp bảo vệ nền đường và giữ vệ sinh môi trường khu dân cư. Tuy nhiên, một số đoạn rãnh còn lộ thiên, chưa có hố ga lắng cặn nên dễ bị bồi lấp bởi đất đá cát sỏi sau mỗi trận mưa.

+ Khu vực các bản vùng cao: Các tuyến đường đất hoặc đường bê tông mới mở lên các bản vùng cao của người Mông, việc bố trí hệ thống rãnh thoát nước dọc

đường còn hạn chế. Khi xảy ra mưa lớn, nước mặt chảy tràn tự do trên bề mặt đường, biến lòng đường thành dòng chảy mặt. Điều này gây xói mòn sâu, phá hủy kết cấu mặt đường nhanh chóng và gây khó khăn lớn cho việc đi lại.

d. Thủy lợi

Khu vực Khoen On có tổng chiều dài kênh mương khoảng 41,66 km (trong đó xã Ta Gia cũ 16,62 km; xã Khoen On cũ 25,04 km), trong đó 32,99 km đã được cứng hóa, còn lại 8,67 km là kênh đất. Chất lượng công trình không đồng đều. Công tác duy tu, nạo vét định kỳ còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu tưới ổn định cho các vùng canh tác tập trung.

Nhìn chung, hệ thống thủy lợi của xã Khoen On đáp ứng được một phần nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp nhưng chưa đồng bộ, năng lực cấp nước chưa ổn định, ít công trình đầu mối, việc kết nối hệ thống giữa hai khu vực còn hạn chế. Đây là cơ sở để đề xuất trong giai đoạn quy hoạch việc đầu tư nạo vét, kiên cố hóa các tuyến kênh chính, bổ sung các hồ chứa nhỏ và công trình điều tiết, đảm bảo cấp nước ổn định phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Bảng 03: Bảng hiện trạng tuyến kênh mương xã Khoen On

TT	Tên kênh	Diện tích phục vụ (ha)				Phân loại	Chiều dài kênh	
		Vụ xuân	*Vụ mùa*	*Vụ đông*	*Thủy sản*		Đất	Kiên cố
I. KHOEN ON CŨ								
1	Huổi Đốc	3,50	10,50	-	2,50	Nhỏ	-	1,30
2	bản Mùi 1	12,00	24,00	-	2,00	Nhỏ	0,57	3,17
3	bản Mùi TĐC (Là Nò)	3,50	8,00	-	3,50	Nhỏ	2,20	1,33
4	bản Mùi 2	12,00	24,00	-	2,50	Nhỏ	0,50	1,10
5	Noong Quang	-	20,00	-	0,50	Nhỏ	1,00	2,00
6	Tà Lồm	4,50	14,00	-	2,50	Nhỏ	-	2,58
7	Láu Luông (BẢN MỞ)	3,50	14,00	-	2,50	Nhỏ	1,00	1,44
8	Hua Đán	-	21,00	-	0,50	Nhỏ	1,00	3,49
9	bản On	3,43	4,70	-	0,20	Nhỏ	-	1,40
10	bản Chế Hạng	10,00	18,00	-	1,00	Nhỏ	-	0,96
II. TA GIA CŨ								
11	Bản Hua Mỳ	1,50	2,50	-	-	Nhỏ	-	2,50
12	Sông Đông (bản Nam)	6,50	7,00	-	0,10	Nhỏ	-	2,80
13	bản Khem	20,00	22,00	-	0,80	Nhỏ	-	1,45

TT	Tên kênh	Diện tích phục vụ (ha)				Phân loại	Chiều dài kênh	
		Vụ xuân	*Vụ mùa*	*Vụ đông*	*Thủy sản*		Đất	Kiên cố
14	bản Mỳ	39,00	42,00	-	0,40	Nhỏ	0,30	1,51
15	bản Mè	4,00	5,00	-	0,60	Nhỏ	-	1,00
16	Huổi Cày (bản Gia)	4,00	4,60	-	-	Nhỏ	1,30	0,13
17	Huổi Pa (bản Hỳ)	15,00	17,00	-		Nhỏ	0,80	-
18	Huổi Xá, Huổi Hỳ (bản Củng)	17,50	19,00	-	-	Nhỏ	-	4,83
TỔNG:		**159,93**	**277,30**		**19,60**		**8,67**	**32,99**

e. Cấp nước sinh hoạt

- Nguồn nước:

+ Nước khe suối tự chảy: Đây là nguồn cấp nước sinh hoạt lớn nhất và quan trọng nhất cho toàn bộ các bản vùng cao lẫn vùng thấp. Nước được dẫn từ các khe núi, suối thượng nguồn về các cụm dân cư;

+ Nước ngầm (Giếng khoan, giếng đào): Được sử dụng cục bộ tại một số hộ gia đình vùng thung lũng thấp, nơi có tầng chứa nước ổn định và gần nguồn nước mặt;

+ Nước mưa: Vẫn được một bộ phận nhỏ hộ gia đình ở các bản đỉnh núi cao tích trữ để phục vụ nhu cầu phụ trợ (giặt giũ, chăn nuôi) vào mùa khô.

- Hệ thống công trình cấp nước:

+ Các công trình cấp nước tập trung: Toàn xã có nhiều công trình cấp nước tự chảy (bao gồm đập dâng thu nước tại khe suối, bể lọc cát đơn giản, bể cắt áp và hệ thống đường ống dẫn về các bản). Các khu vực trung tâm xã mới (Bản Củng) và trung tâm xã Ta Gia cũ được đầu tư hệ thống tương đối đồng bộ, tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh tại các khu vực này đạt mức cao;

+ Hệ thống cấp nước phân tán: Tại các bản vùng cao, do địa hình biệt lập, nhiều nhóm hộ gia đình tự chung vốn mua ống nhựa dẫn nước trực tiếp từ các khe lạch nhỏ về nhà mà không qua bể lọc hay xử lý kỹ thuật.

f. Cấp điện:

- Nguồn điện cung cấp cho xã từ mạng lưới Quốc gia thông qua trạm biến áp 110/35/22kV Than Uyên.

- Xã Khoen On cũ có 10 trạm biến áp, Xã Ta Gia cũ có 15 trạm biến áp, đấu điện từ đường dây 35KV chạy qua xã các tuyến đường dây trung thế, hạ thế. Các

trạm biến áp đều đạt yêu cầu. Mạng lưới đường dây hạ thế được bố trí về các bản đảm bảo cung cấp điện cho các hộ dân. Trong thời gian tới cần đầu tư bổ sung đường dây cho khu dân cư mở rộng và các hộ chưa được dùng điện ổn định. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lới Quốc gia 99,8%.

- Hiện trên địa bàn xã lưới điện chiếu sáng công cộng chưa được xây dựng.

g. Bưu chính viễn thông

- Hiện tại có 2 nhà cung cấp dịch vụ chính là VNPT, Viettel, bên cạnh đó có Mobiphone, Vietnam Mobie, Gmobile. Ngoài ra có một số nhà cung cấp khác, khai thác dịch vụ thông tin di động, chuyển phát trên địa bàn.

- Mạng truyền dẫn chủ yếu bằng cáp quang. Hạ tầng mạng lưới đang trong quá trình xây dựng và phát triển, dung lượng mạng còn nhỏ, chủ yếu sử dụng cột treo cáp.

- Trên địa bàn hiện có viễn thông VNPT, chi nhánh Viettel, FPT cung cấp dịch vụ Internet đến các hộ dân trong xã.

h. Hệ thống thoát nước thải:

Trên toàn địa bàn xã Khoen On không có hệ thống đường ống thu gom và nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt chuyên dụng (nước thải tách riêng). Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ sinh hoạt, y tế, giáo dục và chăn nuôi đều được tiêu thoát chung vào hệ thống thoát nước mặt (rãnh dọc đường giao thông, khe tụ thủy) hoặc tự thấm xuống đất và đổ ra các lòng suối tự nhiên.

k. Chất thải rắn:

Tại khu vực Khoen On, xã chưa có điểm thu gom và trung chuyển rác thải, chưa có khu xử lý chất thải sinh hoạt tập trung. Rác thải sinh hoạt chưa được phân loại tại nguồn và phần lớn được người dân tự xử lý hoặc đổ tại các điểm phát sinh tự phát dọc khe suối, ven đường, gây mất vệ sinh môi trường. Toàn xã hiện chưa có bãi chôn lấp hợp vệ sinh, cũng chưa có điểm xử lý chất thải rắn tập trung; rác sau thu gom được xử lý tạm thời bằng chôn lấp tại các điểm nhỏ lẻ hoặc tự tiêu huỷ.

Nhìn chung, hệ thống thu gom – xử lý chất thải rắn của xã Khoen On còn rất hạn chế, tỷ lệ thu gom thấp, chưa có cơ sở xử lý tập trung, phương thức xử lý không đảm bảo vệ sinh môi trường.

l. Nghĩa trang:

Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn xã Khoen On được hình thành phân tán theo các bản, chủ yếu là các nghĩa trang truyền thống, quy mô nhỏ, chưa có khu nghĩa trang tập trung quy mô toàn xã. Hình thức mai táng chủ yếu là hung táng, chưa đồng bộ với chủ trương giảm dần hung táng và khuyến khích hỏa táng theo quy định hiện hành.

Toàn xã chưa có nghĩa trang tập trung quy mô xã, dẫn tới khó khăn trong quản lý, mở rộng, cải táng; đồng thời tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt tại các bản nằm gần suối.

2.5.4. Hiện trạng cảnh quan

- Cảnh quan tự nhiên: Do địa hình đặc trưng của vùng núi cao Tây Bắc, cảnh quan tự nhiên của xã mang tính nguyên sơ và bị chia cắt mạnh mẽ:

+ Cảnh quan núi cao và rừng đầu nguồn: Hệ thống dãy núi dốc với thảm phủ rừng phòng hộ xanh mướt bao bọc phía Bắc và Đông Bắc xã. Đây là phông nền thiên nhiên hùng vĩ cho toàn bộ không gian xã;

+ Cảnh quan sông suối và lòng hồ: Sự xuất hiện của các lưu vực suối tự nhiên như suối Mu, suối Xe cùng vùng lòng hồ thủy điện ở phía Nam tạo nên những đường nét mềm mại, làm dịu đi sự gai góc của địa hình đồi núi. Sự đan xen giữa nước và núi tạo ra những thung lũng có khí hậu mát mẻ, phong cảnh sơn thủy hữu tình.

+ Cảnh quan ruộng bậc thang: Tại các sườn đồi và thung lũng, hệ thống ruộng bậc thang trải dài tạo nên đặc trưng của vùng cao Tây Bắc. Cảnh quan này biến đổi sinh động theo mùa (mùa nước đổ lấp loáng như gương, mùa lúa xanh mướt và mùa lúa chín vàng rực), mang giá trị thẩm mỹ vô cùng lớn để khai thác du lịch.

- Cảnh quan nhân tạo:

+ Cảnh quan các bản làng người Thái (Vùng thấp): Nằm tập trung ở vùng thung lũng và ven suối lớn. Điểm nhấn kiến trúc tại đây là những nếp nhà sàn gỗ (hoặc nhà sàn cột bê tông cách tân) ẩn hiện dưới tán cây ăn quả, bám dọc theo đường bản đã được bê tông hóa sạch sẽ. Cảnh quan mang tính trật tự, yên bình và đậm đà bản sắc;

+ Cảnh quan các bản người Mông (Vùng cao): Nằm phân tán trên các sườn núi cao. Nhà trệt đơn sơ gắn liền với hàng rào đá hoặc vách gỗ mộc mạc, bao quanh là nương rẫy. Cảnh quan nơi đây mang vẻ đẹp hoang sơ, biệt lập và tĩnh lặng;

+ Cảnh quan khu trung tâm hành chính (bản Củng, bản On): Mang diện mạo của một đô thị nông thôn sơ khai. Sự xuất hiện của các công trình kiên cố hiện đại (trụ sở UBND, trường học bán trú cao tầng, trạm y tế, các dãy nhà phố kết hợp cửa hàng dịch vụ) tạo nên điểm nhấn không gian năng động, hiện đại cho toàn xã.

2.6. Hiện trạng tài nguyên và môi trường

2.6.1. Hiện trạng tài nguyên

* Tài nguyên đất: Được phân hóa mạnh theo địa hình và độ dốc:

- Đất feralit vùng núi (chiếm phần lớn diện tích): Chủ yếu là đất feralit màu đỏ vàng phát triển trên đá phiến thạch và đá biến chất. Loại đất này có tầng bối tụ khá dày ở những nơi còn độ che phủ rừng tốt, rất thích hợp cho việc phát triển rừng phòng hộ, rừng kinh tế và các loại cây công nghiệp dài ngày, cây dược liệu;

- Đất phù sa cổ và đất dốc tụ: Tập trung ở vùng lòng chảo, thung lũng dọc theo suối Khoen On, suối Ta Gia và sông Nậm Mu. Đất tại đây tương đối phì nhiêu, nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho việc thâm canh lúa nước, hoa màu và xây dựng các vùng ruộng bậc thang ổn định.

* Tài nguyên nước: Đây được đánh giá là một trong những nguồn tài nguyên thế mạnh và có bước ngoặt lớn nhất của xã sau sáp nhập:

- Tài nguyên mặt nước khổng lồ: Việc sáp nhập xã Ta Gia giúp Khoen On sở hữu một phần diện tích mặt nước rộng lớn của lòng hồ thủy điện Huổi Quanr. Đây là nguồn tài nguyên vô giá để phát triển ngành công nghiệp nuôi trồng thủy sản (nuôi cá lồng bè công nghệ cao);

- Nguồn nước ngọt dồi dào: Hệ thống sông Nậm Mu cùng mạng lưới suối dày đặc đảm bảo nguồn nước phục vụ cho cả sinh hoạt lẫn hệ thống tưới tiêu nông nghiệp của địa phương;

- Thủy năng: Độ dốc sông suối lớn mang lại tiềm năng phát triển các trạm thủy điện vừa và nhỏ.

* Tài nguyên rừng và sinh vật: Với diện tích tự nhiên được mở rộng đáng kể sau sáp nhập, xã Khoen On sở hữu tiềm năng lớn về lâm nghiệp:

- Trữ lượng rừng: Xã có diện tích rừng phòng hộ và rừng tự nhiên khá lớn, Tỷ lệ che phủ rừng ở mức khá cao;

- Đa dạng sinh học: Rừng Khoen On còn lưu giữ nhiều loại gỗ quý và hệ thống cây dược liệu tự nhiên phong phú dưới tán rừng như thảo quả, sa nhân, sơn tra (táo mèo). Đây là nguồn thu nhập quan trọng giúp đồng bào các dân tộc (đặc biệt là người Mông ở vùng cao) phát triển kinh tế sinh kế.

* Tài nguyên khoáng sản:

Tài nguyên khoáng sản tại Khoen On không quá đa dạng về chủng loại nhưng có giá trị phục vụ xây dựng tại chỗ:

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường: Dọc theo lưu vực sông Nậm Mu và các con suối lớn có trữ lượng cát, sỏi, đá cuội xây dựng khá dồi dào, đáp ứng tốt cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông nông thôn và nhà ở tại địa phương sau sáp nhập;

- Các loại khoáng sản kim loại hoặc địa chất quý hiếm khác hiện chưa phát hiện thấy có trữ lượng mang quy mô khai thác công nghiệp lớn.

* Tài nguyên du lịch và cảnh quan:

Sự kết hợp giữa địa hình núi cao, mặt nước sông hồ và bản sắc văn hóa tạo nên nguồn tài nguyên du lịch rất giàu tiềm năng:

- Cảnh quan thiên nhiên: Sự hòa quyện giữa núi cao hùng vĩ, những thửa ruộng bậc thang uốn lượn tại thung lũng và dải lụa xanh của lòng hồ Huổi Quảng tạo nên bức tranh sơn thủy hữu tình, thích hợp cho du lịch sinh thái, trekking và trải nghiệm lòng hồ;

- Tài nguyên nhân văn: Sự giao thoa văn hóa đặc sắc của các dân tộc Thái, Mông, Khơ Mú... với các nghề truyền thống, chợ phiên Thẳm Củng, các lễ hội dân gian là chất liệu tuyệt vời để phát triển du lịch cộng đồng (Homestay).

2.6.2. Hiện trạng về môi trường

Nhìn chung hiện trạng môi trường xã Khoen On còn tương đối tốt chưa có dấu hiệu suy thoái. Các yếu tố tác động đến môi trường chủ yếu phát sinh do rác thải sinh hoạt, UBND xã đã và đang thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Về môi trường khu dân cư do điều kiện kinh tế - xã hội chưa phát triển mạnh nên mức độ ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất đai chưa nghiêm trọng, còn nằm trong giới hạn cho phép (TCVN 5937-1995), mặc dù vậy vấn đề môi trường vẫn cần được quan tâm giải quyết ngăn chặn và kiểm soát có hiệu quả các tác động xấu đến môi trường;

- Môi trường đất: Hiện tượng rửa trôi, xói mòn đất vẫn xảy ra khi vào mùa mưa do điều kiện tự nhiên của xã chủ yếu là đồi núi, địa hình dốc.

- Môi trường nước: Tại các làng, bản, ảnh hưởng về môi trường nước chủ yếu nhất vẫn là phân, nước thải gia súc do không có hệ thống cống rãnh thoát chất thải cho nên khi mưa đến, các loại chất thải gia súc chảy tràn ra đường, thậm chí ngay cạnh nhà ở, gây ô nhiễm đến môi trường sống của người dân. Mặt khác tập quán chăn nuôi gia súc thả rông càng làm cho tình trạng ô nhiễm môi trường tăng lên;

- Môi trường không khí, tiếng ồn: Mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn không đáng kể. Trên địa bàn xã chưa có các khu, cụm công nghiệp, do đó các chất gây ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép.

2.7. Hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia: Địa phương đang thụ hưởng đồng thời 3 Chương trình MTQG lớn, đóng vai trò là nguồn lực cốt lõi làm thay đổi bộ mặt nông thôn:

+ Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: Tập trung vào việc giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào các bản vùng cao (Mông, Dao, Khơ Mú). Hiện nay, xã đang triển khai các dự án thành phần về bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu (đường dân sinh, nhà lớp học) và đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

+ Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới: Hoàn thiện các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Chương trình đang dồn lực đầu tư cứng hóa hệ thống đường liên bản, xây dựng các nhà văn hóa bản đạt chuẩn, và hỗ trợ người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để nâng cao tiêu chí thu nhập.

+ Chương trình giảm nghèo bền vững; xóa nhà tạm, nhà dột nát: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình sản xuất hiệu quả cho các hộ nghèo và cận nghèo. Cấp phát cây, con giống (như bò sinh sản, lợn bản địa, cây ăn quả vùng cao) theo mô hình nhóm hộ quản lý.

- Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật và xã hội:

+ Đầu tư hạ tầng giao thông kết nối: Các dự án cải tạo, nâng cấp và mở mới các tuyến đường từ trung tâm xã đến các bản vùng sâu, vùng xa. Các dự án này đang giúp xóa bỏ thế cô lập của các bản vùng cao, tuy nhiên tiến độ một số tuyến bị chậm do vướng mắc địa hình dốc nguy hiểm và thời tiết mưa bão gây sạt lở;

+ Dự án sắp xếp, ổn định dân cư vùng thiên tai: Bố trí, san gạt mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật (điện, nước) cho các khu tái định cư tập trung. Chính quyền đang rà soát và thực hiện di dời các hộ dân nằm trong phân vùng có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất về nơi ở mới an toàn.

+ Dự án nâng cấp hạ tầng Giáo dục - Y tế: Dự án mở rộng, kiên cố hóa các trường phổ thông dân tộc bán trú (Tiểu học và THCS) tại khu trung tâm để đón lượng học sinh dồn về sau sáp nhập. Các dự án xây dựng phòng ở bán trú, nhà ăn, phòng chức năng đang được ưu tiên bố trí vốn. Dự án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị cho Trạm y tế xã Khoen On mới để đảm bảo năng lực khám chữa bệnh cho quy mô trên 10.000 dân.

- Các dự án phát triển sản xuất và thương mại:

+ Dự án phát triển nông - lâm nghiệp bền vững: Các dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khoanh nuôi bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp chi trả dịch vụ môi trường rừng (nguồn thu nhập ổn định cho người dân). Dự án phát triển vùng nguyên liệu cây ăn quả, cây dược liệu dưới tán rừng bước đầu được hình thành;

+ Dự án năng lượng: Các dự án thủy điện trên địa bàn (tận dụng lợi thế hệ thống sông suối dốc) đã hoàn thành và đi vào vận hành. Khía cạnh tích cực là tạo ra vùng lòng hồ phục vụ nuôi trồng thủy sản, nhưng cũng đặt ra yêu cầu quản lý chặt chẽ hành lang an toàn và ổn định đời sống dân cư vùng bán ngập.

2.8. Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Đối với công tác quản lý thực hiện các quy hoạch: Trong những năm gần đây, xã Khoen On thực hiện các quy hoạch theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội và chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh Lai Châu. Quy hoạch sử dụng đất được lập và công bố làm cơ sở phân bổ các loại đất như đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất ở và đất hạ tầng. Công tác triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm, trong đó Khoen On là một trong các xã của huyện Than Uyên được đặt mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới. Một số dự án hạ tầng, giao thông, khai thác vật liệu xây dựng và phát triển sản xuất được đưa vào quy hoạch nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội địa phương;

- Công tác quản lý tài nguyên:

+ Quản lý đất đai: Công tác thống kê, kiểm kê đất đai được thực hiện theo định kỳ. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình vùng thấp đạt tỷ lệ cao;

+ Quản lý tài nguyên rừng và nguồn nước: Xã phối hợp tốt với cơ quan chức năng thực hiện nghiêm túc chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Việc này giúp nâng cao ý thức giữ rừng của đồng bào dân tộc thiểu số, bảo vệ tốt nguồn sinh thủy cho các công trình cấp nước tự chảy;

+ Quản lý khoáng sản: Hiện trạng cơ bản kiểm soát tốt, không để xảy ra tình trạng khai thác vàng tặc hay khai thác cát sỏi quy mô lớn trái phép trên các lòng suối. Tuy nhiên, việc người dân tự ý khai thác đá hộc, cát nhỏ lẻ phục vụ xây dựng nhà ở tại chỗ vẫn diễn ra và khó kiểm soát triệt để.

- Công tác bảo vệ môi trường: Đối với khu vực trung tâm, đã hình thành các nhóm thu gom rác thải tập trung nhưng quy mô còn nhỏ, tần suất chưa cao. Rác chủ yếu được tập kết và xử lý bằng phương pháp chôn lấp hoặc đốt thủ công. Khu vực các bản vùng sâu: Chưa có hệ thống thu gom rác. Người dân vẫn giữ thói quen tự xử lý bằng cách đốt hoặc chôn lấp.

2.9. Đánh giá tổng hợp thực trạng, những vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch

2.9.1. Đánh giá tổng hợp thực trạng - Phân tích SWOT

Bảng 04: Bảng phân tích SWOT đánh giá tổng hợp

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
- Quy mô và nguồn lực mở rộng: Diện tích tự nhiên và quy mô dân số tăng gấp đôi (vượt ngưỡng 10.000 dân), giúp nâng tầm vị thế hành chính của xã, thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư công; - Trục giao thông đối ngoại thuận lợi: Tuyến đường chính kết nối trung tâm Than Uyên cũ vào trung tâm Khoen On cơ bản đã được nhựa hóa thông suốt; - Có hồ thủy điện Huổi Quảng, tạo lợi thế phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái, điện mặt trời… và góp phần điều hòa vi khí hậu khu vực. - Có tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời trên hồ thủy điện và thủy điện nhỏ trên các suối. Có giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc với cơ cấu dân tộc đa dạng (Thái, Mông, Khơ Mú, Kinh), tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa và các loại hình du lịch trải nghiệm.	- Địa hình đồi núi, bị chia cắt mạnh, nhiều khu vực có độ dốc lớn, gây khó khăn cho việc phát triển hạ tầng kỹ thuật và tổ chức không gian xây dựng tập trung. - Dân cư phân bố phân tán, mật độ thấp, làm tăng chi phí đầu tư xây dựng và quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. - Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ; đặc biệt là các lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải và chiếu sáng công cộng chưa được đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển. - Cơ cấu kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào nông nghiệp quy mô nhỏ lẻ, giá trị gia tăng chưa cao, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. - Phát triển du lịch còn chậm; sản phẩm du lịch chưa đa dạng, thiếu các cơ sở lưu trú và dịch vụ hỗ trợ, chưa khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương.
Cơ hội (O)	**Thách thức (T)**
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá tiếp tục là động lực quan trọng để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. - Hưởng lợi từ các dự án hạ tầng chiến lược của tỉnh trong thời gian tới như tuyến cao tốc Bảo Hà - Lai Châu - Ma Lù Thàng và dự án Cảng hàng không Lai Châu (dự	- Địa hình đồi núi, chia cắt phức tạp là thách thức lớn trong việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng kết nối giữa vùng động lực thung lũng trung tâm và vùng sinh thái phía Tây của xã, ảnh hưởng đến khả năng liên kết phát triển đồng bộ trên toàn địa bàn. - Quá trình phát triển hạ tầng, thương mại, dịch vụ và du lịch có xu hướng làm gia tăng mật độ xây dựng, tạo áp lực lên môi trường. Do đó, đặt ra yêu cầu phải giải

kiến tại xã Tân Uyên), tạo điều kiện thuận lợi để kết nối vùng, thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển. - Có nhiều cơ hội phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch lòng hồ. - Có điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, như: lúa đặc sản, chè, mắc ca, quế, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản lòng hồ.	quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, gắn với chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. - Phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành thương mại, dịch vụ và du lịch còn gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, quy mô và chất lượng các chương trình đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. - Nguy cơ mai một bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển du lịch và đô thị hóa nếu không được quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

2.9.2. Những vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch

- Tổ chức không gian phát triển toàn xã theo hướng đồng bộ, hiện đại, có quy mô và cấu trúc hợp lý, bảo đảm khả năng thu hút đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, cảnh quan.

- Tăng cường khả năng liên kết không gian, nâng cao vai trò và vị thế của xã trong mối quan hệ với các khu vực lân cận, phù hợp với định hướng của các quy hoạch cấp trên.

- Định hướng phát triển các khu chức năng, khu vực phát triển kinh tế; đồng thời thực hiện sắp xếp, chuyển đổi, di dời các chức năng, công trình không còn phù hợp với định hướng phát triển.

- Quy hoạch mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại.

- Bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị cảnh quan, bản sắc văn hóa địa phương; đồng thời bảo vệ bền vững tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái, đặc biệt là các yếu tố có tác động trực tiếp và gián tiếp đến không gian phát triển như: cảnh quan mặt nước, hành lang xanh, hệ thống sản xuất nông - lâm nghiệp.

III. XÁC ĐỊNH ĐỘNG LỰC VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ; TÁC ĐỘNG, YÊU CẦU CỦA ĐỊNH HƯỚNG, PHƯƠNG HƯỚNG, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA, CẤP VÙNG, CẤP TỈNH ĐỐI VỚI VIỆC LẬP QUY HOẠCH CHUNG XÃ

3.1. Xác định động lực và tiềm năng phát triển của xã

** Động lực phát triển:*

- Đất đai và điều kiện tự nhiên: Địa hình đa dạng, tài nguyên rừng - đất - nước phong phú, thuận lợi cho phát triển nông - lâm nghiệp – thủy sản, du lịch sinh thái, và thủy điện.

- Kết cấu hạ tầng: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung đang từng bước được đầu tư theo quy hoạch, tạo điều kiện rất thuận lợi cho thu hút đầu tư; Mạng lưới giao thông có khả năng kết nối thuận lợi với các vùng chức năng lân cận, đặc biệt là các trục đường chính Quốc lộ 279D, giúp lưu thông hàng hóa và dịch vụ dễ dàng, thúc đẩy hoạt động kinh tế – xã hội.

- Sự tác động của chính sách và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp giúp bộ máy chính quyền tinh gọn và chuyên nghiệp hơn, nâng cao hiệu quả hoạt động. Chính sách được ban hành và thực thi hiệu quả hơn, phù hợp với thực tiễn của địa phương; Giúp người dân được thụ hưởng các dịch vụ công hiện đại, tiện ích hơn tác động thúc đẩy kinh tế - xã hội.

- Xã Khoen On được hình thành trên địa giới hành chính của 2 đơn vị, tạo ra không gian lớn hơn, tập trung hơn, từ đó thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, dịch vụ và du lịch. Xã có nhiều danh lam thắng cảnh có giá trị, bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú tạo sức hút lớn đối với các nhà đầu tư, nhất là trong các lĩnh vực thương mại – dịch vụ và du lịch. Ngoài ra với tiềm năng về khu vực lòng hồ thủy điện Huội Quảng sẽ là một động lực thu hút đầu tư để phát triển dịch vụ, du lịch.

** Tiềm năng phát triển:*

- Tiềm năng phát triển Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản:

+ Kinh tế lòng hồ thủy điện: Vùng mặt nước lòng hồ mở ra tiềm năng lớn về nuôi trồng thủy sản nước ngọt (nuôi cá lồng bè các loại cá đặc sản) kết hợp với đánh bắt tự nhiên, tạo nguồn thu mới cho các bản vùng bán ngập;

+ Kinh tế rừng sản xuất và dược liệu: Với diện tích đất lâm nghiệp lớn và thảm phủ rừng phòng hộ đầu nguồn được bảo vệ tốt, xã có tiềm năng khổng lồ để phát triển kinh tế dưới tán rừng (trồng cây dược liệu, thảo quả, sa nhân) và phát triển các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao thích ứng với độ dốc;

+ Nông nghiệp đặc sản vùng cao: Phát triển các vùng chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò) tập trung và các sản phẩm nông sản đặc sản mang thương hiệu địa phương (OCOP) như gạo nếp, lợn bản địa, gà đồi.

- Tiềm năng phát triển Du lịch:

+ Du lịch cảnh quan sinh thái: Hệ thống ruộng bậc thang trải dài qua các thung lũng, kết hợp với địa hình sông suối tự nhiên (suối Mu, suối Xe) và vùng

lòng hồ sinh thái tạo nên một quần thể cảnh quan nông nghiệp - tự nhiên vô cùng ngoạn mục, thu hút xu hướng du lịch trải nghiệm, trekking;

+ Du lịch văn hóa cộng đồng (Homestay): Sự đa dạng và đậm đà bản sắc của các dân tộc Thái (với kiến trúc nhà sàn độc đáo), người Mông, Dao (với các lễ hội, nghề thủ công truyền thống) để hình thành các bản du lịch cộng đồng, giữ chân du khách bằng văn hóa bản địa.

- Xã có tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời trên hồ thủy điện và thủy điện nhỏ trên các suối.

3.2. Tác động, yêu cầu và định hướng, phương phướng, quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với việc lập quy hoạch chung xã

3.2.1. Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Phương hướng phát triển của Lai Châu trong Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

- Phát triển dịch vụ "tập trung phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo như văn hoá, lịch sử, du lịch cảnh quan, sinh thái, khám phá thiên nhiên, du lịch trải nghiệm gắn với cộng đồng, văn hoá các dân tộc thiểu số.

- Phát triển các vùng sản xuất tập trung "Vùng trồng rau, hoa, cây, cây dược liệu chất lượng cao (Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang).

- Phát triển mô hình trang trại chăn nuôi và nuôi cá nước lạnh ....

3.2.2.Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

Phương hướng phát triển của xã Khoen On trong Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:

- Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, cây công nghiệp, trồng rừng, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, các mặt hàng chủ lực là chè, lúa gạo, thảo quả, thịt trâu, bò, gỗ công nghiệp, vật liệu xây dựng, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Phát triển điểm du lịch: Hồ thủy điện Huội Quảng, quần thể hang động bản Mè, hang Thẳm Nánh, các điểm ngắm cảnh, săn mây bản Noong Quang, ruộng bậc thang bản Hua Đán... hứa hẹn là một trong những địa điểm du lịch có tiềm năng khám phá vô cùng thú vị.

- Tập trung phát triển kinh tế trên cơ sở khai thác các tiềm năng, thế mạnh của xã. Tăng cường thu hút đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

để phát triển kinh tế bền vững; quy hoạch, xây dựng và nhân rộng các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, các mô hình sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa - xã hội, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc gắn với phát triển du lịch; các chính sách giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho Nhân dân, nhất là lao động nông thôn, để tạo sinh kế lâu dài cho người dân vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Quy hoạch khu dân cư nông thôn phù hợp với nhu cầu của người dân; có tính đến giao thông đi lại giữa khu vực ở với khu vực sản xuất, khai thác và phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng và mở rộng liên kết sản xuất với các khu vực lân cận. Bố trí, sắp xếp, quy hoạch mới khu dân cư nông thôn phải đồng bộ với quy hoạch hệ thống hạ tầng điện, đường giao thông, hệ thống thoát nước, nước sinh hoạt và có tính đến các dịch vụ xã hội giáo dục, y tế… Quy hoạch điểm sắp xếp dân cư phải đảm bảo tiêu chí đất ở, nhà ở theo các quy định của Nhà nước. Quy hoạch khu dân cư vùng đồng bào dân tộc phải phù hợp phong tục tập quán truyền thống của người dân.

IV. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ, DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; CÁC RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG, THẢM HỌA THIÊN NHIÊN

4.1. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường

4.1.1. Dự báo phát triển kinh tế

** Giai đoạn 2026-2030:*

Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư phát triển phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường, phát triển nông lâm nghiệp tập trung kết hợp phát triển công nghiệp chế biến nông sản, cũng cố quốc phòng, an ninh; phát huy tiềm năng, lợi thế của xã; thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

- Thu nhập bình quân đạt 35 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 0,8%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75%.

- Tổng lượng khách du lịch: tổ chức các ngày hội văn hóa, bản sắc dân tộc, khai thác các điểm đến như hang bản Mè, hang Thẩm Nánh, cảnh quan sinh thái vùng lòng hồ thủy điện Huội Quảng,… phấn đấu tổng lượng khách du lịch tăng trưởng 10 %/năm.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý đạt 90%.

- Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối) đạt 65%;

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%);

- Chỉ tiêu nông thôn mới: Đạt nông thôn mới.

** Giai đoạn 2031-2045:*

Đến năm 2045, Phát triển xã Khoen On phát triển với hệ thống hạ tầng xã văn hóa, y tế, giáo dục, thương mại phát triển, hạ tầng kỹ thuật được xây dựng đồng bộ, hướng tới xã nông thôn mới nâng cao góp phần nâng cao đời sống của nhân dân. Phát triển kinh tế xã hướng tới nâng cao tỷ trọng du lịch và thương mại dịch vụ.

- Thu nhập bình quân đạt > 70 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm dưới 3%/năm.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 80%.

- Tổng lượng khách du lịch: tổng lượng khách du lịch tăng trưởng 8%-10%/năm.

- Chỉ tiêu nông thôn mới: Hướng tới tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, sinh thái.

4.1.2. Dự báo dân số

- Quy mô dân số phát triển trong tương lai của xã tăng chủ yếu từ nguồn tăng từ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên theo con số thống kê hằng năm của xã.

- Dự báo quy mô dân số của vùng áp dụng theo công thức: $N = No \times (1+n)^t$

+ No: Dân số hiện trạng

+ n: tỉ lệ (%) tăng dân số tổng hợp

+ t: Thời gian quy hoạch

Dân số xã Khoen On năm 2025: khoảng 10.652 người *(theo báo cáo số 377/BC-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Khoen On về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2025; kế hoạch năm 2026)* tốc độ tăng dân số trung bình cả tỉnh giai đoạn đến năm 2030 là 1,36%/năm; giai đoạn đến năm 2050 là 1%/năm (Bảng số 68, Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

Dân số quy hoạch đến năm 2030: khoảng 11.396 người.

Dân số quy hoạch đến năm 2045: khoảng 13.231 người.

4.1.3. Dự báo lao động

- Dự báo lao động xã đến năm đến năm 2030 khoảng 6.951 người.

- Dự báo lao động xã đến năm đến năm 2045 khoảng 8.070 người.

4.1.4. Dự báo quy mô đất đai

Nhu cầu sử dụng đất đối với các khu vực phát triển bao gồm: Đất dân dụng, đất ngoài dân dụng, đất nông nghiệp và chức năng khác.

* Dự báo chỉ tiêu đất tối thiểu theo QCVN 01:2021/BXD):

STT	Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m^2/người)	Dự báo quy mô dân số (người)	Dự báo quy mô đất đai (ha)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	25	13.249	33,1
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5	13.249	6,6
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5	13.249	6,6
4	Cây xanh công cộng	2	13.249	2,6
CHÚ THÍCH: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh.				

- Dự báo các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, các giai đoạn quy hoạch: Dự kiến đất xây dựng dân dụng xã Khoen On theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: khoảng 50-80 ha.

+ Giai đoạn 2031- 2045: khoảng 100-150 ha.

4.1.5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho đồ án

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất của điểm dân cư nông thôn, quy định tại Quy chuẩn quốc gia QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Bảng 05: Chỉ tiêu các công trình công cộng - dịch vụ

TT	Loại công trình	Chỉ tiêu tính toán	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2045	Căn cứ
A	**Công trình công cộng cấp xã**			
1	Trụ sở UBND xã	01 công trình/ xã	Tổng diện tích đất trụ sở ≥ 1.000 m^2	Mục 2.16 Yêu cầu về quy hoạch xây dựng nông thôn –

TT	Loại công trình	Chỉ tiêu tính toán	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2045	Căn cứ
			≤ 400 m^2/công trình	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng "Về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng"
2	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	01 điểm/ xã	≥ 150 m^2 /1 điểm	
3	Công trình giáo dục			
-	Trường mầm non	50 học sinh/1000 người; Bán kính phục vụ ≤ 2km	≥ 12 m^2 /1 học sinh	
-	Trường tiểu học	65 học sinh/1000 người; Bán kính phục vụ ≤ 2km	≥ 10 m^2 /1 học sinh	
-	Trường trung học cơ sở	55 học sinh/1000 người	≥ 10 m^2 /1 học sinh	
4	Công trình y tế			
-	Trạm y tế	01 trạm/ xã	≥ 500 m^2/trạm (không có vườn thuốc); ≥ 1.000 m^2/trạm (có vườn thuốc).	
5	Công trình văn hóa, TDTT			
a	Nhà văn hóa trung tâm xã	01 công trình/ xã	≥ 1.000 m^2/công trình	
b	Phòng truyền thống	01 công trình/ xã	≥ 200 m^2/công trình	
c	Thư viện	01 công trình/ xã	≥ 200 m^2/công trình	
d	Hội trường	01 công trình/ xã	≥ 100 chỗ /công trình	
e	Cụm công trình, sân bãi thể thao	01 công trình/ xã	≥ 5.000 m^2/công trình /sân	
6	Công trình thương mại, dịch vụ			
a	Chợ	01 chợ/xã (cụm xã)	≥ 1.500 m^2/công trình /chợ	
b	Cửa hàng dịch vụ trung tâm	01 công trình/ khu	≥ 300 m^2/công trình	

TT	Loại công trình	Chỉ tiêu tính toán	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2045	Căn cứ
		trung tâm		
Chi chú	*Đối với khu vực trung tâm xã, các khu vực có xu hướng đô thị hóa và một số khu chức năng khác, căn cứ tính chất công trình, quy mô phục vụ, yêu cầu kết nối hạ tầng kỹ thuật và các quy định hiện hành, Quy hoạch chung xã xác định việc áp dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp, có thể cao hơn tiêu chuẩn nông thôn và tiệm cận tiêu chuẩn đô thị, nhằm nâng cao chất lượng không gian và hạ tầng, đồng thời bảo đảm không làm thay đổi tính chất, cấp độ của Quy hoạch chung xã.*			
B	**Công trình công cộng cấp thôn, bản**			
1	Đối với thôn, bản đặc biệt khó khăn			Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; Mục 1 - Điều 2 - Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
-	Nhà văn hóa thôn	01 công trình/ thôn	≥ 100 m^2/công trình	
-	Sân thể thao thôn	01 công trình/ thôn	≥ 200 m^2/công trình	
2	Đối với thôn, bản khu vực miền núi không thuộc vùng đặc biệt khó khăn			
-	Nhà văn hóa thôn	01 công trình/ thôn	≥ 200 m^2/công trình	
-	Sân thể thao thôn	01 công trình/ thôn	≥ 300 m^2/công trình	
C	**Công trình an ninh, quốc phòng**			
-	Trụ sở Công an xã	01 công trình/xã	≥15.000 m^2	Văn bản số 5004/BCA-H02 ngày 18/6/2025 của Bộ Công an về sửa đổi, bổ sung quy định về định mức sử dụng đất an ninh trong Công an nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 7978/QĐ-BCA- H02 ngày 27/10/2022 của

TT	Loại công trình	Chỉ tiêu tính toán	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2045	Căn cứ
				Bộ trưởng Bộ Công an
-	Trụ sở Ban chỉ huy QS xã	01 công trình/xã	≥15.000 m^2	

Bảng 06: Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch	
			2025 - 2030	2031-2045
1	Giao thông			
	Đường liên xã	Cấp	≥V	≥IV
	Đường xã	Cấp	≥Bnt	≥Ant
	Đường thôn	Cấp	≥Cnt	≥Cnt
2	Cấp nước			
	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	l/ng.ngđ	≥80	≥120
	Nước công cộng, dịch vụ	% Qsh	≥10	≥10
	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình	% Qsh	≥8%	≥8%
	Khu, cụm công nghiệp tập trung (nếu có)	m^3/ha.ngđ	≥20	≥20
	Tỷ lệ dân số được cấp nước	%	80	95
3	Cấp điện			
	Sinh hoạt	w/người	200-300	300-500
	Công cộng, dịch vụ	% Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	≥30	≥30
	Công nghiệp tùy loại hình (nếu có)	Kw/ha	50-350	50-350
	Chiếu sáng công cộng	tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng	≥ 50%	≥50%
3.4	Thoát nước thải			
	Sinh hoạt	% Tiêu chuẩn cấp nước	≥ 50%	≥ 50%
	Công nghiệp (nếu có)		100%	100%
3.5	Chất thải rắn			

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch	
			2025 - 2030	2031- 2045
	Sinh hoạt	kg/ng/ngày	0,8	0,8
	Công nghiệp tùy loại hình (nếu có)	Tấn/ha/ngày	0,3	0,3
Chi chú	*Đối với khu vực trung tâm xã, các khu vực có xu hướng đô thị hóa và một số khu chức năng khác, căn cứ tính chất công trình, quy mô phục vụ, yêu cầu kết nối hạ tầng kỹ thuật và các quy định hiện hành, Quy hoạch chung xã xác định việc áp dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp, có thể cao hơn tiêu chuẩn nông thôn và tiệm cận tiêu chuẩn đô thị, nhằm nâng cao chất lượng không gian và hạ tầng, đồng thời bảo đảm không làm thay đổi tính chất, cấp độ của Quy hoạch chung xã.*			

4.2. Các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên

Thiên tai: Xã Khoen On nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hiện tượng lũ quét, lũ ống, gió lốc… Mưa đá, gió lốc thường xảy ra vào đầu mùa mưa từ tháng 3 đến tháng 4 với tần suất xuất hiện trung bình 1,3 - 1,5 ngày/năm, tốc độ gió xoáy khoảng 30 - 40 m/s, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân địa phương.

Biến đổi khí hậu: Biến đổi khí hậu không chỉ gây ra các hiện tượng cực đoan như hạn hán, mưa đá, sương muối … mà nó còn ảnh hưởng nặng nề đến lĩnh vực nông nghiệp, có thể còn dẫn đến mất mùa hoàn toàn. Biến đổi khí hậu đã và đang tác động mạnh mẽ đến ngành trồng trọt, làm giảm diện tích đất canh tác, gây ra tình trạng hạn hán và sâu bệnh, gây áp lực lớn cho sự phát triển của ngành trồng trọt nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung. Đối với xã Khoen On, biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng tới trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn. Tình trạng sâu bệnh, dịch bệnh còn tồn tại, gây thiệt hại kinh tế cho người dân địa phương.

Môi trường và các hệ sinh thái: Môi trường và hệ sinh thái toàn cầu đang bị đe dọa do tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến môi trường sống của con người. Tuy nhiên tại xã Khoen On, môi trường và các hệ sinh thái chưa bị tác động lớn, vẫn đang được kiểm soát tốt.

V. XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TỔNG THỂ CÁC KHU VỰC

5.1. Phân vùng phát triển

- Vùng 1: Vùng động lực trung tâm. Bao gồm 13 bản: Bản Mỳ, Bản Hua Mỳ, Bản Khem, Bản Nam, Bản Co Cai, Bản Củng, bản Ten Co Mư, Bản Hỳ, Bản On, Bản Sàng, Bản Chế Hạng, Bản Mở, Bản Đốc.

+ Là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa -xã hội và sinh hoạt cộng đồng của xã, tập trung trụ sở hành chính và các công trình công cộng cấp xã.

+ Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Thái, phát triển du lịch lòng hồ thủy điện Huổi Quảng, gắn với du lịch cộng đồng.

+ Đóng vai trò hạt nhân điều phối phát triển kinh tế - xã hội, với trục quốc lộ 279D và lòng hồ thủy điện Huổi Quảng;

+ Phát triển các chức năng thương mại dịch vụ;

+ Khai thác khoáng sản (cát, đá...); điện mặt trời lòng hồ thủy điện Huổi Quảng.

+ Khu vực phát triển nông - lâm nghiệp, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với bảo tồn cảnh quan sinh thái. Phát triển chăn nuôi cá lồng.

+ Phát triển dân cư tập trung tại các khu vực thuận lợi về giao thông và hạ tầng, gắn với bố trí việc làm, ổn định sinh kế cho người dân trong vùng khai thác.

- Vùng 2: Vùng sinh thái phía Đông. Bao gồm 06 bản: Mùi 1, Mùi 2, On 1; Tà Lồm, Hua Đán, Noong Quang;

+ Phát triển khai thác tài nguyên thủy điện vừa và nhỏ gắn với quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nước và bảo đảm an toàn môi trường, phòng chống thiên tai.

+ Khu vực phát triển nông - lâm nghiệp chủ đạo của xã, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với bảo tồn cảnh quan sinh thái. Phát triển nuôi cá nước lạnh. Bảo vệ rừng gắn với phát triển cây dược liệu dưới tán rừng, trong đó có sâm Lai Châu.

+ Khu vực phát triển du lịch trải nghiệm, các điểm ngắm cảnh gắn với du lịch cộng đồng, đặc biệt là các bản vùng cao: Noong Quang, Hua Đán.

+ Khu vực có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng -an ninh;

+ Ưu tiên cảnh quan tự nhiên, an ninh nguồn nước và môi trường sinh thái.

+ Phát triển dân cư tập trung tại các khu vực thuận lợi về giao thông và hạ tầng, gắn với bố trí việc làm, ổn định sinh kế cho người dân trong vùng khai thác.

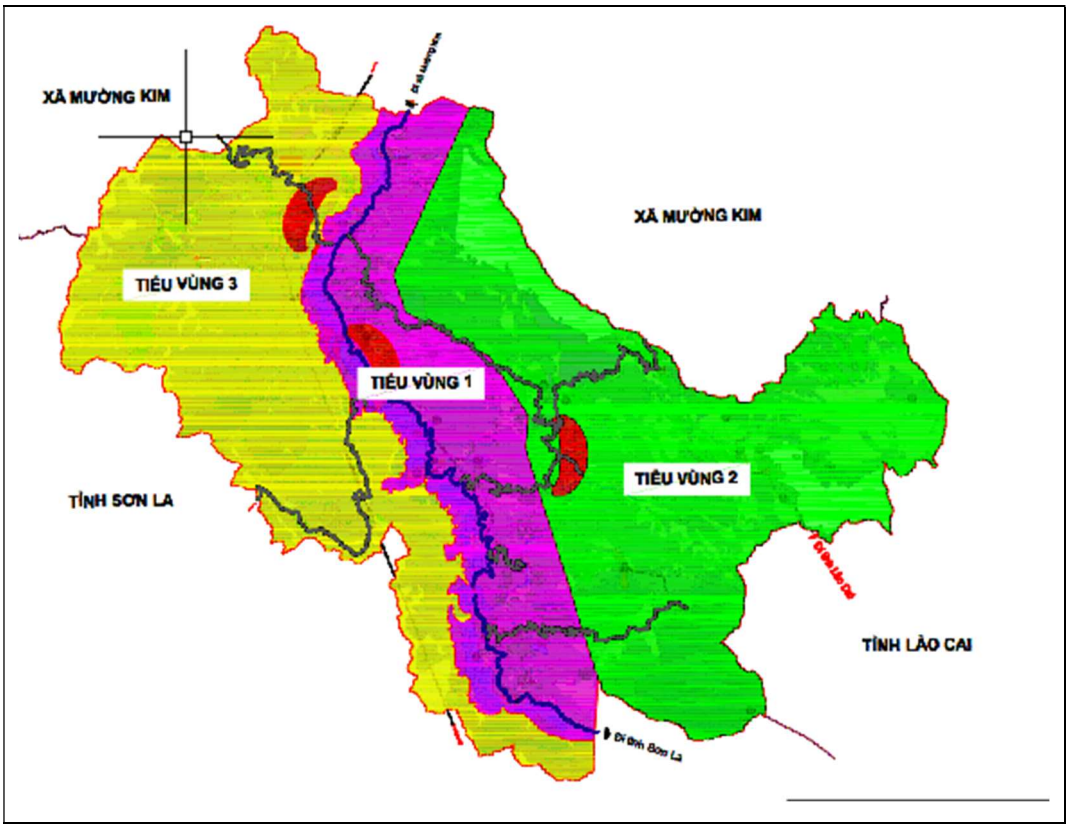
- Vùng 3: Tiểu vùng sinh thái phía Tây. Bao gồm 04 bản: Huổi Cầy, Noong Quài, Mè, Gia.

+ Khu vực phát triển nông - lâm nghiệp chủ đạo của xã, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với bảo tồn cảnh quan sinh thái. Bảo vệ rừng gắn với phát triển cây dược liệu dưới tán rừng.

+ Khu vực phát triển du lịch trải nghiệm, các điểm ngắm cảnh gắn với di tích quần thể hang động bản Mè.

+ Ưu tiên cảnh quan tự nhiên, an ninh nguồn nước và môi trường sinh thái.

+ Phát triển dân cư tập trung tại các khu vực thuận lợi về giao thông và hạ tầng, gắn với bố trí việc làm, ổn định sinh kế cho người dân trong vùng khai thác



Hình 10: Định hướng phân vùng phát triển xã Khoen On

5.2. Cấu trúc, định hướng phát triển các khu vực

5.2.1. Khu dân cư nông thôn

a. Nguyên tắc tổ chức hệ thống dân cư

- Theo tập quán văn hóa và truyền thống cư trú
- Lựa chọn đất phát triển an toàn, có điều kiện kiểm soát về thiên tai
- Đảm bảo an ninh - quốc phòng
- Đảm bảo bảo vệ môi trường
- Đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội
- Hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ.
- Dự phòng quỹ đất tái định cư, mở rộng.

b. Các khu dân cư tập trung gắn với các khu trung tâm xã

- Là các bản nằm tại các khu trung tâm xã
- Các khu dân cư hiện trạng khi xây dựng mới hoặc cải tạo không được lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, phải tuân thủ lộ giới các tuyến đường giao thông đã được quy hoạch.

- Không xây dựng trên các hành lang bảo vệ suối, các khu vực đã có cảnh báo thiên tai, khu vực có nguy cơ mất an toàn về thiên tai, lũ lụt, sạt lở …

- Không cho phép tiếp tục chia lô xây dựng nhà ở bám dọc hai bên đường. Các khu dân cư xây dựng mới phải quy hoạch tập trung thành cụm trên cơ sở xây dựng tuyến đường đầu nối đúng quy định với đường tỉnh để đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ cảnh quan, mỹ quan, có quỹ đất dự phòng để xây dựng cơ sở hạ tầng tạo tiền đề hình thành đô thị trong tương lai.

c. Các điểm dân cư phân tán

- Là các bản nằm ngoài các khu trung tâm, rải rác phân bố theo địa hình

- Các khu dân cư hiện trạng khi xây dựng mới hoặc cải tạo không được lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, phải tuân thủ lộ giới các tuyến đường giao thông đã được quy hoạch.

- Không cho phép tiếp tục chia lô xây dựng một dãy nhà ở bám dọc hai bên đường. Các khu dân cư xây dựng mới phải quy hoạch tập trung thành cụm trên cơ sở xây dựng tuyến đường đầu nối đúng quy định với đường tỉnh để đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ cảnh quan, mỹ quan, có quỹ đất dự phòng để xây dựng cơ sở hạ tầng tạo tiền đề hình thành đô thị trong tương lai.

5.2.2. Khu vực sản xuất nông nghiệp

a. Định hướng phát triển

Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, phù hợp với địa hình, gắn với chế biến, bảo quản và xây dựng thương hiệu nông sản địa phương; đồng thời kết hợp bảo vệ cảnh quan, tài nguyên đất, nước và phát triển các mô hình nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm, góp phần nâng cao giá trị sản xuất và thu nhập cho người dân.

Chuyển dần sang cây trồng có khả năng thích ứng cao, vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế, vừa bảo vệ đất và môi trường sinh thái. Mở rộng diện tích khai hoang, đẩy mạnh thâm canh ở những nơi có điều kiện. Chuyển đổi cây trồng trên đất nương sang trồng một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục chăm sóc, duy trì ổn định diện tích cây ăn quả đã trồng. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện một số dự án cây trồng cây có giá trị kinh tế cao.

b. Các khu trồng cây lương thực và cây hàng hóa

- Định hướng phát triển các khu trồng cây lương thực và cây hàng hóa trên địa bàn xã Khoen On theo hướng sản xuất tập trung, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thích ứng điều kiện sinh thái vùng cao. Tiếp tục phát triển các khu hiện có ở các thung lũng và chân đồi xen kẽ rừng tự nhiên.

- Các khu trồng cây lương thực: Tập trung ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất lúa nương, lúa ruộng bậc thang, ngô và một số cây lương thực khác, bảo đảm an ninh lương thực tại chỗ. Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, giống mới năng suất cao; cải tạo đất, phát triển hệ thống thủy lợi nhỏ phục vụ sản xuất; từng bước chuyển đổi diện tích canh tác kém hiệu quả sang cây trồng có giá trị cao hơn.

- Khu trồng cây hàng hóa: Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng như chè, sâm Lai Châu, thảo quả, cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới và một số cây đặc sản vùng cao. Tổ chức sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị, gắn với hợp tác xã và doanh nghiệp thu mua, chế biến; xây dựng nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, nâng cao giá trị sản phẩm.

c. Lâm nghiệp

- Khai thác quỹ đất trống, đồi trọc phát triển các loại cây ăn quả, tái phủ xanh bằng rừng cây gỗ lớn hoặc cây có giá trị cao.

- Duy trì và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Rừng ở đây được giữ tương đối nguyên vẹn, vừa để bảo vệ môi trường, nguồn nước, vừa là nguồn nguyên liệu và sinh kế cho cộng đồng (gỗ, nấm rừng, dược liệu…). thuận lợi cho phát triển cây dược liệu dưới tán rừng.

d. Thủy sản

Quy hoạch vị trí nuôi cá lồng: Lòng hồ thủy điện Huội Quảng tại bản Nam, bản Gia, bản On, bản Mở, bản Đốc, bản Củng.

5.2.3. Khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, thương mại, dịch vụ (nếu có)

Trên địa bàn có Thủy điện Huội Quảng, Thủy điện Nậm Mở 3. Trong giai đoạn tới định quy hoạch các thủy điện Nậm Mở 1A, Nậm Mở 2, Nà Tỏ, Nậm Mở 2A. Tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công tại chỗ, trực tiếp tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Tiếp tục phát triển các cơ sở vật liệu xây dựng, Tăng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ hiện đại, tiên tiến trong các cơ sở sản xuất.

Phát triển các điểm khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng phục vụ nội xã như sản xuất gạch, đá xây dựng, các khu vực được cấp phép theo quy định của pháp luật khoáng sản và trong quy hoạch tỉnh.

Tiểu thủ công nghiệp địa phương: Phát triển các điểm chế biến nông sản, thủy sản đặc thù có sản lượng cao.

5.2.4. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn của xã

Ưu tiên mở rộng dịch vụ thương mại tổng hợp, chợ nông thôn gắn liền với tiêu thụ nông sản địa phương; hệ thống khách sạn, siêu thị phục vụ du lịch và dân cư.

Phát triển đa dạng các loại hình thương mại – dịch vụ tổng hợp, dịch vụ du lịch, lưu trú, du lịch cộng đồng và trải nghiệm văn hóa, gắn với bảo tồn cảnh quan tự nhiên, phát huy bản sắc văn hóa địa phương; đồng thời bảo đảm hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thân thiện với môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

Quy hoạch các điểm dịch vụ sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp: Quy hoạch hệ thống Dịch vụ phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (tại trung tâm các cụm xã, vùng sản xuất hàng hóa tập trung) nhằm phục vụ tốt nhu cầu phát triển sản xuất nông lâm nghiệp; quy hoạch các điểm sơ chế, chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã.

5.2.5. Các khu vực cần bảo tồn

Trên địa bàn có di tích Quần thể hang động bản Mè, đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh, diện tích khu vực bảo vệ I là 15,63 ha, diện tích khu vực bảo vệ II là 31,43 ha.

Bên cạnh đó, Vịnh Ta Gia với diện tích dự kiến khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích là 54,2 ha, đã được đưa vào Danh mục kiểm kê di tích.

5.2.6. Hệ thống trung tâm cấp xã

Khu vực trung tâm hiện hữu có khả năng xây dựng tương đối đồng bộ một khu trung tâm tổng hợp toàn xã gồm các công trình hành chính, chính trị, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, văn hóa thể dục thể thao, y tế giáo dục tập trung và đơn vị ở trung tâm; phục vụ lâu dài cho sự nghiệp phát triển của xã. Về đối nội, liên kết thuận lợi với khu vực mới sáp nhập; về đối ngoại, liên kết thuận lợi với tỉnh Sơn La, xã Mường Kim.

Phát triển khu trung tâm xã theo hướng tập trung, tiết kiệm quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kiến trúc hài hòa với cảnh quan tự nhiên, ưu tiên bố trí không gian xanh, điểm nhấn cảnh quan và các dịch vụ thiết yếu, góp phần nâng cao chất lượng sống của Nhân dân và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội toàn xã.

VI. XÁC ĐỊNH YÊU CẦU QUẢN LÝ THEO CÁC KHU VỰC; XÁC ĐỊNH QUY MÔ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH; ĐỊNH HƯỚNG KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

6.1. Xác định yêu cầu quản lý theo các khu vực

6.1.1. Định hướng tổ chức trung tâm xã

a. Quy hoạch tổ chức không gian ở

- Khu vực cải tạo nhà ở, cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo các tiêu chí nông thôn mới.

- Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng tại những nơi có địa hình tương đối bằng phẳng, xây dựng nhà ở từ 2- 3 tầng, có mái dốc, màu sắc hài hòa với cảnh quan nông thôn. Mật độ xây dựng tối đa 60-80%.

b. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích khoảng 66 ha, kế thừa trung tâm của xã Ta Gia (cũ), tại vị trí nằm trên trục đường Quốc lộ 279D, tại vị trí thuận lợi và dễ dàng kết nối với tỉnh Sơn La và xã Mường Kim.

Tại vị trí trọng điểm, dễ dàng tiếp cận, có khả năng xây dựng một trung tâm xã gồm các công trình hành chính, chính trị, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, văn hóa thể dục thể thao, y tế giáo dục tập trung và đơn vị ở trung tâm; phục vụ lâu dài cho sự nghiệp phát triển của xã. Các công trình quy hoạch mới bao gồm:

+ Khu trung tâm hành chính, chính trị gồm: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Hội trường chung, các khối phụ trợ;

+ Khu trung tâm văn hóa – thể thao xã;

+ Trụ sở công an xã: Công trình làm việc, kho, bãi công tác;

+ Mở rộng trạm y tế xã;

+ Đất ở mới (Đấu giá, tái định cư, giao đất cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai); Bố trí quỹ đất nhà ở xã hội;

+ Khu thương mại dịch vụ, kết hợp chợ Thẳm Củng;

+ Đất hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thủy lợi,…);

+ Cải tạo chỉnh trang dân cư hiện trạng, quy hoạch các khu dân cư tại khu vực trung tâm xã;

Các công trình hiện hữu cải tạo chỉnh trang nâng cấp bao gồm :

+ Trường Trung học cơ sở, trường Tiểu học, trường Mầm non;

Phát triển khu trung tâm xã theo hướng tập trung, tiết kiệm quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kiến trúc hài hòa với cảnh quan tự nhiên, ưu tiên bố trí không gian xanh, điểm nhấn cảnh quan và các dịch vụ thiết yếu, góp phần nâng cao chất lượng sống của Nhân dân và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

6.1.2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo bản

a. Khu dân cư hiện hữu

- Diện tích đất ở hiện trạng là 35,67 ha, chiếm 0,4% diện tích tự nhiên toàn xã.

- Giữ nguyên điểm dân cư hiện có, cải tạo chỉnh trang. Khu vực sản xuất phi nông nghiệp và chăn nuôi được đưa ra ngoài, đảm bảo khoảng cách với khu dân cư.

b. Khu dân cư mới

* Nguyên tắc

- Đất xây dựng khu dân cư phải đảm bảo:

+ Kế thừa hiện trạng phân bố dân cư và phù hợp với quy hoạch mạng lưới phân bố dân cư của khu vực lớn hơn có liên quan;

+ Phát triển được một lượng dân cư thích hợp theo dự báo, thuận lợi cho tổ chức các công trình công cộng thiết yếu;

+ Phù hợp với đất đai, địa hình, có thể dựa vào địa hình, địa vật tự nhiên như đường sá, ao hồ, kênh mương, dải đất để phân định ranh giới.

- Các chức năng cơ bản cho lô đất hộ gia đình gồm:

+ Công trình nhà ở chính;

+ Các công trình phụ;

+ Sân, vườn, ao.

- Yêu cầu cho lô đất hộ gia đình:

+ Phải đảm bảo bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, cảnh quan chung;

+ Các công trình sản xuất, chăn nuôi trong lô đất gia đình phải có hệ thống kỹ thuật thu gom và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Định hướng khu dân cư mới: Quy hoạch tại các vị trí phù hợp, tiếp giáp với các khu vực phát triển khu dân cư, tại các nơi đất xen kẹt khó canh tác. Các khu ở mới, mang tính chất là các khu đất đấu giá và giãn dân.

* Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới:

- Khu dân cư mới phục vụ (Đấu giá, tái định cư, giao đất cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai):

+ Tạo quỹ đất ở phục vụ đấu giá, giao đất, tái định cư (Nhà văn hóa, chợ xã Khoen On cũ): 0,25 ha;

+ Dự án tạo quỹ đất ở xây dựng khu dân cư nông thôn dọc hai bên đường QL 279D (tại diện tích công trường thủy điện Huổi Quảng trả lại để Đấu giá, TĐC, giao đất có thu tiền sử dụng đất): 1,46 ha;

+ Khẩn cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai khu vực Bản Đốc, xã Khoen On, tỉnh Lai Châu: 4,75 ha;

+ Bố trí quỹ đất nhà ở xã hội, diện tích 1,0 ha;

+ Quy hoạch đất ở mới trong khu trung tâm xã: 9,0 ha.

- Khai thác quỹ đất xen kẹp phục vụ nhu cầu đất ở mới cho các hộ gia đình có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, chi tiết diện tích các bản như sau:

+ Bản Noong Quang: 10,26 ha;

+ Bản Noong Quài: 5,25 ha;

+ Bản Chế Hạng: 1,05 ha;

+ Bản Sàng: 0,76 ha;

+ Bản Mở: 6,98 ha;

+ Bản Mùi 1: 2,71 ha;

+ Bản Co Cai: 0,21 ha;

+ Bản Hua Mỳ: 1,40 ha;

+ Bản Ten Co Mư: 5,94 ha;

+ Bản Củng: 1,57 ha;

+ Bản Tà Lồm: 0,31 ha;

+ Bản Hua Đán: 1,36 ha;

+ Bản Gia: 1,67 ha;

+ Bản Mỳ: 10,27 ha;

+ Bản Hỳ: 4,42 ha;

+ Bản Đốc: 0,82 ha;

+ Bản Huổi Cầy: 4,04 ha;

+ Bản Mùi 2: 6,66 ha;

+ Bản Nam: 2,11 ha;

+ Bản On: 6,64 ha;

+ Bản Mè: 2,3 ha;

+ Bản Khem: 5,63 ha;

+ Bản On 1: 0,17 ha.

6.1.3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng

a. Trụ sở cơ quan xã (gồm Đảng ủy, HĐND,UBND và ban ngành đoàn thể)

- Quy hoạch mới: Vị trí tại bản Củng, diện tích 1,15 ha.

b. Trạm y tế

- Mở rộng: Trạm y tế xã Khoen On, diện tích sau khi mở rộng 0,29 ha, vị trí tại bản Củng;

- Quy hoạch mới điểm y tế cụm bản tại bản On 1: diện tích 0,18 ha;

- Đối với trạm y tế xã Khoen On (cũ): Giữ nguyên.

c. Các công trình giáo dục

- Trường THCS:

+ Trường THCS Ta Gia, tại bản Củng, giảm diện tích hiện trạng còn lại là 10.130,62 m^2 (giảm do chuyển phần diện tích sang đất sân vận động trung tâm xã);

+ Trường THCS Khoen On tại bản On, giữ nguyên diện tích hiện trạng 8.307,29 m^2;

+ Trường THCS Khoen On tại bản Mùi 2, giữ nguyên diện tích hiện trạng 3.070,17 m^2.

- Trường Tiểu học:

+ Trường tiểu học Ta Gia tại bản Củng: Giữ nguyên diện tích hiện trạng 1.2642,58 m^2.

+ Trường tiểu học Khoen On tại bản On: Giữ nguyên diện tích hiện trạng 6.002,38 m^2.

- Trường Mầm non:

+ Điểm trường mầm non Ta Gia tại bản Củng: Mở rộng diện tích lên 7.033,65 m^2.

+ Điểm trường mầm non Khoen On tại bản On: Giữ nguyên diện tích hiện trạng 4.410,39 m^2.

- Công trình giáo dục: Duy trì và thường xuyên nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung phòng học tại các điểm trường mầm non và tiểu học ở các bản để đáp ứng nhu cầu học tập tại chỗ của học sinh.

d. Công trình văn hóa thể thao, cây xanh

- Nhà văn hóa xã, thư viện, nhà truyền thống… định hướng bố trí trong khuôn viên trụ sở UBND xã mới;

- Quy hoạch mới: Khu trung tâm văn hóa – thể thao xã, diện tích 0,9 ha;

- Công trình văn hóa - thể thao bản: Cải tạo, nâng cấp, xây mới nhà văn hóa tại các bản gắn với bổ sung sân thể thao, tạo không gian sinh hoạt cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc.

e. Định hướng đất an ninh, quốc phòng

* An ninh:

- Quy hoạch mới: Trụ sở làm việc công an xã Khoen On, diện tích 1,60 ha tại bản Củng;

- Trụ sở công an xã Khoen On cũ (vị trí hiện tại): Giữ nguyên hiện trạng (0,19 ha);

* Quốc phòng:

- Quy hoạch mới: Trụ sở Ban CHQS xã Khoen On, diện tích 1,50 ha (vị trí tại bản Co Cai;

- Ngoài ra, bố trí quy hoạch các khu vực quốc phòng theo đề xuất của Ban CHQS xã, diện tích 8,5 ha.

6.2. Xác định quy mô sử dụng đất quy hoạch

6.2.1. Quan điểm sử dụng đất

- Quy hoạch sử dụng đất của xã được xác định trên cơ sở tổ chức hợp lý không gian phát triển nông thôn, ưu tiên phát triển khu trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung nhằm hình thành các hạt nhân phát triển, hạn chế tình trạng phát triển phân tán; đồng thời phát triển hệ thống giao thông kết nối thuận lợi giữa trung tâm xã với các bản, các khu sản xuất nông - lâm nghiệp, khu vực du lịch và các khu chức năng khác trên địa bàn xã.

- Việc bố trí sử dụng đất phải bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh thái; kiểm soát và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường từ các khu sản xuất, khu xử lý chất thải, nghĩa trang và các nguồn gây ô nhiễm khác; góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững khu vực nông thôn.

- Quy hoạch sử dụng đất và dự báo nhu cầu đất xây dựng được xác định theo từng giai đoạn phát triển trên quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu dân cư tập trung và các hoạt động dịch vụ - thương mại - du lịch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đồng thời kiểm soát chặt chẽ các yếu tố tác động đến môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của xã.

6.2.2. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích phạm vi lập quy hoạch chung xã Khoen On đến năm 2045 là 18.987,18 ha. Trong đó: Diện tích đất nông nghiệp là 13.819,11 ha; Diện tích đất xây dựng là 1.258,82 ha; Diện tích đất khác là 3.909,25 ha.

(Chi tiết các loại đất được thể hiện tại phụ lục kèm theo)

6.3. Định hướng kiến trúc cảnh quan

6.3.1. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các bản

a. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu dân cư mới

- Khu dân cư mới bao gồm các chức năng:

+ Khu nhà ở

+ Khu công trình công cộng, dịch vụ

+ Khu vực giao thông và hạ tầng kỹ thuật

+ Khu vực cây xanh công cộng

- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn đảm bảo theo bảng sau:

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m^2/người)
Đất xây dựng công trình nhà ở	≥25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	≥5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	≥5
Cây xanh công cộng	≥4

- Mật độ xây dựng trong lô đất tối đa 60%-80%.

- Khai thác các quỹ đất trống để làm các điểm nghỉ, điểm tránh và quay xe.

- Tăng cường trồng cây xanh dọc đường. Khuyến khích trồng cây leo trên các tường rào nhằm tăng diện tích cây xanh, đảm bảo không gian xanh trong khu ở.

- Khuyến khích xây dựng nhà ở từ 1 đến 3 tầng, có mái dốc, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn miền núi.

- Kiến trúc công trình khu dân cư mới tại xã Khoen On được thiết kế phù hợp với yêu cầu của Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 07/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về định hướng phát triển quy hoạch kiến trúc nông thôn Việt Nam, tạo bản sắc và giữ gìn kiến trúc truyền thống:

+ Khuyến khích mô hình nhà ở kết hợp với sản xuất;

+ Ưu tiên các công trình nhà có quy mô vừa và nhỏ, khai thác tốt nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, ứng dụng được những công nghệ và vật liệu mới giúp giảm giá thành xây dựng phù hợp với khả năng kinh tế của đại bộ phận người dân nông thôn. Hướng tới các mẫu nhà hiện đại, tiệm cận với các tiêu chuẩn sống của đô thị, nhưng kế thừa các nét kiến trúc truyền thống tiêu biểu và đặc biệt bền vững, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

+ Công trình dịch vụ tiện ích cộng đồng hướng tới mẫu công trình hiện đại nhưng vẫn đảm bảo nết kiến trúc truyền thống và hài hòa với cảnh quan nông thôn.

b. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan các bản

- Tổ chức mặt bằng khuôn viên hợp lý khi xây dựng thêm các công trình chức năng khác.

- Cải tạo các công trình phụ gắn kết với công trình chính để nâng cao điều kiện sinh hoạt hợp vệ sinh (có thể sử dụng hành lang, nhà cầu để liên kết các công trình chức năng trong lô đất).

- Cải tạo chỉnh trang nhà ở, cải tạo cổng và tường rào, tạo dựng bộ mặt nông thôn mới (khuyến khích sử dụng cây xanh, cây leo trong cải tạo tường rào).

6.3.2. Định hướng phát triển sản xuất

a. Định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp

- Xã Khoen On định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, ứng dụng khoa học kỹ thuật và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa. Quy hoạch khu vực chăn nuôi tập trung, vùng nuôi cá lồng, vùng nuôi cá nước lạnh.

- Duy trì và phát triển diện tích rừng sản xuất, rừng phòng hộ, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng. Tận dụng quỹ đất trống, đồi trọc để trồng rừng và cây có giá trị kinh tế cao. Đồng thời bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường, nguồn nước và tạo sinh kế cho người dân thông qua khai thác lâm sản phụ và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng, trong đó có sâm Lai Châu.

b. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại và du lịch, khai thác

* Định hướng khu vực công nghiệp

- Khai thác vật liệu xây dựng:

Cập nhật, tích hợp định hướng quy hoạch khoáng sản trong quy hoạch tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

+ Mỏ đá Suối On, xã Khoen On: Diện tích 14,54 ha;

+ Mỏ cát Khu 5 lòng hồ thủy điện Huội Quảng, xã Khoen On: Diện tích 2,66 ha;

+ Mỏ cát Khu 6 lòng hồ thủy điện Huội Quảng, xã Khoen On: Diện tích 2,06 ha;

+ Mỏ cát bản Chế Hạng, xã Khoen On: Diện tích 2,19 ha;

+ Mỏ cát Bản Mùi, xã Khoen On: Diện tích 3,49 ha.

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khác: Xây dựng cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích 5 ha, tại bản Hỳ.

- Năng lượng điện:

Bổ sung quy hoạch đối với dự án đã có trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và Quy hoạch tỉnh điều chỉnh các dự án:

+ Thủy điện Nậm Mở 1A: Công suất dự kiến 30MW;

+ Thủy điện Nậm Mở 2: Công suất dự kiến 17MW;

+ Thủy điện Nà Tỏ: Công suất dự kiến 5MW;

+ Thủy điện Nậm Mở 2A, diện tích 4,5 ha: Công suất dự kiến 5MW;

+ Điện mặt trời Huổi Quảng 1 (hồ thủy điện Huổi Quảng): Công suất dự kiến 100MW;

+ Điện mặt trời Huổi Quảng 2 (hồ thủy điện Huổi Quảng): Công suất dự kiến 140MW;

+ Điện mặt trời Huổi Quảng 3 (hồ thủy điện Huổi Quảng): Công suất dự kiến 100MW;

+ ĐMT nổi Huổi Quảng 1 (hồ thủy điện Huổi Quảng): Công suất dự kiến 50MW;

+ ĐMT nổi Huổi Quảng 2 (hồ thủy điện Huổi Quảng): Công suất dự kiến 50MW.

* Định hướng các khu thương mại dịch vụ:

- Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (các vị trí hai bên hồ thủy điện Huội Quảng): 44,27 ha;

- Quy hoạch đất ở thương mại dịch vụ trong khu trung tâm xã: 6,04 ha;

- Quy hoạch Khu ngắm cảnh bản Hua Đán: 2,33 ha;

- Quy hoạch đất thương mại dịch vụ bản Noong Quang: 20,33 ha;

- Quy hoạch khu thương mại, chợ Thẳm Củng: 0,65 ha;

- Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (vị trí Trụ sở UBND xã Khoen On cũ): 0,17 ha;

- Quy hoạch Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khoen On 1, kết hợp trạm sạc: 0,18 ha;

- Quy hoạch Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khoen On 2, kết hợp trạm sạc: 0,10 ha;

- Bãi tập kết vật liệu xây dựng bản Mở: Diện tích 0,22 ha;

- Bãi tập kết vật liệu xây dựng bản Mỳ: Diện tích 0,28 ha.

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

7.1. Định hướng giao thông

7.1.1. Căn cứ và nguyên tắc thiết kế

a. Căn cứ thiết kế

- Bản đồ địa hình, tỷ lệ 1/10000.

- QCVN 01:2021 Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 07: 2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054-2005 "Đường ôtô - yêu cầu thiết kế".

- TCVN 10380: 2014 - Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế.

- Các dự án đường giao thông có liên quan.

b.Nguyên tắc thiết kế

- Tuân thủ các quy hoạch cấp trên.

- Hình thành mạng lưới giao thông đồng bộ hiện đại phù hợp giai đoạn trước mắt và các giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Khai thác, kế thừa tốt nhất hiện trạng hệ thống giao thông khu vực và các tuyến giao thông đối ngoại.

- Các công trình giao thông vừa đóng vai trò là công trình hạ tầng kỹ thuật có tính cơ động cao, hợp lý, vừa là công trình chuyển tiếp tiếp cận với cảnh quan, tạo các điểm nhấn về kiến trúc.

7.1.2. Định hướng quy hoạch

** Giao thông đối ngoại:*

- Đường Cao tốc Lai Châu - Sơn La: Quy mô cao tốc 04 làn xe.

- Đường Quốc lộ 279D: Giai đoạn đến năm 2030: Quy mô đạt cấp V miền núi; giai đoạn đến năm 2045: Nâng cấp đạt cấp IV miền núi, 2 làn xe.

** Giao thông đối nội:*

- Đường xã:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Nâng cấp, cải tạo, xây mới các tuyến đường tối thiểu đạt cấp B.

+ Giai đoạn 2031 - 2045: Nâng cấp, cải tạo, xây mới các tuyến đường tối thiểu đạt cấp A.

- Đường thôn, bản: Tập trung vào việc "cứng hóa" mặt đường bằng bê tông xi măng. Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tối thiểu đạt cấp C.

- Đường nội đồng: Nâng cấp, cải tạo, xây mới các tuyến giao thông nội đồng tối thiểu đạt cấp D, cứng hóa đến năm 2045 đạt 100%.

** Hệ thống đường thủy nội địa:* Bến bản Gia mới; Bến bản On; Bến bản Đốc; Bến bản Hỳ; Bến bản Củng.

7.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

a. Cao độ nền

- Đối với khu vực hiện trạng, đã xây dựng:

+ Khu vực xây dựng mật độ cao: không có điều kiện tôn nền, sử dụng giải pháp cải tạo: giữ nguyên cao độ sân vườn hiện tại, nâng sàn công trình trong quá trình nâng cấp hoặc xây mới công trình tại vị trí cũ đảm bảo phù hợp với điều kiện hiện trạng, tránh gây ngập úng cục bộ.

+ Khu vực hiện trạng xây dựng với mật độ thấp: có điều kiện tôn nền cục bộ, khi xây dựng xen cấy với các công trình hiện trạng cần kết nối hài hòa với khu vực hiện trạng tránh gây ngập úng cục bộ cho khu vực xung quanh.

- Đối với khu vực xây mới:

+ Khu vực xây dựng gần suối, khe tụ thủy: Tôn nền đến cao độ an toàn

đảm bảo khu đất xây dựng không bị ngập lụt, ảnh hưởng tai biến thiên nhiên như sạt lở đất đá, lũ quét, lũ ống. Cao độ khống chế tôn nền tối thiểu phải cao hơn mực nước tính toán thiểu 0,3m đối với đất dân dụng.

+ Khu vực phát triển xây dựng trên nền ao, ruộng canh tác cần tôn nền tối thiểu 0,5÷1,5(m).

+ Những khu vực dự kiến xây mới có độ dốc địa hình > 10% cần chọn giải pháp thích hợp: san giật cấp, chỉ tạo mặt bằng lớn khi thật cần thiết. Có giải pháp taluy, tường chắn ổn định nền đường và công trình.

+ Đối với các khu vực xây dựng trên sườn đồi núi: Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Có giải pháp kè gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hở đón nước mưa từ trên núi xuống để bảo đảm an toàn cho công trình.

- Những khu vực xây dựng gần hồ chứa, kè sông suối phải tuân thủ quy định của luật Thủy lợi.

b. Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc các tuyến đường giao thông ngõ xóm, trục bản.

- Hướng thoát: trực tiếp ra các con suối chảy qua trên từng lưu vực thoát nước.

- Lưu vực: Hệ thống thoát nước mưa tuân thủ theo tiêu chuẩn quy định hiện hành, đảm bảo thoát nước mưa nhanh nhất tránh tình trạng ngập úng.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước cùng với hệ thống đường giao thông, đảm bảo thoát nước tốt, đảm bảo vệ sinh khu vực.

- Kết cấu: Chọn kết cấu rãnh xây, mương hở và mương xây có nắp đan.

- Kích thước cống định hình:

+ Diện tích lưu vực F < 2ha: chọn rãnh và mương nắp đan B400.

+ Diện tích lưu vực F = 2 – 5ha: chon mương nắp đan kích thước B600;

- Rãnh xây được bố trí tại các đường ngõ bản, ngõ xóm.

- Mương xây nắp đan bố trí tại các đường liên xóm, liên bản, liên xã.

- Mương hở bố trí dọc đường các đoạn không qua khu dân cư.

7.3. Định hướng hệ thống điện

- Nguồn điện cung cấp cho xã do nguồn của mạng lưới quốc gia cung cấp. Nguồn cấp điện trực tiếp cho xã cấp từ trạm 110/35/22kV Than Uyên.

- Cải tạo mạng lưới điện trung áp hiện có theo lộ trình của ngành điện. Giai

đoạn đầu tiếp tục sử dụng các tuyến trung áp hiện có, sau khi đã duy tu bảo dưỡng. Giai đoạn dài hạn khi đã hình thành các khu chức năng sử dụng đất quy hoạch, cần có kế hoạch dịch chuyển và xây dựng mới các tuyến 35kV.

- Các trạm biến áp hạ thế hiện có sẽ cải tạo, nâng công suất cho phù hợp với nhu cầu phụ tải tiêu thụ. Trong tương lai với sự mở rộng phát triển của xã cần phải đầu tư bổ sung xây dựng mới thêm các trạm biến áp hạ thế theo lộ trình phát triển phụ tải của xã.

7.4. Định hướng cấp nước

- Nguồn nước: Khu vực trung tâm xã và các bản lân cận: Khai thác nguồn nước mặt từ các nguồn nước tự nhiên dẫn về trạm xử lý bể chứa. Khu vực các bản khác: Tận dụng nguồn nước mặt tại chỗ từ các khe suối và thác nước hiện hữu trong khu vực để cấp nước sinh hoạt.

- Duy trì, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn hiện trạng, nâng cấp công suất tại các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung tại các bản để đảm bảo cho nhu cầu sử dụng. Xây dựng trạm xử lý nước mặt, bể chứa tại khu vực trung tâm xã.

- Quy hoạch nhà máy cấp nước sạch xã Khoen On, diện tích 0,5 ha.

7.5. Định hướng xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Nước thải sinh hoạt:

+ Đối với khu vực trung tâm xã dự kiến xây mới: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Xây dựng trạm xử lý nước thải quy mô khoảng 1.000 m3/ng.đ. đặt tại trung tâm hành chính mới.

+ Tất cả các hộ gia đình, cơ quan, công trình công cộng.., đều phải có bể tự hoại ba ngăn hợp quy cách.

+ Đối với khu vực dân cư hiện trạng: Sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, nước thải xử lý nước thải cục bộ tại hộ gia đình và các cơ quan bằng bể tự hoại 3 ngăn hợp quy cách, khuyến khích sử dụng các loại bể tự hoại cải tiến. Xây dựng hệ thống cống bao, giếng tách dòng ở cuối nguồn, sau đó đưa về các trạm xử lý cục bộ tại các bản.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Phân loại chất thải rắn tại nguồn; thực hiện thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

+ CTR Y tế: Phân loại tại nguồn. CTR thông thường thu gom cùng CTR sinh hoạt, CTR y tế nguy hại phải được xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ CTR tiểu thủ công nghiệp: Cần tổ chức phân loại tại nguồn, tận thu, tái sử dụng trao đổi hoặc bán lại CTR có thể tái chế cho các sơ sở khác có thể sử

dụng để giảm giá thành sản phẩm. CTR nguy hại thu gom và chuyển đi riêng; CTR thông thường chuyển đi cùng CTR sinh hoạt về các khu xử lý tập trung trong quy hoạch.

+ CTR xây dựng: Vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng các phương tiện phù hợp về khu xử lý chất thải rắn chung của xã đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường; CTR phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định.

+ Bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn cố định cho trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn, quy mô 500-1000 m2/trạm. Công suất ≤100 tấn/ngày, bán kính phục vụ ≤ 10km. CTR lưu trữ không quá 1 ngày, sau đó vận chuyển về bãi rác tập trung quy mô 2,43 ha, tại bản Ten Co Mư.

- Nghĩa trang:

+ Giai đoạn đến 2030: Sử dụng các nghĩa hiện có còn đủ diện tích, đủ điều kiện để tiếp tục chôn cất, lấp đầy các nghĩa trang hiện có trong các bản đảm bảo khoảng cách an toàn tới khu dân cư cùng với quá trình nâng cấp cải tạo theo đúng quy định.

+ Giai đoạn đến 2045: Dự kiến quy hoạch nghĩa trang tập trung tại bản Ten Co Mư, quy mô 5 ha.

7.6. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

- Điểm bưu chính: Nâng cấp đầu tư các thiết bị hiện đại, linh động trong việc khai thác nhằm sử dụng tài nguyên hiệu quả.

- Trong những năm tới đây xu hướng chung của cả nước là mở rộng phạm vi phục vụ và đa dạng hóa dịch vụ Bưu chính, chú trọng phát triển dịch vụ mới như: Ngân hàng, bảo hiểm, trả lương lưu, dịch vụ nhờ thu, phát, thư quảng cáo...Khi lập quy hoạch chi tiết và thực hiện xây dựng các khu vực trong đô thị cần bố trí xây dựng mới hoặc quy hoạch mở rộng các đài, trạm, bưu cục, để đảm bảo mạng bưu chính - viễn thông khai thác được ổn định và tạo điều kiện cho việc mở rộng mạng lưới, đáp ứng nhu cầu của xã hội về thông tin.

7.7. Định hướng phòng chống thiên tai

Khu vực quy hoạch với địa hình đồi núi dốc, các nguy cơ như như áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, cháy rừng... Trước tác động của tình hình thiên tai phức tạp cần chủ động lồng ghép công tác phòng, chống, ứng phó với thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tết xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng và các khu dân cư trong khu vực. Giải pháp cụ thể :

- Đầu tư xây dựng lắp đặt thêm các trạm quan trắc khí tượng thủy văn tự động để đáp ứng thông tin dự báo về diễn biến thời tiết, tình hình bão, áp thấp nhiệt đới, mưa, lũ và các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm khác xảy ra ảnh hưởng tới địa phương, tới các cấp, các ngành và thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ người dân phòng, tránh thiên tai.

- Hệ thống công trình thủy lợi, kênh mương, ao hồ: Rà soát, sửa chữa, kiên cố hóa, nâng cấp, kiên cố các công trình thủy lợi, hồ chứa nước, kè chống sạt lở bờ sông, suối, phòng lũ lụt;

- Hệ thống điện lưới: Ngành điện tổ chức dự trữ vật tư kỹ thuật, nguồn tài chính sẵn sàng khắc phục, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật điện, dây điện gặp sự cố, không đảm bảo an toàn do thiên tai.

- Chuẩn bị các địa điểm tránh trú tạm thời cho dân cư trong tình huống khẩn cấp do thiên tai (bão, lũ lụt …) gây ra: Kiên cố hóa các trường học, bệnh viện, trạm y tế xã, nhà văn hóa nhằm đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão. Xác định nhóm các công trình công có thể được huy động là nơi tránh trú tạm thời cho người dân khi có thiên tai xảy ra, gồm: Công trình nhà văn hóa, các trường học, bệnh viện, trạm y tế xã, phường và các công trình có thể tạm trú khác.

- Những nơi chưa thể di dời được cần lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, di chuyển, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai, kết hợp với xây dựng công trình phòng, chống thiên tai. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân xây dựng nhà ở bảo đảm phòng chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, nhất là mưa đá, giông lốc; có chính sách phù hợp hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn xây dựng nhà ở bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai. Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu kết hợp sơ tán dân tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

- Theo dõi sát tình hình thiên tai, kịp thời đáp ứng yêu cầu ứng phó khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai Về nhà ở, tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội tại vùng bị thiên tai.

- Về sản xuất nông nghiệp, dự phòng giống cây trồng, vật tư nông nghiệp đảm bảo sản xuất trước tác động tiêu cực của thiên tai. Bảo vệ cây trồng, vật nuôi trước thiên tai.

- Thực hiện hỗ trợ thiệt hại thiên tai đúng quy định; lồng ghép hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai với với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Về cơ sở hạ tầng tập trung sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hồ, đập bảo đảm chủ động phòng chống mưa, lũ theo mức thiết kế.

- Hạn chế việc san lấp sông, suối; củng cố, nâng cấp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước. Nâng cấp hệ thống trữ nước, tiêu thoát nước, phòng chống ngập úng do mưa lớn, lũ. Đầu tư khắc phục các vị trí đường giao thông gây cản trở thoát lũ để đảm bảo an toàn, không làm gia tăng rủi ro thiên tai. Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, kết hợp đa mục tiêu các trụ sở cơ quan, công trình công cộng như: Y tế, giáo dục, văn hóa thể thao, du lịch, nhà văn hoá cộng đồng thành nơi tránh trú khi xảy ra thiên tai.

- Theo dõi sát tình hình thiên tai, không để xảy ra tình trạng người dân bị thiếu lương thực, nhất là tại các khu vực đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đảm bảo đúng quy định, hiệu quả; các hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai được thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định. Triển khai, thực hiện tốt công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; trưng dụng các trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế, nhà sinh hoạt cộng đồng,… tại khu vực xảy ra thiên tai để tiếp nhận người dân và sơ, cấp cứu người bị nạn; hỗ trợ hộ gia đình có người bị chết, bị thương do thiên tai theo quy định; hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu cho nhân dân vùng bị thiên tai, trong đó ưu tiên các đối tượng là người già, người tàn tật, phụ nữ, trẻ em. Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; bình ổn giá cả thị trường; đề xuất giải pháp khôi phục, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng phòng chống thiên tai, các công trình công cộng, các công trình hạ tầng nông thôn, công trình trọng điểm, các dự án khẩn cấp cần hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

VIII. LUẬN CỨ VÀ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THEO CÁC GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH, ĐẢM BẢO TÍNH KHẢ THI TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

8.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

8.1.1. Nguyên tắc xác định của chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

(1) Phù hợp mục tiêu phát triển và định hướng quy hoạch: Việc xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phải bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã trong từng giai đoạn, đồng thời phù hợp với định hướng tổ chức không gian, phân vùng phát triển và cơ cấu sử dụng đất đã được xác định trong đồ án quy hoạch, đảm bảo phát huy lợi thế từng khu vực và phát triển đồng bộ toàn xã.

(2) Ưu tiên đầu tư hạ tầng khung và khu trung tâm xã: Ưu tiên các dự án xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung như giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường và hạ tầng số, đồng thời tập trung đầu tư hoàn chỉnh khu trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung nhằm tạo động lực phát triển, nâng cao khả năng kết nối và hình thành bộ mặt không gian trung tâm rõ nét.

(3) Đáp ứng nhu cầu cấp thiết và nâng cao chất lượng sống: Các dự án ưu tiên phải giải quyết các nhu cầu thiết yếu của người dân như giáo dục, y tế, văn hóa, nước sạch, vệ sinh môi trường, giao thông dân sinh, góp phần cải thiện điều kiện sống, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư.

(4) Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và gắn với phát triển sản xuất: Việc lựa chọn dự án phải phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn và khả năng huy động các nguồn lực xã hội, ưu tiên các dự án có hiệu quả cao, có thể triển khai sớm và tạo tác động lan tỏa; đồng thời gắn với phát triển sản xuất, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân.

(5) Bảo vệ môi trường, đảm bảo đồng bộ và phân kỳ đầu tư hợp lý: Các dự án phải đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ giữa các hệ thống hạ tầng và liên kết vùng; việc đầu tư được phân kỳ theo các giai đoạn phù hợp, trong đó giai đoạn đầu ưu tiên các công trình hạ tầng thiết yếu, giai đoạn sau tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng phát triển.

8.1.2. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

*** Giai đoạn đến năm 2030**

- Dự án hạ tầng xã hội

+ Xây mới khu trung tâm hành chính. Xây mới khối các cơ quan hành chính sự nghiệp.

+ Huy động nguồn lực tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học; hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới trường lớp, xây dựng quy mô giáo dục hợp lý.

+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống y tế. Tiếp tục bổ sung trang thiết bị cho các đơn vị y tế cơ bản đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế. Thu hút xã hội hóa và liên kết công - tư đầu tư trong lĩnh vực y tế.

+ Tập trung chủ yếu đầu tư các thiết chế văn hoá, thể thao theo hướng huy động nguồn lực ngân sách nhà nước và xã hội hoá đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các công trình trọng điểm.

+ Xây dựng sân vận động và các hạng mục phụ trợ khu Sân vận động cấp xã.

+ Nâng cấp các công trình Thể dục thể thao đã có và khai thác thêm quỹ đất và xây dựng cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp cơ sở để phục vụ nhu cầu văn hóa, thể thao của nhân dân.

+ Xây dựng hệ thống cây xanh, vườn hoa.

+ Xây dựng các công trình đầu mối dịch vụ thương mại.

- Dự án hạ tầng kỹ thuật

+ Nâng cấp, đầu tư một số tuyến chính định hình khung giao thông, giao thông trục xã, giao thông kết nối với các thôn, bản.

+ Hoàn thiện hệ thống cấp nước khu vực trung tâm. Xây dựng nhà máy nước theo quy hoạch.

+ Nâng cấp hệ thống chiếu sáng.

+ Nạo vét các trục mương tiêu thoát chính;

+ Xây mới, nâng cấp các tuyến kè ven suối.

+ Xây dựng trạm xử lý nước thải khu vực trung tâm.

+ Xây dựng khu xử lý rác thải rắn và rác thải sinh hoạt.

+ Cải tạo nâng cấp hệ thống nghĩa trang đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- *Các dự án phát triển khu dân cư*

+ Hoàn thành hạ tầng khung đối với các khu vực dự kiến phát triển dân cư;

+ Lập quy hoạch chi tiết các khu vực phát triển khu dân cư và thu hút đầu tư vào các khu dân cư mới, tăng quỹ đất ở.

*** Giai đoạn 2031-2045**

- Cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng xã hội theo quy hoạch.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng giao thông và các dự án hạ tầng khác theo quy hoạch

- Tiếp tục thu hút đầu tư vào các khu dân cư, khu sản xuất nông nghiệp, trang trại theo hướng chất lượng cao.

(Chi tiết có danh mục các công trình, dự án kèm theo)

8.2. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư

8.2.1 Giải pháp về thu hút vốn đầu tư

- Cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp: Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn xã theo hướng minh bạch, thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận thông tin quy hoạch, danh mục dự án và các chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh. Đẩy mạnh công tác hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình khảo sát, lập dự án và triển khai đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư và công khai danh mục dự án: Tổ chức công bố, giới thiệu rộng rãi danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo quy hoạch; tăng cường xúc tiến đầu tư gắn với tiềm năng, lợi thế của địa phương, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ. Chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về quỹ đất, hiện trạng hạ tầng, định hướng phát triển và các cơ chế ưu đãi của tỉnh để thu hút các nhà đầu tư quan tâm, nghiên cứu và triển khai dự án.

- Huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư: Tăng cường huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh) kết hợp với các nguồn vốn hợp pháp khác như vốn doanh nghiệp, vốn cộng đồng dân cư và các nguồn xã hội hóa. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho các công trình hạ tầng thiết yếu,

hạ tầng khung; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực có khả năng thu hồi vốn như thương mại, dịch vụ, du lịch, sản xuất.

- Khuyến khích xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP): Đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và dịch vụ công; khuyến khích áp dụng các hình thức hợp tác công - tư (PPP) đối với các dự án hạ tầng có khả năng thu hút nguồn lực xã hội như cấp nước, xử lý chất thải, hạ tầng du lịch, thương mại - dịch vụ. Tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia đầu tư, quản lý, vận hành các công trình theo quy định.

- Tạo quỹ đất và điều kiện triển khai dự án: Chủ động rà soát, bố trí quỹ đất phù hợp với quy hoạch để phục vụ thu hút đầu tư; thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định; tạo mặt bằng sạch để kêu gọi đầu tư. Đảm bảo kết nối hạ tầng thiết yếu đến các khu vực dự án, góp phần nâng cao tính khả thi và sức hấp dẫn của dự án.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư và phát triển sản xuất: Áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của tỉnh đối với các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, chế biến nông sản và ngành nghề nông thôn. Khuyến khích phát triển các mô hình liên kết sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân.

- Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn: Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án; đảm bảo chất lượng công trình và tiến độ đầu tư. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư xây dựng; kịp thời xử lý các vi phạm, hạn chế thất thoát, lãng phí nguồn lực.

8.2.2. Giải pháp thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch thu hút và phát triển nguồn nhân lực tại địa phương: Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, trong đó chú trọng thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật phục vụ các lĩnh vực trọng tâm như quản lý xây dựng, nông - lâm nghiệp, du lịch, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật; đồng thời khuyến khích lực lượng lao động tại chỗ tham gia phát triển kinh tế địa phương.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phát triển nhân lực: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác đào tạo, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực; tăng cường phối hợp giữa chính quyền xã với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc định hướng, hỗ trợ đào tạo và bố trí nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển.

- Nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển kỹ năng lao động: Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng cho người lao động; phối

hợp với các cơ sở đào tạo, trung tâm giáo dục nghề nghiệp để tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và du lịch.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đào tạo và phát triển nhân lực: Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; huy động các nguồn lực xã hội để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu lao động tại chỗ và phục vụ phát triển kinh tế của xã.

- Gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và phát triển sản xuất: Định hướng đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thực tế của các ngành kinh tế chủ lực; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong việc đào tạo, đào tạo lại và nâng cao tay nghề cho người lao động; tăng cường liên kết giữa đào tạo và sử dụng lao động nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

8.2.3. Đẩy mạnh công tác thu ngân sách và quản lý sử dụng ngân sách

- Tăng cường khai thác các nguồn thu trên địa bàn: Tăng cường khai thác hiệu quả các nguồn thu hợp pháp trên địa bàn, đặc biệt là nguồn thu từ đất thông qua việc quản lý, sử dụng quỹ đất theo quy hoạch; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu vực có điều kiện, tạo nguồn vốn đầu tư cho phát triển hạ tầng. Đồng thời, phát huy các nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Huy động nguồn lực từ cộng đồng và các thành phần kinh tế: Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, sản xuất, kinh doanh và các công trình phúc lợi công cộng; huy động sự đóng góp của cộng đồng dân cư trong việc xây dựng, cải tạo các công trình hạ tầng thiết yếu theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường thu hút đầu tư và tạo nguồn thu bền vững: Chủ động thu hút các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài vào các lĩnh vực có tiềm năng như nông nghiệp hàng hóa, du lịch, thương mại - dịch vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, qua đó mở rộng cơ sở thu ngân sách và tạo nguồn thu ổn định, lâu dài cho địa phương.

- Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn vốn ngân sách: Quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách, đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả; ưu tiên bố trí vốn cho các công trình hạ tầng thiết yếu, các dự án trọng điểm theo quy hoạch; thực hiện nguyên tắc tập trung, không dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư công và hạn chế thất thoát, lãng phí.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát và minh bạch tài chính: Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn đầu tư; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính và đầu tư xây dựng; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cộng đồng trong giám sát, đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng ngân sách.

IX. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH CHUNG XÃ SAU KHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

9.1. Nhóm giải pháp về quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch

9.1.1. Công bố và công khai quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các thông tin về định hướng phát triển không gian, sử dụng đất, hệ thống hạ tầng và các khu chức năng theo quy hoạch được duyệt. Việc công bố quy hoạch cần được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp, dễ tiếp cận, dễ hiểu nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cộng đồng trong quá trình triển khai thực hiện.

- Hồ sơ quy hoạch được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, đồng thời được cập nhật lên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do cấp tỉnh quản lý để phục vụ công tác quản lý nhà nước, giám sát thực hiện và nhu cầu tra cứu của người dân, doanh nghiệp. Đối với các khu vực trọng điểm như trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung, các tuyến giao thông chính và các khu vực dự kiến phát triển mới, cần có hình thức công khai trực quan như sơ đồ, bản đồ, pano để người dân dễ theo dõi và giám sát.

9.1.2. Quản lý không gian, đất đai và trật tự xây dựng

- Tổ chức quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, phát triển không gian và hoạt động xây dựng trên địa bàn xã theo đúng quy hoạch được duyệt. Trên cơ sở định hướng quy hoạch, cần cụ thể hóa các khu vực phát triển, khu vực ổn định, khu trung tâm xã, khu sản xuất, khu vực bảo vệ cảnh quan, môi trường và các khu chức năng khác để làm căn cứ quản lý thống nhất.

- Thực hiện cắm mốc giới ngoài thực địa đối với các khu vực phát triển, các tuyến giao thông chính, các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu vực công cộng và các khu chức năng quan trọng; bảo đảm đồng bộ với hồ sơ địa chính và kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở phục vụ công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và kiểm soát hoạt động xây dựng. Việc cắm mốc giới cần được thực hiện rõ ràng, dễ nhận biết và có cơ chế quản lý, bảo vệ mốc giới lâu dài.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất và trật tự xây dựng trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm như xây dựng không phép, sai phép, lấn chiếm hành lang giao thông, xây dựng trên đất quy hoạch hạ tầng hoặc đất công cộng. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện xây dựng theo quy hoạch nhằm hạn chế vi phạm ngay từ đầu, góp phần đảm bảo phát triển không gian theo đúng định hướng.

9.1.3. Tổ chức triển khai quy hoạch và các dự án đầu tư

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch trên cơ sở các mục tiêu, định hướng phát triển đã được xác định; trong đó xác định rõ danh mục các công trình, dự án ưu tiên đầu tư, tiến độ thực hiện, nguồn lực dự kiến và cơ quan tổ chức thực hiện theo từng giai đoạn (2026 - 2030, 2031 - 2045). Việc xây dựng kế hoạch cần bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện nguồn lực của địa phương và định hướng phát triển chung của tỉnh.

- Tổ chức lập quy hoạch chi tiết đối với các khu vực trọng điểm như khu trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung, các khu chức năng và các khu vực có yêu cầu quản lý chặt chẽ về xây dựng; làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư cụ thể. Đồng thời, cần gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch với kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia để đảm bảo tính đồng bộ, tránh chồng chéo và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

- Việc triển khai các dự án đầu tư cần ưu tiên các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, các công trình công cộng thiết yếu như giao thông, cấp điện, cấp nước, trường học, trạm y tế, công trình môi trường; tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống người dân. Đồng thời, cần khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp như thương mại, dịch vụ, du lịch, sản xuất, góp phần đa dạng hóa nguồn lực đầu tư.

9.1.4. Kiểm tra, giám sát và điều chỉnh quy hoạch

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục đối với việc triển khai quy hoạch và các dự án đầu tư trên địa bàn; đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục. Nội dung giám sát cần bao gồm việc sử dụng đất, phát triển không gian, tiến độ thực hiện các công trình, chất lượng đầu tư xây dựng và các vấn đề môi trường, xã hội liên quan.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát, định kỳ rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của quy hoạch với tình hình phát triển thực tế, các biến động về kinh tế - xã hội, dân số, nhu cầu sử dụng đất và các yếu tố tác động khác. Trường hợp có sự thay đổi lớn hoặc phát sinh yêu cầu mới, cần kịp thời đề xuất điều chỉnh quy hoạch theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính linh hoạt nhưng vẫn giữ được định hướng phát triển lâu dài.

- Việc điều chỉnh quy hoạch cần được thực hiện có trọng tâm, có cơ sở khoa học và thực tiễn, tránh điều chỉnh cục bộ làm phá vỡ cấu trúc tổng thể; đồng thời bảo đảm tính kế thừa, ổn định và hiệu quả trong tổ chức thực hiện quy hoạch.

9.2. Nhóm giải pháp hỗ trợ thực hiện và phát triển bền vững

9.2.1. Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương thông qua đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng và sử dụng hiệu quả lực lượng lao động tại chỗ, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã. Nội dung đào tạo cần gắn với nhu cầu thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực trọng tâm như sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch cộng đồng, quản lý môi trường và xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề, các trường chuyên nghiệp và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề cho người lao động. Đồng thời, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý ở cấp xã về quản lý đất đai, xây dựng, quy hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý nhà nước.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đào tạo, đào tạo lại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương; gắn đào tạo với giải quyết việc làm, tạo sinh kế bền vững cho người dân. Việc phát triển nguồn nhân lực cần được thực hiện đồng bộ, lâu dài, góp phần nâng cao năng lực nội tại của địa phương trong quá trình triển khai quy hoạch.

9.3.2. Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

- Tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống GIS để quản lý toàn bộ dữ liệu quy hoạch, đất đai và hạ tầng trên địa bàn xã. Các lớp thông tin như sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, khu chức năng… được số hóa, chuẩn hóa và tích hợp đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu do cấp tỉnh quản lý. Việc ứng dụng GIS giúp trực quan hóa thông tin theo từng khu vực, từng thửa đất, hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, giám sát xây dựng, đồng thời tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tra cứu thông tin quy hoạch một cách thuận tiện, minh bạch.

- Từng bước triển khai ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, theo dõi biến động hạ tầng và giám sát thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường cập nhật, chia sẻ dữ liệu giữa các cấp quản lý; nâng cao hiệu quả xử lý công việc, giảm thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch. Việc thúc đẩy chuyển đổi số góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

9.3.3. Phát huy vai trò của cộng đồng

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung quy hoạch để người dân hiểu rõ định hướng phát triển, từ đó tạo sự đồng thuận và chủ động tham gia thực hiện. Nội dung tuyên truyền cần đơn giản, dễ hiểu, gắn với các khu vực cụ thể như trung tâm xã, điểm dân cư, đất ở, đất sản xuất để người dân dễ nắm bắt.

- Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình triển khai các dự án, đặc biệt là các công trình hạ tầng công cộng và các dự án sử dụng ngân sách. Khuyến khích người dân tham gia đóng góp, hiến đất, chỉnh trang không gian sống, thực hiện theo phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm", góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả thực hiện quy hoạch.

X. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

10.1. Hiện trạng môi trường

10.1.1. Hiện trạng và xu thế diễn biến các thành phần môi trường tự nhiên

Trên địa bàn xã tình hình phát triển kinh tế - xã hội cơ bản phát triển ổn định, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và sinh hoạt dân cư diễn ra thường xuyên. Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã và đang tác động nhất định đến môi trường, chủ yếu là phát sinh chất thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, chất thải trong chăn nuôi và một số hoạt động sản xuất nhỏ lẻ.

10.1.2. Các xu thế diễn biến các thành phần môi trường tự nhiên.

a. Môi trường nước

- Xã có nguồn nước mặt dồi dào, hệ thống sông suối, khe nước trên địa bàn là nguồn cung cấp nước chính phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên trữ lượng nước mặt không đồng đều giữa các tháng trong năm do lượng mưa trong năm phân bố không đều, mùa mưa quá dư thừa nước gây ra lũ lụt, về mùa khô thì thiếu nước, dòng thủy cạn kiệt ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, phát triển nông nghiệp.

- Nguồn nước ngầm của xã có chất lượng tương đối tốt, chưa ô nhiễm. Tuy nhiên, ở một số khu vực do việc xử lý nước thải từ các khu dân cư, cơ sở sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp, các hoạt động khai thác khoáng sản chưa tốt nên đã có dấu hiệu ô nhiễm nguồn nước.

b. Môi trường không khí, tiếng ồn

Trên địa bàn xã thời điểm hiện tại chưa có khu công nghiệp, khu chế xuất chỉ có một số công nghiệp đơn lẻ hoạt động, các cơ sở này chủ yếu phát sinh nước thải, khí thải đã được đặt hệ thống xử lý nước thải theo quy định nên môi trường đất, nước, không khí nhìn chung ít bị tác động bởi hoạt động sản xuất công nghiệp.

Nhìn chung do công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa phát triển nên chất lượng môi trường không khí được đánh giá tương đối tốt. Ô nhiễm môi trường không khí chỉ xuất hiện cục bộ ở một số điểm trên địa bàn xã chủ yếu phát sinh từ bụi cục bộ trong hoạt động giao thông và sinh hoạt.

c. Môi trường đất:

Nhìn chung ổn định, chưa phát hiện điểm ô nhiễm nghiêm trọng, tuy nhiên tại một số điểm bản còn tình trạng đổ rác không đúng nơi quy định.

d. Hệ sinh thái:

Không có biến động lớn, các khu vực rừng, cảnh quan tự nhiên tiếp tục được quản lý, bảo vệ theo quy định.

10.2. Đánh giá môi trường chiến lược

10.2.1. Xác định các mục tiêu và vấn đề môi trường chính liên quan đến quy hoạch

a. Đánh giá môi trường

Đánh giá môi trường chiến lược gắn với điều chỉnh quy hoạch chung xã , phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và với từng đơn vị không gian lãnh thổ; đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên, nâng cao năng lực quản lý môi trường theo không gian lãnh thổ quy hoạch và theo các ngành; đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo và môi trường tự nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học.

- Xây dựng hệ thống thoát, xử lý nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế cho toàn khu vực.

- Bảo tồn và phát triển khu vực rừng phòng hộ, bảo vệ hệ sinh thái.

- Cải thiện chất lượng nước.

- Có các biện pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b. Các chỉ tiêu cụ thể

- Phát triển công nghiệp sạch, 100% các cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề có hệ thống thu gom, xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khu vực trung tâm xã, đảm bảo 100% lượng chất thải rắn phát sinh được thu gom, phân loại, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Xây dựng nghĩa trang tập trung đảm bảo tiêu chí kỹ thuật, phù hợp với phong tục, tín ngưỡng địa phương, xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải, chất thải phát sinh.

- Tiến tới nền nông nghiệp sạch, hạn chế tối đa sử dụng hóa chất trong sản xuất; Xây dựng hệ thống thu gom chất thải rắn nguy hại nông nghiệp, công trình xử lý nước thải, chất thải chăn nuôi.

c. Các vấn đề môi trường chính cần xem xét khi lập quy hoạch

- Cơ sở xác định các vấn đề môi trường chính khi lập quy hoạch chung cấp xã.

- Việc xác định các vấn đề môi trường chính khi quy hoạch được tiến hành dựa trên các cơ sở khoa học và thực tiễn sau đây:

+ Hiện trạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh nói chung và phạm vi nghiên cứu trên địa bàn xã nói riêng, đối chiếu với thực tiễn khai thác, sử dụng chung cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

+ Hiện trạng và xu thế diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí và đa dạng sinh học trên địa bàn xã trong những năm qua.

+ Hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm trên diện rộng và trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch.

+ Dự báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các nguồn tài nguyên trên địa bàn xã.

+ Dự báo diễn biến môi trường, dưới các sức ép của gia tăng dân số và phát triển kinh tế - xã hội theo các chiến lược, quy hoạch đã được duyệt.

- Nhận diện các vấn đề môi trường chính liên quan đến quy hoạch:

+ Các vấn đề về môi trường kinh tế - xã hội.

+ Suy giảm trữ lượng và chất lượng nước mặt.

+ Suy giảm chất lượng không khí, tiếng ồn.

+ Suy thoái chất lượng đất.

+ Suy giảm đa dạng sinh học và vấn đề về biến đổi khí hậu.

10.2.2. Phân tích diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch xây dựng

a. Diễn biến môi trường

Đồ án quy hoạch chung xã Khoen On đến năm 2045 đã thiết lập, phát triển, mở rộng quy mô xã; Các công trình hạ tầng xã hội (văn hóa, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, công viên, cây xanh…), kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường…), hạ tầng kinh tế (dịch vụ, du lịch, công nghiệp…) được đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế, cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.… Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng tạo ra các tác động tiêu cực đến môi trường kinh tế, xã hội của địa phương:

- Quá trình phát triển các khu dân cư, khai thác có thể gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

- Sự hình thành, phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp… sẽ góp phần phát triển kinh tế, giải quyết việc làm nhưng cũng gây ra các áp lực về trật tự, an ninh xã hội cho các khu vực phát triển.

- Phát triển giao thông góp phần đảm bảo sự kết nối các khu, vùng chức năng của xã, đảm bảo sự gắn kết và phát triển các ngành nghề kinh tế, sự đi lại thuận tiện của người dân, tạo động lực phát triển kinh tế và thu hút đầu tư. Song bên cạnh đó các vấn đề về môi trường, tai nạn giao thông có nguy cơ tăng lên.

- Định hướng các khu vực nghĩa trang nhân dân, các khu xử lý chất thải rắn, nước thải có thể gây các tác động về mặt xã hội đối với dân cư địa phương.

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện đồ án sẽ có một bộ phận dân cư phải di dời, giải toả; quá trình thi công cũng sẽ gây ra những xáo trộn tạm thời trong đời sống của Nhân dân.

b. Các tác động đến chất lượng nước mặt

b1. Xác định nguồn gây ô nhiễm và mức độ tác động

- Căn cứ vào định hướng phát triển, xác định các vấn đề gây ô nhiễm, mức độ tác động đến môi trường nước trong khu vực nghiên cứu quy hoạch được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 07: Nguồn gây ô nhiễm và mức độ tác động đến môi trường nước

Hoạt động	**Thành phần chất ô nhiễm**	**Khu vực và mức độ tác động**
Phát triển hệ thống dân cư	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD_5, COD, SS, tổng P, tổng N cao; vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa...	Môi trường nước mặt, nước ngầm. *Mức độ tác động mạnh.*
Phát triển công nghiệp, làng nghề	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD_5, COD, SS, tổng P, tổng N cao; kim loại nặng, vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa, chất hoạt động bề mặt...	Môi trường nước mặt, nước ngầm. *Mức độ tác động rất mạnh.*
Phát triển du lịch	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD_5, COD, SS, tổng P, tổng N cao; vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa...	Môi trường nước mặt; Trữ lượng nước ngầm ; *Mức độ tác động mạnh.*
Phát triển hệ thống y tế	Các chất hữu cơ; các chất dinh dưỡng của ni-tơ (N), phốt-pho (P); các chất rắn lơ lửng và các vi trùng, vi khuẩn gây bệnh.	Môi trường nước mặt. *Tác động mạnh*
Phát triển nông nghiệp, thủy sản	Các chất hữu cơ; các chất dinh dưỡng của (ni-tơ, phốt-pho); các chất độc hữu cơ, kim loại nặng, thuốc kháng sinh, vi trùng, vi khuẩn gây bệnh...	Môi trường nước mặt. *Tác động trung bình (có thể mạnh nếu việc kiểm soát sử dụng hóa chất không được thực hiện tốt).*

b2. Đánh giá các tác động tới chất lượng nước

** Nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư và khu thương mại, dịch vụ*

Lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước thải tính toán đến năm 2045 tổng lưu lượng nước thải được tính bằng 80% tổng lượng nước cấp. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi sinh vật.

Tải lượng ô nhiễm : Theo tính toán thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới tại nhiều quốc gia đang phát triển, khối lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt do mỗi người đưa vào môi trường (nếu không qua xử lý) như bảng sau.

Bảng 08: Khối lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Khối lượng
1	BOD_5	g/người/ngày	45 - 54
2	COD	g/người/ngày	82 - 102
3	Chất rắn lơ lửng	g/người/ngày	70 - 145
4	Tổng Nitơ	g/người/ngày	6 - 12
5	Amoni	g/người/ngày	2,8 -4,8
6	Tổng phos pho	g/người/ngày	0,8 - 4,0
7	Tổng Coliform	MPN/100 ml	10^6- 10^9

(Nguồn: Đánh giá nhanh nguồn gây ô nhiễm không khí, nước và đất - Phần 1, WHO, 1993)

- Căn cứ các dự báo phát triển kinh tế, quy hoạch, dự báo tải lượng các chất ô nhiễm trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch khi không có và có biện pháp xử lý môi trường được trình bày trong bảng dự báo dưới đây. Cũng trên cơ sở đó, nhận thấy nếu nước thải sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14-2025/BTNMT thì tải lượng chất ô nhiễm vào nguồn tiếp nhận giảm đi 7-10 lần so với nếu không xử lý. Vì vậy, cần đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho khu trung tâm xã và các khu dân cư trên địa bàn để đảm bảo chất lượng môi trường nước mặt, phát triển bền vững tài nguyên nước.

** Nước thải do hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và công nghiệp*

- Với dự báo phát triển công nghiệp, nông nghiệp trong tương lai, ước tính tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động sản xuất trên địa bàn các chất ô nhiễm do hoạt động nông nghiệp, công nghiệp đưa vào môi trường là không nhỏ. Ngoài các thành phần hữu cơ, nước thải công nghiệp còn có thể chứa nhiều chất nguy hại, có độc tính cao, gây nguy hại đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. Do đó, rất cần xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải công nghiệp và kiểm soát chặt chẽ hoạt động của hệ thống.

c. Chất lượng không khí và tiếng ồn

** Nguồn gây ô nhiễm và mức độ tác động*

Bảng 09: Nguồn gây ô nhiễm và tác động đến môi trường không khí

Hoạt động gây tác động	Thành phần chất ô nhiễm	Khu vực và mức độ tác động
Phát triển hệ thống dân cư	Các chất ô nhiễm không khí như bụi, khí CO, SO_2, VOC…	Tác động môi trường không khí dạng diện, *Mức độ tác động trung bình.*
Phát triển khu, cụm công nghiệp, làng nghề	Các chất ô nhiễm không khí như bụi, khí CO, SO_2, NOx, VOC, …,tiếng ồn	Tác động môi trường không khí dạng điểm, khu vực. *Mức độ tác động rất mạnh.*
Phát triển nông nghiệp	Các chất ô nhiễm không khí như CO, CH_4, NH_3, SO_2, NOx, VOC, hơi hóa chất,	Môi trường không khí dạng điểm, có thể diện và theo thời điểm (mùa vụ);. *Mức độ tác động trung bình.*
Phát triển giao thông vận tải và xây dựng	Phát sinh Bụi, tiếng ồn, khí thải động cơ : CO_2, CO, SO_2, NOx, Pb…	Tác động môi trường dạng điểm và tuyến, *Mức độ tác động trung bình đến mạnh.*

d. Các tác động đến môi trường đất

- Các hoạt động phát triển công nghiệp nếu không được kiểm soát tốt sẽ gây nguy cơ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các chất thải phát sinh nếu không được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, các thành phần ô nhiễm đi vào đất, gây ô nhiễm môi trường đất, có thể thẩm thấu, ngấm xuống mạch nước ngầm, gây ô nhiễm môi trường nước.

- Các hoạt động trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của người dân gây ảnh hưởng đáng kể đến ô nhiễm môi trường đất. Việc sử dụng quá liều lượng cho phép làm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, đặc biệt là vôi sử dụng trong khử trùng ao nuôi trồng thủy sản, cải tạo đất phèn trên địa bàn làm kết tủa vôi gây chai hóa đất, phá vỡ hệ keo của đất cũng như chất dinh dưỡng của đất.

- Gia tăng dân số, phát triển công nghiệp, trong khi diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, khiến áp lực lương thực, thực phẩm gia tăng dẫn đến nhu cầu tăng năng suất khiến cho việc lạm dụng hóa chất, chế phẩm nông nghiệp tăng gây ảnh hưởng đến môi trường, an toàn thực phẩm, sức khỏe cộng đồng.

- Các hoạt động khai thác vật liệu xây dựng cũng làm gia tăng nguy cơ suy thoái môi trường đất, gia tăng sạt lở bờ sông, suối, các vấn đề liên quan đến địa chất, thủy văn trong khu vực.

10.3 Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường

10.3.1 Phân vùng bảo vệ môi trường

Căn cứ vào mức độ và phạm vi tác động môi trường, mục tiêu bảo vệ môi trường chính. Khu vực nghiên cứu quy hoạch được chia thành 06 khu vực bảo vệ chính:

- Khu vực phát triển trung tâm xã: Xây dựng các công trình hài hòa, phù hợp, gắn với bảo vệ cảnh quan cây xanh, mặt nước; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phát sinh trong khu vực, giải pháp phòng chống ngập lụt và các tai biến thiên nhiên.

- Khu vực dân cư nông thôn: Xây dựng khu dân cư với mật độ xây dựng thấp, phát triển hài hòa cảnh quan và môi trường. Bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng môi trường sống văn minh, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

- Khu vực phát triển công nghiệp: Định hướng phát triển công nghiệp hướng tới "sạch" không gây ô nhiễm môi trường, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường công nghiệp hàng năm. Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn. Tăng cường công tác quản lý, nâng cao trách nhiệm, trình độ, kỹ năng của các cán bộ chuyên trách môi trường.

- Khu vực phát triển văn hóa, du lịch: Phát triển du lịch, gắn với bảo vệ môi trường, phát huy các giá trị văn hóa địa phương. Thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý ô nhiễm, nghiêm cấm các hành vi phá hoại, gây ảnh hưởng đến các giá trị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng của các quần thể, công trình.

- Khu vực nông nghiệp: Phát triển nền nông nghiệp sạch, hiện đại; Kiểm soát chặt chẽ hoạt động buôn bán, sử dụng hóa chất bảo vệ thực phẩm, chế phẩm nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi; Thực hiện tốt công tác thu gom chất thải nguy hại trong nông nghiệp (bao bì hóa chất, thuốc kháng sinh…).

- Khu vực đất lâm nghiệp: Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, tạo không gian xanh, cải tạo môi trường vi khí hậu của địa phương. Có kế hoạch khai thác hợp lý, hiệu quả, tăng cường trồng rừng, phủ xanh đất trống.

10.3.2 Các qui định về môi trường và vùng đệm cảnh quan đối với từng khu vực

Căn cứ theo mức độ tác động tới môi trường xung quanh và các quy định trong quy chuẩn hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đề xuất các quy định cụ thể nhằm quản lý các nguồn và hoạt động tác động đến môi trường thuộc khu vực quy hoạch trong bảng thống kê như sau:

Bảng 10: Các quy định quản lý các nguồn và hoạt động tác động đến môi trường trong khu vực lập quy hoạch

Khu vực nhạy cảm môi trường	Các quy định quản lý cụ thể
Khu vực phát triển công nghiệp	Khu công nghiệp đặt ở vị trí không nằm trong khu dân cư và ở cuối hướng gió. Khoảng cách ly tối thiểu với khu vực dân cư là 500m (tùy thuộc loại hình công nghiệp, đối với các loại hình công nghiệp nặng, phát thải nguy hại lớn khoảng cách tối thiểu 1000m). Diện tích cây xanh được bố trí dày trong từng cơ sở công nghiệp với diện tích lớn, tạo khoảng cách ly vệ sinh với khu dân cư.
Lưu vực sông, kênh và ven hồ cảnh quan tự nhiên	Các thủy vực trong khu vực như ven sông, kênh, rạch các hồ cảnh quan… cần đảm bảo vùng đệm xanh cách ly tối thiểu 20 m tới công trình xây dựng.
Các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (đường giao thông, bãi đỗ xe, nhà máy xử lý nước thải, nghĩa trang…)	- Đảm bảo cách ly cây xanh đối với công trình ven trục giao thông tối thiểu 5-10m. - Khu vực bãi đỗ xe: xung quanh bãi đỗ xe cần tính toán việc trồng cây xanh bao phủ xung quanh bãi đỗ xe, nghiên cứu biện pháp bố trí khuất tầm mắt không gây ảnh hưởng đến khu dân cư - Khu vực xây dựng nghĩa trang tập trung đảm bảo khoảng cách tối thiểu đến khu dân cư 500m và phải có hệ thống bảo vệ môi trường. - Khu vực xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn đảm bảo khoảng cách ly tối thiểu 1000m tới khu dân cư. - Hệ thống xử lý nước thải: vùng đệm khu xử lý nước thải sẽ xây dựng hàng rào quanh công trình, trồng cây xanh với chiều rộng 10m, hệ thống giao thông vào khu vực thuận lợi với giao thông đối ngoại.

10.3.3 Các giải pháp quản lý và giảm thiểu tác động môi trường

a. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng:

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đến người dân bằng nhiều hình thức phù hợp (họp bản; lồng ghép trong sinh hoạt các đoàn thể).

- Vận động Nhân dân nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tham gia giám sát, tuyên truyền bảo vệ môi trường.

b. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện tốt công tác quản lý môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

- Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc theo dõi, nắm bắt tình hình môi trường tại cơ sở.

c Tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm về môi trường:

- Thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường để xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Tập trung kiểm tra các điểm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ.

- Thực hiện nghiêm các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về môi trường, góp phần nâng cao tính răn đe.

d. Cải thiện công tác môi trường :

- Môi trường không khí:

+ Sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường: Xe đạp, xe điện…

+ Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như pin mặt trời, gió… bổ sung cho nguồn cấp điện.

+ Thiết lập cây xanh cách ly dọc các tuyến, nút giao giao thông chính của khu vực. Trồng cây theo tầng và lớp khác nhau nhằm tối ưu hóa khả năng hạn chế nguy cơ ô nhiễm không khí, tiếng ồn từ trục giao thông. Xanh hóa mặt công trình ven đường giao thông chính.

+ Áp dụng thiết kế đưa không gian xanh, mảng xanh vào công trình xây dựng.

- Môi trường nước:

+ Đối với các khu, cụm và các xí nghiệp công nghiệp cần sử dụng các biện pháp sau: Thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh từ các nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Xử lý nước thải phải bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi xả ra môi trường.

+ Nước thải khu dân cư: Để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường khu dân cư, khuyến khích các hộ dân sử dụng hố xí tự hoại và hố xí hợp vệ sinh tại khu vực dân cư nông thôn.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ cho hệ thống nhà hàng khách sạn trong khu vực để xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường

+ Hạn chế việc khai thác trái phép nguồn nước ngầm trong các hộ gia đình và các khu dân cư. Với nguồn nước ngầm đã có dấu hiệu ô nhiễm cần có biện pháp khoanh vùng hoặc đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch quy mô nhỏ đạt tiêu chuẩn, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt.

+ Bên cạnh đó, nhằm kiểm soát và hạn chế phát triển có nguy cơ lấn chiếm không gian mặt nước cần thiết lập hành lang xanh tạo cảnh quan và bảo vệ. Hạn chế xây dựng kè cứng (chỉ xây dựng tại khu mật độ cao nhưng cần kết hợp trồng cây xanh bảo vệ bờ kè giảm thiểu nguy cơ sạt lở), khuyến khích dùng hệ thống kè mềm bằng cây xanh (các loại cây phù hợp với không gian bán ngập) thông qua công cụ thiết kế cảnh quan để cải thiện vi khí hậu và bảo vệ môi trường.

+ Cần nghiên cứu các giải pháp mới về thoát nước trong các quy hoạch chi tiết và dự án thoát nước (ví dụ: thoát nước xanh, bền vững, thoát nước sân vườn tiểu khu…) để tăng cường năng lực tiêu thoát, bổ sung nước ngầm, thậm chí hỗ trợ cấp nước tại chỗ cho khu dân cư và tạo cảnh quan.

+ Nghiêm cấm việc xả thải trực tiếp các nguồn thải chưa qua xử lý đạt chuẩn vào các khu vực sông, suối

+ Duy trì, cải tạo và chống san lấp, lấn chiếm, thu hẹp hệ thống ao, hồ, sông, suối trong khu dân cư, thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy.

+ Đầu tư các công trình thủy lợi xây dựng đồng bộ hệ thống tiêu và thoát nước; bố trí các trạm bơm và hồ điều hòa cho các khu vực có điều kiện tiêu thoát nước khó khăn và những khu vực có hệ thống kênh, mương, thủy lợi chưa hoàn chỉnh.

+ Xây dựng hệ thống dự trữ hồ, ao, bể chứa, kênh mương,..... bảo quản nguồn nước ngọt (nước mưa, nước sông, suối, nước ngầm) đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống; có thể xây dựng hệ thống kênh, mương, đường ống phù hợp dẫn nước ngọt từ nơi gần nhất đến đáp ứng nhu cầu đời sống và sản xuất.

- Môi trường đất:

+ Xây dựng kế hoạch đầu tư xây mới, tu bổ, bảo dưỡng, nâng cấp kè những khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông, suối; tập trung đầu tư xây dựng bờ kè từng đoạn tại từng khu vực nguy cơ xói lở mạnh để bảo vệ cho công trình.

+ Ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm tại các khu tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, khu vực chua hóa trong canh tác nông nghiệp.

+ Sử dụng các biện pháp dùng nước ngọt, nước mưa để thau chua hoặc bón vôi phù hợp để khử đất chua.

- Ứng phó với biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên:

+ Tăng cường không gian xanh thẩm thấu tập trung và cục bộ trong các khu dân cư, duy trì và tăng cường hệ thống rừng phòng hộ, cấu trúc không gian phù hợp địa hình đặc biệt bảo vệ khu vực thoát nước tự nhiên; Duy trì không gian mặt nước, thiết kế thích ứng chống chịu gió bão, thiết kế lưu vực giữ nước phòng chống hạn hán phục vụ tưới tiêu, vật liệu chịu úng, vật liệu thẩm thấu cho lưu vực giữ nước.

+ Quy hoạch tái định cư cho các khu vực dân cư có khả năng bị ảnh hưởng bởi yếu tố biến đổi khí hậu.

+ Đối với chuẩn bị kỹ thuật: tính toán cốt nền, thủy văn cần xem xét tới yếu tố biến đổi khí hậu, cần phải tính toán tới yếu tố thoát nước tự nhiên. Cân bằng đào đắp trong những khu dân cư mới.

+ Đề xuất vật liệu, kết cấu để xây dựng công trình giao thông có hệ số thấm cao, như bê thông đục lỗ, trồng cỏ tại các bãi đỗ xe.

+ Mở các vùng ngập lũ bằng cách tăng cường khu chứa nước kết hợp với vùng ngập nước tự nhiên và nông nghiệp.

+ Thoát nước mưa và nước thải cần phải nâng cao năng lực bằng việc tính toán cốt nền thoát nước, điều kiện biên tính toán, vị trí các công trình đầu mối, hướng thoát nước, vật liệu có độ tin cậy cao đảm bảo thích ứng được với biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan.

+ Xây dựng phương án thích nghi giảm thiểu thiệt hại và ứng phó kịp thời đối với công trình cấp nước và đối với bản thân các đối tượng sử dụng nước.

+ Quản lý việc sử dụng nước theo hướng tiết kiệm (tái sử dụng, tuần hoàn…) và đảm bảo nhu cầu thực tế.

- Về vệ sinh môi trường:

+ Giải quyết cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, làm giảm các bệnh dịch, nhất là các bệnh do quá trình đô thị hoá gây ra. Đảm bảo 100% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh, không còn tình trạng xả thải trực tiếp ra nguồn.

+ Cần chú ý vệ sinh môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm không khí, tiếng ồn, tai nạn giao thông, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội...

XI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

11.1. Kết luận

- Quy hoạch chung xã Khoen On, tỉnh Lai Châu đến năm 2045 là cơ sở quan trọng nhằm định hướng tổ chức không gian phát triển, sử dụng đất, bố trí dân cư và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội của xã, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh Lai Châu trong giai đoạn tới.

- Đồ án đã đánh giá toàn diện hiện trạng phát triển của xã Khoen On về điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội, sử dụng đất và hệ thống hạ tầng; làm rõ các tiềm năng, lợi thế phát triển nông - lâm nghiệp hàng hóa, kinh tế lòng hồ thủy điện Huổi Quảng, thương mại - dịch vụ gắn với các trục giao thông đối ngoại, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa - cộng đồng, làm cơ sở đề xuất các định hướng phát triển đến năm 2030 và giai đoạn dài hạn đến năm 2045.

- Quy hoạch đã xác lập phương án phân vùng và cơ cấu tổ chức không gian phát triển xã, hình thành các tiểu vùng chức năng rõ ràng, gồm khu vực trung tâm tiểu vùng phía Đông, khu vực dân cư tập trung, vùng sản xuất nông - lâm nghiệp, vùng sinh thái - du lịch và các trục cây xanh cảnh quan; bảo đảm phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn cảnh quan sinh thái, tài nguyên rừng và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

- Đồ án đã đề xuất định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo lộ trình hợp lý, trong đó hệ thống giao thông được tổ chức với Quốc lộ 279D là trục đối ngoại chủ đạo, kết hợp mạng lưới đường liên xã, đường trục chính nội xã và giao thông thủy nội địa trên lòng hồ thủy điện Huổi Quảng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong dài hạn.

11.2. Kiến nghị

- Sau khi Quy hoạch chung xã Khoen On được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt, đề nghị cơ quan có liên quan tổ chức công bố, quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định; làm cơ sở lập các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch đầu tư công trên địa bàn xã.

- Đề nghị UBND tỉnh Lai Châu quan tâm hỗ trợ, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật trọng điểm của xã, đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối liên xã, liên vùng; hạ tầng phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp, kinh tế lòng hồ và phát triển du lịch sinh thái.

- Đề nghị Sởdxx Xây dựng tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ UBND xã Khoen On trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt; đồng

thời nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống giao thông đối ngoại và giao thông liên xã, nâng cấp các tuyến đường trục xã, đường liên bản và các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu nhằm tăng cường khả năng kết nối vùng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ UBND xã Mường Kim trong công tác quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn; đồng thời tham mưu UBND tỉnh triển khai các chương trình, dự án phát triển nông - lâm nghiệp bền vững, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn lực đầu tư công và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các dự án ưu tiên theo quy hoạch; đồng thời hỗ trợ xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông - lâm sản, phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

- Đề nghị các Sở, ngành khác có liên quan của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với UBND xã Khoen On trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch; hướng dẫn lồng ghép các chương trình, dự án phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn xã; đồng thời hỗ trợ đầu tư phát triển các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, bảo đảm sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, thực hiện hiệu quả quy hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Khuyến khích triển khai các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông - lâm nghiệp giá trị cao, kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng và kinh tế lòng hồ; gắn với ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân.

- Nghiên cứu xây dựng và áp dụng các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng, đồng thời bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên./.

PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất xã Khoen On, tỉnh Lai Châu

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2025		Quy hoạch Đến năm 2030		Quy hoạch Đến năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN	**18.987,18**	**100,00**	**18.987,18**	**100,00**	**18.987,18**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**11.609,17**	**61,14**	**13.478,96**	**70,99**	**13.819,11**	**72,78**
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	904,84	4,77	1.694,02	8,92	1.660,58	8,75
	Đất trồng lúa	*539,36*	*2,84*	*510,50*	*2,69*	*495,98*	*2,61*
	Đất trồng cây hàng năm khác	*365,48*	*1,92*	*300,53*	*1,58*	*263,09*	*1,39*
	Đất trồng cây lâu năm		*0,00*	*883,00*	*4,65*	*901,52*	*4,75*
1.2	Đất lâm nghiệp	10.684,73	56,27	11.762,07	61,95	12.136,50	63,92
	Đất rừng phòng hộ	*3023,80*	*15,93*	*3.116,81*	*16,42*	*3.116,81*	*16,42*
	Đất rừng sản xuất	*7660,93*	*40,35*	*8.645,26*	*45,53*	*9.019,69*	*47,50*
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	19,59	0,10	18,88	0,10	18,04	0,10
1.4	Đất nông nghiệp khác		0,00	3,99	0,02	3,99	0,02
2	**Đất xây dựng**	**248,12**	**1,31**	**579,48**	**3,05**	**1.258,82**	**6,63**
2.1	Đất ở tại nông thôn	65,77	0,35	125,39	0,66	198,97	1,05
2.2	Đất công cộng	14,71	0,08	14,68	0,08	14,50	0,08
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	*0,39*	*0,00*	*1,23*	*0,01*	*1,23*	*0,01*
	Đất xây dựng cơ sở y tế	*0,54*	*0,00*	*0,81*	*0,00*	*0,81*	*0,00*
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	*11,82*	*0,06*	*8,67*	*0,05*	*8,49*	*0,04*
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	*1,95*	*0,01*	*3,95*	*0,02*	*3,95*	*0,02*
	Điểm bưu điện - văn hóa xã	*0,02*	*0,00*	*0,02*	*0,00*	*0,02*	*0,00*
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,53	0,00	3,30	0,02	3,30	0,02
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	15,59	0,08	40,57	0,21	56,71	0,30

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2025		Quy hoạch Đến năm 2030		Quy hoạch Đến năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	*15,59*	*0,08*	*40,57*	*0,21*	*56,71*	*0,30*
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề					5,00	0,03
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					*5,00*	*0,03*
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng			13,89	0,07	15,75	0,08
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,05	0,00	53,74	0,28	78,40	0,41
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	148,14	0,78	313,16	1,64	871,45	4,45
	Đất giao thông	*104,11*	*0,55*	*185,59*	*0,97*	*243,58*	*1,24*
	Đất xử lý chất thải rắn		*0,00*	*3,88*	*0,02*	*7,05*	*0,04*
	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	*2,47*	*0,01*	*6,41*	*0,03*	*32,54*	*0,17*
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	*41,56*	*0,22*	*117,28*	*0,61*	*588,28*	*3,01*
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	2,96	0,02	2,89	0,02	2,89	0,01
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,37	0,00	11,85	0,06	11,85	0,06
	Đất quốc phòng		*0,00*	*10,00*	*0,05*	*10,00*	*0,05*
	Đất an ninh	*0,37*	*0,00*	*1,85*	*0,01*	*1,85*	*0,01*
3	**Đất khác**	**7.129,89**	**37,55**	**4.928,74**	**25,80**	**3.909,25**	**19,97**
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	918,47	4,84	909,65	4,76	916,55	4,68
3.2	Đất chưa sử dụng	6.211,42	32,71	4.019,08	21,04	2.992,69	15,29

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2045 XÃ KHOEN ON, TỈNH LAI CHÂU									
STT	**Hạng mục Quy hoạch**	**Địa điểm**	**Quy mô**	**Tổng mức đầu tư (tr.đồng)**	**Nguồn vốn ngân sách NN**	**Nguồn vốn hợp pháp khác**	**Giai đoạn 2026-2030**	**Giai đoạn 2031-2045**	**Ghi chú**
I	**Dự án Hạ tầng xã hội, công trình công cộng**								
1	Trung tâm hành chính xã Khoen On	Bản Củng	1,15 ha	90.000	90.000		90.000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
2	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Khoen On	Bản Củng	0,9 ha	19.000	19.000		19.000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
3	Nhà thư viện cộng đồng xã Khoen On	Xã Khoen On	0,01 ha (trong khuân viên trụ sở xã)	1.200	1.200		1.200		Danh mục CTMTQG
4	Nhà văn hóa và điểm vui chơi bản Mỳ	Xã Khoen On	Xây dựng nhà khung thép và các hạng mục phụ trợ	2.500	2.500		2.500		Danh mục CTMTQG
5	Nhà văn hóa và điểm vui chơi bản Nam	Xã Khoen On	Xây dựng bổ sung nhà khung thép và hạng mục phụ trợ	700	700		700		Danh mục CTMTQG
6	Nhà văn hóa và điểm vui chơi bản Gia	Xã Khoen On	Xây dựng bổ sung nhà khung thép và hạng mục phụ trợ	700	700		700		Danh mục CTMTQG
7	Nhà văn hóa và điểm vui chơi bản Hỳ	Xã Khoen On	Xây dựng bổ sung nhà khung thép và hạng mục phụ trợ	700	700		700		Danh mục CTMTQG
8	Nhà văn hóa và điểm vui chơi bản Mùi	Xã Khoen On	Xây dựng nhà khung thép và các hạng mục phụ trợ	3.200	3.200		3.200		Danh mục CTMTQG
9	Nhà văn hóa và điểm vui chơi bản Chế Hạng	Xã Khoen On	Xây dựng bổ sung nhà khung thép và hạng mục phụ trợ	700	700		700		Danh mục CTMTQG
10	Nhà văn hóa và điểm vui chơi bản Mở	Xã Khoen On	Xây dựng bổ sung nhà khung thép và hạng mục phụ trợ	700	700		700		Danh mục CTMTQG
11	Nhà văn hóa và điểm vui chơi bản On	Xã Khoen On	Xây dựng bổ sung nhà khung thép và hạng mục phụ trợ	700	700		700		Danh mục CTMTQG
12	Trường PTDTBT TH xã Khoen On (Điểm trung tâm, bản Mùi, Hua Đán)	Xã Khoen On	- Điểm trung tâm: San gạt mặt bằng. Xây mới: 01 văn phòng; 01 phòng ban giám hiệu, 01 phòng dành cho nhân viên, 1 khu sân chơi, thể dục thể thao; 01 khu thu gom rác thải; 1 khu nhà vệ sinh CBGV,NV. - Điểm bản Mùi: Xây mới 01 khu thu gom rác thải, nhà để xe; Xây kè ta luy phía sau dãy nhà 2 tầng. - Điểm Hua Đán: Xây mới 01 nhà công vụ, 01 nhà vệ sinh. Đổ bê tông sân chơi, xây tường rào.	5.500	5.500		5.500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
13	Trường PTDTBT THCS Khoen On (điểm Mùi 2)	Xã Khoen On	- Lát gạch sân trường; - Công trình nước sạch; - Xây mới tường rào. - Nâng cấp sửa chữa 06 phòng học, 6 phòng hành chính, 8 phòng công vụ.	2.000	2.000		2.000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
14	Mở rộng trạm y tế xã Khoen On	Bản Củng	0,05 ha	2.000	2.000		2.000		
15	Xây dựng trụ sở Hạt kiểm lâm	Bản Nam	0,03 ha	1.000	1.000		1.000		
16	Điểm trạm y tế bản On 1	Bản On 1	0,03 ha	1.000	1.000		1.000		
17	Xây dựng mới các hạng mục công trình, cải tạo nâng cấp, mở rộng các điểm trường	Xã Khoen On		20.000	20.000		10.000	10.000	

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
18	Xây dựng mới các hạng mục công trình, cải tạo nâng cấp, mở rộng các nhà văn hóa thôn bản	Xã Khoen On		20.000	20.000		10.000	10.000	
II	**Dự án Quốc phòng - An ninh**								
1	Xây dựng mới trụ sở công an xã Khoen On	Bản Củng	1,6 ha	40.000	40.000		40.000		Công an xã đề xuất
2	Xây dựng mới trụ sở ban chỉ huy quân sự xã	Bản Co Cai	1,5 ha	40.000	40.000		40.000		BCHQS xã đề xuất
3	Quy hoạch các vị trí đất quốc phòng khác theo yêu cầu của BCHQS xã	Xã Khoen On	8,5 ha						BCHQS xã đề xuất
III	**Dự án du lịch**								
1	Khu du lịch lòng hồ thuỷ điện Huổi Quảng gắn với quần thể hang động Bản Mè, hang Thẳm Nánh								Thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030
-	Quần thể hang động bản Mè	Xã Khoen On	31,43 ha	20.000		20.000	10.000	10.000	
-	Quần thể danh lam thắng cảnh Vịnh Ta Gia	Xã Khoen On	54,22 ha	20.000		20.000	10.000	10.000	
IV	**Dự án công nghiệp, khoáng sản**								
1	Xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Xã Khoen On	5 ha	10.000		10.000	5.000	5.000	Thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030
2	Mỏ đá Suối On, xã Khoen On	Xã Khoen On	14,54 ha						Thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030
3	Mỏ cát Khu 5 lòng hồ thủy điện Huội Quảng, xã Khoen On	Xã Khoen On	2,66 ha						Thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030
4	Mỏ cát Khu 6 lòng hồ thủy điện Huội Quảng, xã Khoen On	Xã Khoen On	2,06 ha						Thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030
5	Mỏ cát bản Chế Hạng, xã Khoen On	Xã Khoen On	2,19 ha						Giai đoạn 2031-2045
6	Mỏ cát bản Mùi, xã Khoen On	Xã Khoen On	3,49 ha						Giai đoạn 2031-2045
V	**Dự án thương mại, dịch vụ**								
1	Chợ Thẳm Củng	Bản Củng	0,65 ha	27.000	7.000	20.000	7.000	20000	Thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030
2	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khoen On 1, kết hợp trạm sạc	Xã Khoen On	0,18 ha	3.000		3.000	3.000		Thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030
3	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khoen On 2, kết hợp trạm sạc	Xã Khoen On	0,1 ha	3.000		3.000		3.000	
4	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (vị trí Trụ sở UBND xã Khoen On cũ)	Bản On	0,17 ha	10.000		10.000		10.000	
5	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (các vị trí hai bên hồ thủy điện Huội Quảng)	Xã Khoen On	44,27 ha	50.000		50.000		50.000	
6	Bãi tập kết vật liệu xây dựng bản Mở	bản Mở	0,22 ha	3.000		3.000		3.000	
7	Bãi tập kết vật liệu xây dựng bản Mỳ	bản Mỳ	0,28 ha	3.000		3.000		3.000	
8	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ trong khu trung tâm	Xã Khoen On	6,04 ha	10.000		10.000		10.000	
9	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ bản Noong Quang	bản Noong Quang	20,33 ha	10.000		10.000		10.000	
10	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ bản Noong Quang (di tích cột cờ)	bản Noong Quang	0,91 ha	3.000		3.000		3.000	
11	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ bản Hua Đán	bản Hua Đán	2,33 ha	3.000		3.000		3.000	
12	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ bản Mở	bản Mở	2 ha	3.000		3.000		3.000	
VI	**Dự án Khu dân cư**								

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
1	Tạo quỹ đất ở phục vụ đấu giá, giao đất, tái định cư (Nhà văn hóa, chợ xã Khoen On cũ)	Xã Khoen On	0,25 ha						
2	Dự án tạo quỹ đất ở xây dựng khu dân cư nông thôn dọc hai bên đường QL 279D (tại diện tích công trường thủy điện Huổi Quảng trả lại để Đấu giá, TĐC, giao đất có thu tiền sử dụng đất)	Xã Khoen On	1,46 ha						
3	Khẩn cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai khu vực Bản Đốc, xã Khoen On, tỉnh Lai Châu	Xã Khoen On	5 ha						
4	Bố trí quỹ đất nhà ở xã hội	Xã Khoen On	1 ha						
5	Quy hoạch đất ở mới trong khu trung tâm xã	Xã Khoen On	9 ha						
6	Quy hoạch đất ở mới các bản (phục vụ chuyển mục đích, giãn dân)	Xã Khoen On							
VII	**Dự án Năng lượng**								
1	Điện mặt trời Huổi Quảng 1 (Hồ thuỷ điện Huội Quảng)	Xã Khoen On	100MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
2	Điện mặt trời Huội Quảng 2 (Hồ thuỷ điện Huội Quảng)	Xã Khoen On	140MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
3	Điện mặt trời Huội Quảng 3 (Hồ thuỷ điện Huội Quảng)	Xã Khoen On	100MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
4	ĐMT nổi Huội Quảng 1 (hồ TĐ Huội Quảng)	Xã Khoen On	50MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
5	ĐMT nổi Huội Quảng 2 (hồ TĐ Huội Quảng)	Xã Khoen On	50MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
6	Điện mặt trời trên địa bàn xã Khoen On	Xã Khoen On	500MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
7	Thủy điện Nậm Mở 1A	Xã Khoen On	30MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
8	Thủy điện Nậm Mở 2	Xã Khoen On	17MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
9	Thủy điện Nà Tỏ	Xã Khoen On	5MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
10	Thủy điện Nậm Mở 2A	Xã Khoen On	5MW						Nguồn vốn hợp pháp khác (dự án riêng)
VIII	**Dự án Nông nghiệp**								
1	Phát triển nuôi cá lồng trên lòng hồ thủy điện và Trang trại nuôi cá nước lạnh	Xã Khoen On							Thu hút đầu tư ngoài NSNN giai đoạn 2026-2030
2	Trồng rừng sản xuất gắn với chế biến lâm sản	Xã Khoen On							Thu hút đầu tư ngoài NSNN giai đoạn 2026-2030
3	Phát triển vùng chuyên canh rau, củ quả	Xã Khoen On							Thu hút đầu tư ngoài NSNN giai đoạn 2026-2030
4	Phát triển cây ăn quả, vùng sản xuất dứa tập trung	Xã Khoen On							Thu hút đầu tư ngoài NSNN giai đoạn 2026-2030

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
5	Phát triển vùng gạo đặc sản, chất lượng	Xã Khoen On							Thu hút đầu tư ngoài NSNN giai đoạn 2026-2030
6	Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa, quả	Xã Khoen On							Thu hút đầu tư ngoài NSNN giai đoạn 2026-2030
7	Phát triển vùng trồng sâm	Xã Khoen On							Thu hút đầu tư ngoài NSNN giai đoạn 2026-2030
IX	**Dự án hạ tầng kỹ thuật**								
9.1	***Giao thông***								
1	Cao tốc Lai Châu - Sơn La	Xã Khoen On	Đầu tư giai đoạn sau 2030, cao tốc 4 làn xe						Vốn Ngân sách (Dự án riêng)
2	Cải tạo nâng cấp QL279D	Xã Khoen On	Cấp III-Ivmn, 2 làn xe						Vốn Ngân sách (Dự án riêng)
3	Xây dựng các bến thuỷ nội địa khu vực hồ thuỷ điện Huội Quảng	Xã Khoen On	Xây dựng đường xuống bến; nhà chờ và các hạng mục phụ trợ khác (Bến bản Hỳ; Bến bản Noong Quài; Bến bản Củng; Bến Bản On; Bến Bản Đốc)	10.000,00	10000		10000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
4	Đường dạo ven hồ thủy điện Huội Quảng	Xã Khoen On	Từ bến đò bản Hỳ đến cầu bản Gia	10.000,00	10000		10000		
5	Đường nội bản Hua Đán	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông khoảng 0,3 km và các hạng mục phụ trợ	662,57	662,57		662,57		Danh mục CT MTQG
6	Đường nội bản Noong Quang	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông khoảng 0,3 km và các hạng mục phụ trợ	618,00	618,00		618,00		Danh mục CT MTQG
7	Đường nội bản Tà Lồm	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông khoảng 0,4 km và các hạng mục phụ trợ	714,00	714		714		Danh mục CT MTQG
8	Đường nội bản Huổi cầy	Xã Khoen On	Mở mới khoảng 0,4 km, đổ bê tông khoảng 0,6 km và các hạng mục phụ trợ	1.020,00	1020		1020		Danh mục CT MTQG
9	Đường lên vùng sản xuất bản Huổi Cầy	Xã Khoen On	Mở mới khoảng 5 km và các hạng mục phụ trợ	9.875,06	9875,06		9875,06		Danh mục CT MTQG
10	Mở mới tuyến đường liên bản Mùi 1 - Noong Quang	Xã Khoen On	Đầu tư mới, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 3,5 km và các hạng mục phụ trợ.	10.000,00	10000		10000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
11	Mở mới đường ra khu sản xuất Pá Ban - Nà Tọ bản Chế Hạng	Xã Khoen On	Xây dựng đường với chiều dài khoảng 2,5km và các hạng mục phụ trợ	7.000,00	7000		7000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
12	Mở mới đường sản xuất từ bản On đi Phiêng Mựt	Xã Khoen On	Đầu tư mới, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 3,5 km và các hạng mục phụ trợ.	10.000,00	10000		10000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
13	Đường sản xuất Phiêng Co Sọ (bản Co Cai) đến Noong Trưởng Đôn (bản Nam)	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp BTXM, Chiều dài khoảng 1.000m, rộng 3m, dày 16cm và các hạng mục phụ trợ	2.000,00	2000		2000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
14	Đường sản xuất lên vùng chè bản Huổi Cầy	Xã Khoen On	Mở mới đường chiều dài khoảng 7,5 km và các hạng mục phụ trợ	22.500,00	22500		22500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
15	Đường liên bản Huổi Cầy đi Nong Quài	Xã Khoen On	Mở mới khoảng 9km đường và các hạng mục phụ trợ	27.000,00	27000		27000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
16	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL279D lên bản Noong Quang	Xã Khoen On	Nâng cấp, mở rộng và đổ bê tông mặt đường với chiều dài 9km và các hạng mục phụ trợ	14.200,00	14200		14200		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
17	Nâng cấp, sửa chữa đường nối từ Mùi 2 lên Hua Đán	Xã Khoen On	Mở rộng, đầu tư mới đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 7km, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ	14.000,00	14000		14000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
18	Mở mới đường liên bản Hua Đán - Tà Lồm	Xã Khoen On	Xây dựng cầu treo chiều dài khoảng 90 m đổ BTXM mặt đường dài khoảng 6,5 km và các hạng mục phụ trợ	25.000,00	25000		25000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
19	Đường sản xuất bản Hua Mỳ	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp GTNT, chiều dài 3,5 km và các hạng mục phụ trợ	10.000,00	10000		10000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
20	Nâng cấp đường liên bản từ bản Sàng đi Chế Hạng	Xã Khoen On	Mở rộng, nâng cấp bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 4km và các hạng mục phụ trợ	6.300,00	6300		6300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
21	Nâng cấp đường từ QL279D đi bản Mùi 2	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường láng nhựa với chiều dài 6km và các hạng mục phụ trợ	10.000,00	10000		10000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
22	Nâng cấp, sửa chữa đường từ bến thuyền lên bản Noong Quài	Xã Khoen On	Nâng cấp, sửa chữa một số đoạn bị xuống cấp đường chiều dài khoảng L=5km và một số hạng mục khác	8.000,00	8000		8000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
23	Nâng cấp đường sản xuất bản Hua Đán	Xã Khoen On	Đầu tư mới đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 2 km và các hạng mục phụ trợ.	4.500,00	4500		4500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
24	Nâng cấp đường sản xuất bản Củng	Xã Khoen On	Nâng cấp đổ bê tông tuyến đường dài khoảng 0,4 km và các hạng mục phụ trợ.	450,00	450		450		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
25	Nâng cấp đường nội bản Củng, Noong Quài	Xã Khoen On	Bản củng: Đổ bê tông chiều dài khoảng 210m; Bản Noong quài: mở mới, đổ bê tông chiều dài khoảng 190m và các hạng mục phụ trợ.	1.000,00	1000		1000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
26	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL 279D đi Ten Co Mư	Xã Khoen On	Đường BTXM, chiều dài khoảng 2.000 m; rộng 3 m và các hạng mục phụ trợ	4.000,00	4000		4000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
27	Đường nội bản Noong Quài	Xã Khoen On	mở mới, đổ BTNT dài khoảng 190m, rộng 2,5m, dày 16cm và rãnh dọc 2 bên đường và các hạng mục phụ trợ	300,00	300		300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
28	Đường nội bản Hỳ	Xã Khoen On	Nâng cấp đường chiều dài khoảng 600 m, rộng 2,5m, dày 14cm và các hạng mục phụ trợ	1.300,00	1300		1300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
29	Đường nội bản củng (đường TCM - Nhà Lường Văn Bộ)	Xã Khoen On	Nâng cấp đường chiều dài khoảng 90m, rộng 3 m, dày 14cmvà các hạng mục phụ trợ	100,00	100		100		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
30	Đường nội đồng bản Co Cai đi Pu Kham Pỏm, Huổi Co Lìu	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông chiều dài khoảng 2,2 km và các hạng mục phụ trợ	3.000,00	3000		3000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
31	Đường sản xuất bản Mỳ nối tiếp đến ruộng Ông Hà Văn Dũng	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông chiều dài khoảng 1,6 km và các hạng mục phụ trợ	2.100,00	2100		2100		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
32	Đường nội bản Huổi Cầy	Xã Khoen On	Mở mới khoảng 0,55 km, đổ bê tông chiều dài khoảng 1, 35 km và các hạng mục phụ trợ	1.600,00	1600		1600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
33	Đường sản xuất bản Hỳ	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp chiều dài khoảng 1, 4 km và các hạng mục phụ trợ	1.700,00	1700		1700		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
34	Nâng cấp đường sản xuất Huổi Co Lìu bản Co Cai	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 0,6 km và các hạng mục phụ trợ	750,00	750		750		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
35	Đường sản xuất Huổi Cầy - Huổi Nằn	Xã Khoen On	Xây dựng đường chiều dài khoảng 6 km và các hạng mục phụ trợ	8.200,00	8200		8200		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
36	Nâng cấp đường sản xuất vùng Chè Lọng Cuổi Bản Gia	Xã Khoen On	Nâng cấp bê tông chiều dài khoảng 4 km và các hạng mục phụ trợ	5.000,00	5000		5000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
37	Nâng cấp đường sản xuất bản Mè	Xã Khoen On	Nâng cấp bê tông chiều dài khoảng 2 km và các hạng mục phụ trợ	2.500,00	2500		2500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
38	Đường sản xuất Tàng Lỏng - Huổi Khún bản Củng	Xã Khoen On	Xây dựng đường chiều dài khoảng 2,4 km và các hạng mục phụ trợ	3.300,00	3300		3300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
39	Đường sản xuất bản Mè đi Phiêng Pá Ban	Xã Khoen On	Xây dựng đường chiều dài khoảng 2,7 km và các hạng mục phụ trợ	3.700,00	3700		3700		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
40	Nâng cấp đường nội bản Khem	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 0,7 km và các hạng mục phụ trợ	800,00	800		800		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
41	Nâng cấp đường nội đồng bản Mỳ	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 1,2 km và các hạng mục phụ trợ	1.500,00	1500		1500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
42	Đường nội đồng Na Van Ly - bản Củng	Xã Khoen On	Xây dựng tuyến đường chiều dài khoảng 0,5 km và các hạng mục phụ trợ	680,00	680		680		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
43	Nâng cấp đường nội bản Củng (Xá Cuông)	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 0,5 km và các hạng mục phụ trợ	600,00	600		600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
44	Đường sản xuất Đán Gia, bản Gia	Xã Khoen On	Mở mới chiều dài khoảng 0,3 km và các hạng mục phụ trợ	400,00	400		400		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
45	Nâng cấp đường nội bản Gia	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 0,5 km và các hạng mục phụ trợ	600,00	600		600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
46	Đường sản xuất Noong Quài - Kéo Ca (Nối tiếp)	Xã Khoen On	Nâng cấp đổ bê tông tuyến đường dài khoảng 2,3 km và các hạng mục phụ trợ	4.600,00	4600		4600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
47	Nâng cấp, mở rộng đường xuống bến thuyền, san gạt bến thuyền	Xã Khoen On	Đường BTXM 3,5m dài khoảng 80m, san gạt bến thuyền, diện tích khoảng 530m2 và các hạng mục phụ trợ	3.000,00	3000		3000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
48	Kè đường nội bản Huổi Cầy	Xã Khoen On	Kè bảo vệ 2 bên đường chiều dài khoảng 45m	100,00	100		100		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
49	Nâng cấp đường nội bản Mùi 2	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 0,6km và các hạng mục phụ trợ	650,00	650		650		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
50	Đường nội bản Mùi 2 đi Tà Lồm	Xã Khoen On	Nâng cấp, sửa chữa mặt đường với chiều dài khoảng 6km, hệ thống thoát nước và các phụ trợ khác	10.000,00	10000		10000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
51	Đường nội đồng bản Đốc	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 1,2km và các hạng mục phụ trợ	1.300,00	1300		1300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
52	Mở mới đường khu sản xuất vùng chè Chế Hạng, bản Sàng	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 0,7km và các hạng mục phụ trợ	840,00	840		840		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
53	Đường sản xuất từ đất ruộng ông Lò Văn Tân - Khu Huổi En	Xã Khoen On	mở mới, nâng cấp GTNT - C, chiều dài khoảng 1,9 km	4.000,00	4000		4000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
54	Đường sản xuất bản Ten Co Mư, Huổi Hỳ đến ruộng Chài + Ông + ruộng Liến	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp GTNT - C, chiều dài khoảng 0,5km	1.500,00	1500		1500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
55	Đường sản xuất bản Ten Co Mư, Huổi Hỳ	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp BTXM, Chiều dài khoảng 500m, rộng 3m, dày 16cm.	1.500,00	1500		1500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
56	Nâng cấp, bổ sung tấm đan rãnh đường nội bản Ten Co Mư	Xã Khoen On	Đậy tấm đan chiều dài khoảng 1,35 km (khoảng 1.350 tấm)	1.400,00	1400		1400		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
57	Mở mới đường ra khu sản xuất Huổi Lưỡng bản Chế Hạng	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp chiều dài khoảng 2 km và các hạng mục phụ trợ	4.400,00	4400		4400		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
58	Nâng cấp, sửa chữa đường nội bản Tà Lồm	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 1,5km. Xây dựng mới 01 cầu cạn và các hạng mục phụ trợ	2.000,00	2000		2000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
59	Nâng cấp, sửa chữa đường nội bản Noong Quang	Xã Khoen On	Đầu tư mới đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 1,6km và các hạng mục phụ trợ	1.900,00	1900		1900		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
60	Đường bê tông lên khu sản xuất Huổi Ta Xả	Xã Khoen On	mở mới, Nâng cấp đường Huổi Ta Xả khoảng 261 m và các hạng mục phụ trợ	1.400,00	1400		1400		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
61	Duy tu, bảo dưỡng nội bản Hua Mỳ	Xã Khoen On	Duy tu, bảo dưỡng đường 120m, rãnh 200m BTXM các hạng mục phụ trợ	300,00	300		300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
62	Đường Quế bản Gia	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp GTNT ; khoảng0,5 km các hạng mục phụ trợ	2.000,00	2000		2000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
63	Nâng cấp, sửa chữa đường nội đồng Bản Sàng	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 0,5km và các hạng mục phụ trợ	600,00	600		600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
64	Nâng cấp đường nội bản Chế Hạng	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 0,5km và các hạng mục phụ trợ	600,00	600		600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
65	Đường sản xuất Huổi Xá bản Củng	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp chiều dài khoảng 0,33 km và các hạng mục phụ trợ	360,00	360		360		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
66	Nâng cấp đường bản Mè vào khu quần thể hang động Thẳm Póng	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 0,2 km và các hạng mục phụ trợ	220,00	220		220		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
67	Nâng cấp, sửa chữa đường nội đồng bản Mở nối bản Đốc	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 1,2km và các hạng mục phụ trợ	1.300,00	1300		1300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
68	Đường nội bản Hua Đán, xã Khoen On	Xã Khoen On	Mở rộng, đổ bê tông mặt đường với chiều dài khoảng 1,2km và các hạng mục phụ trợ	1.300,00	1300		1300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
69	Nâng cấp đường sản xuất bản Hua Đán	Xã Khoen On	Nâng cấp đổ BTXM chiều dài khoảng 1,5km, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ khác	2.500,00	2500		2500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
70	Đường giao thông trục chính sản xuất Huổi Khún đến Huổi Giồm bản Củng	Xã Khoen On	Mở mới, nâng cấp GTNT, chiều dài khoảng 9km và các hạng mục phụ trợ khác	17.000,00	17000		17000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
71	Nâng cấp đường sản xuất Tàng Lỏng - Huổi Luồng - Đông Mạt - Phiêng Mạt - bản Gia	Xã Khoen On	Nâng cấp đổ BTXM chiều dài khoảng 4,7km và các hạng mục phụ trợ khác	7.600,00	7600		7600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
72	Nâng cấp đường từ QL279D bản Nam đi bản Mùi 2	Xã Khoen On	Chiều dài khoảng L= 11km; mở rộng mặt đường; hệ thống thoát nước và một số hạng mục phụ trợ khác	38.500,00	38500		38500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
73	Xây dựng mới cầu bê tông cốt thép bản Mùi 1 - Mùi 2; bản Chế Hạng	Xã Khoen On	- Cầu Mùi 1- Mùi 2: Xây dựng cầu bê tông cốt thép chiều dài khoảng 54m và các hạng mục phụ trợ khác - Cầu Chế Hạng: Xây dựng cầu bê tông cốt thép chiều dài khoảng 70m và các hạng mục phụ trợ khác	40.000,00	40000		40000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
74	Đường vào điểm TĐC Bản Mùi (GTNT A)	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp mặt đường chiều dài khoảng 5,7km, theo tiêu chuẩn đường cấp A nông thôn mới tại QĐ số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022	22.000,00	22000		22000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
75	Đường vào điểm TĐC Tèn Cò Mư (GTNT A)	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp mặt đường chiều dài tuyến đường khoảng 2,5 km theo tiêu chuẩn đường cấp A nông thôn mới tại QĐ số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022	9.000,00	9000		9000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
76	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Bản Mở	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông rộng 3m, dày 16cm chiều dài khoảng 2,5 Km , rãnh thoát nước bê tông khoảng 500m theo tiêu chuẩn cấp đường B nông thôn mới tại QĐ số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022	5.000,00	5000		5000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
77	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Bản Đốc	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông rộng 3m, dày 16cm chiều dài khoảng 1,2 Km , rãnh thoát nước bê tông khoảng 700m theo tiêu chuẩn đường cấp B nông thôn mới tại QĐ số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022	2.500,00	2500		2500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
78	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Phiêng Xá Cuông	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 2,2 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	2.500,00	2500		2500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
79	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Tèn Cò Mư	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,9 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	2.200,00	2200		2200		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
80	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Bản Sàng	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,8 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	2.000,00	2000		2000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
81	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Bản On mới	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,7 km và sửa chữa rãnh thoát 0,2 km, tấm đan	1.800,00	1800		1800		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
82	Đường nội bộ điểm TĐC Bản Đốc mới	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,6 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	1.800,00	1800		1800		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
83	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Bản Gia mới	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,5 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	1.600,00	1600		1600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
84	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Bản Mùi	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,2 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	1.400,00	1400		1400		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
85	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Bản Mè mới	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,3 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	1.400,00	1400		1400		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
86	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Đồi Ông Hoàng	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,2 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	1.300,00	1300		1300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
87	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư bản Mở	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng 1,0 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	1.200,00	1200		1200		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
88	Đường nội bộ mặt bằng điểm tái định cư Pom Pa	Xã Khoen On	Nâng cấp mặt đường bê tông XM chiều dài tuyến đường nội bộ khoảng ,0,9 km và sửa chữa rãnh thoát, tấm đan	1.000,00	1000		1000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
89	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông trên địa bàn xã	Xã Khoen On							
9.2	***Dự án chuẩn bị kỹ thuật***								
1	Hồ treo xã Khoen On	Xã Khoen On	5 ha						
2	Nâng cấp thuỷ lợi bản Hua Mỳ	Xã Khoen On	Đầu tư mới đoạn nối tiếp chiều dài khoảng 1,7 km và các hạng mục phụ trợ khác	820,00	820		820		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
3	Thuỷ lợi Sông Đông bản Co Cai	Xã Khoen On	Đầu tư mới chiều dài khoảng 2,5 km và các hạng mục phục trợ khác	1.200,00	1200		1200		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
4	Nâng cấp thuỷ lợi bản Hỳ	Xã Khoen On	Nâng cấp đổ bê tông chiều dài khoảng 1km, có đậy tấm đan 400m và các hạng mục phụ trợ khác	520,00	520		520		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
5	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Mùi 1	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 2,5 km và các hạng mục phục trợ khác	750,00	750		750		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
6	Thủy lợi bản Chế Hạng	Xã Khoen On	Nâng cấp chiều dài khoảng 1,5 km và các hạng mục phục trợ khác	450,00	450		450		Kế hoạch đầu tư công trung hạn

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
7	Thuỷ lợi bản Huổi Cầy	Xã Khoen On	Đầu tư mới đoạn nối tiếp chiều dài 1,0 km và các hạng mục phụ trợ khác	600,00	600		600		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
8	Nâng cấp thủy lợi Nà Kè, bản Mở	Xã Khoen On	Đổ bê tông kênh với chiều 1,5km, rộng kênh 30cm, cao 40 cm, dày 10cm và các hạng mục phụ trợ khác	720,00	720		720		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
9	Thủy lợi bản Tà Lồm, Hua Đán, Noong Quang xã Khoen On	Xã Khoen On	Nâng cấp đổ bê tông kênh: Tà Lồm: Chiều dài khoảng 1,6km; Hua Đán: Chiều khoảng 2,6km, Noong Quang: Chiều dài khoảng 1,5km và các hạng mục phụ trợ khác	2.500,00	2500		2500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
10	Thủy lợi Phiêng Mựt	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp đầu mối và làm mới tuyến kênh đoạn đứt gãy khoảng 500m	3.000,00	3000		3000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
11	Xây dựng kè chắn lũ bản Mùi 2, Chế Hạng, xã Khoen On	Xã Khoen On	Xây kè cao 4m, Bản Mùi 2 dài khoảng 420m, bản Chế Hạng dài khoảng 400m và các hạng mục phụ trợ	24.000,00	24000		24000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
12	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất	Xã Khoen On							
9.3	***Dự án cấp nước***								
1	Nhà máy cấp nước sạch Khoen On	Xã Khoen On	0,5 ha	10.000	10.000			10.000	
2	Công trình cấp nước sinh hoạt bản Hỳ	Xã Khoen On	Xây mới đập đầu mối, bể lọc, bể chứa, tuyến ống dài khoảng 5 km, hệ thống lọc và các hạng mục phụ trợ khác	3.000,00	3000		3000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
3	Nâng cấp các công trình CNSH bản Co Cai, bản Mè, bản Nam	Xã Khoen On	Nâng cấp xây dựng đầu mối, bể lọc, đường ống dẫn nước và các hạng mục phụ trợ khác để cung cấp nước cho khoảng 200 hộ	1.500,00	1500		1500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
4	Cấp nước sinh hoạt Phiêng Khiết, bản Huổi Cầy	Xã Khoen On	Đầu tư giếng khoan và các hạng mục phụ trợ khác	500,00	500		500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
5	Cấp nước sinh hoạt bản On	Xã Khoen On	Đầu tư mới đập đầu mối, hệ thống dẫn nước đến bể chưa tại bản On chiều dài khoảng 3km	2.200,00	2200		2200		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
6	Cấp nước sinh hoạt bản on 1	Xã Khoen On	Nâng cấp đập đầu mối, hệ thống dẫn nước đến bể chứa khoảng 2,8 km	2.000,00	2000		2000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
7	Cấp nước sinh hoạt bản Tà Lồm	Xã Khoen On	Nâng cấp đập đầu mối, hệ thống dẫn nước đến bể chứa khoảng 0,5 km	500,00	500		500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
8	Cấp nước sinh hoạt bản Ten Co Mư	Xã Khoen On	Đầu tư giếng khoan và các hạng mục phụ trợ khác	500,00	500		500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
9	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản Mùi	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp đầu mối bể chứa, đường ống, đồng hồ.. Bổ sung hệ thống xử lý nước sạch đảm bảo tiêu chí nông thôn mới	1.800,00	1800		1800		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
10	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Tèn Cò Mư	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp đầu mối bể chứa, đường ống, đồng hồ.. Bổ sung hệ thống xử lý nước sạch đảm bảo tiêu chí nông thôn mới	1.800,00	1800		1800		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
11	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Láu Luông	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp đầu mối cấp nước và tuyến ống chính	1.500,00	1500		1500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
12	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản Sàng	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp đầu mối cấp nước, bể chứa, hệ thống ống và hệ thống xử lý nước sạch đảm bảo tiêu chí nông thôn mới	1.500,00	1500		1500		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
13	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Pom Pa	Xã Khoen On	Bổ sung hệ thống xử lý nước sạch đảm bảo tiêu chí nông thôn mới	900,00	900		900		Kế hoạch đầu tư công trung hạn

STT	Hạng mục Quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn ngân sách NN	Nguồn vốn hợp pháp khác	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2045	Ghi chú
14	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Đồi Ông Hoàng	Xã Khoen On	Bổ sung hệ thống xử lý nước sạch đảm bảo tiêu chí nông thôn mới	900,00	900		900		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
15	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản Mè mới và Bản Gia mới	Xã Khoen On	Bổ sung hệ thống xử lý nước sạch đảm bảo tiêu chí nông thôn mới (điểm bản Mè)	900,00	900		900		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
16	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản On mới	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp đầu mối bể chứa, đường ống, đồng hồ..phục vụ cho khoảng 40 hộ dân	2.000,00	2000		2000		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
17	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản Đốc mới	Xã Khoen On	Sửa chữa, nâng cấp đường ống,. Bổ sung hệ thống xử lý nước sạch đảm bảo tiêu chí nông thôn mới	1.300,00	1300		1300		Kế hoạch đầu tư công trung hạn
18	Công trình cấp nước khác trên địa bàn xã	Xã Khoen On							
9.4	***Dự án cấp điện***								
1	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn xã	Xã Khoen On							
9.5	***Dự án Thông tin liên lạc***								
1	Phát triển hạ tầng số,hạ tầng viễn thông trê địa bàn nông thôn; đầu tư điểm kết nối số,bưu chính cơ bản phục vụ công cộng và chính quyền số.	Xã Khoen On							
9.6	***Dự án Thoát nước thải - quản lý CTR và nghĩa trang***								
1	Khu xử lý rác thải tập trung (rác thải rắn và rác thải sinh hoạt)	Xã Khoen On	2,43 ha	20.000	20.000		8.000	12.000	
2	Các điểm tập kết rác thải tập trung tại các bản	Xã Khoen On							
3	Nghĩa trang nhân dân tập trung xã Khoen On	Xã Khoen On	5 ha						
4	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân các bản	Xã Khoen On	1,77 ha						
5	Nhà máy xử lý nước thải Khoen On	Xã Khoen On	0,2 ha	10.000	10.000			10.000	
6	Bãi đổ thải VLXD	Xã Khoen On	3,17 ha						